

**VĂN PHÒNG QUỐC HỘI  
TRUNG TÂM THÔNG TIN, THƯ VIỆN  
VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

**BẢO HIỂM TIỀN GỬI VIỆT NAM**

*Chuyên đề nghiên cứu chuyên sâu*

**VAI TRÒ CỦA TỔ CHỨC BẢO HIỂM TIỀN GỬI  
VIỆT NAM TRONG VIỆC BẢO VỆ NGƯỜI GỬI  
TIỀN VÀ ĐẢM BẢO AN SINH XÃ HỘI**

**HÀ NỘI, THÁNG 12-2008**

## **CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN**

**TS. Phùng Văn Hùng: Giám đốc Trung tâm Thông tin, Thư viện và Nghiên cứu khoa học**

**TS. Bùi Khắc Sơn: Tổng giám đốc Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam**

### **THAM GIA BIÊN SOẠN:**

TS. Nguyễn Như Minh, Phó Tổng giám đốc BHTGVN

Đỗ Khắc Tái, Phó giám đốc TTTT, TV & NCKH

Th.S Hoàng Lan Nhung, Phó trưởng phòng Thông tin

Th.S Nguyễn Linh Nam, trưởng phòng Nghiên cứu tổng hợp`

Th.S Phạm Bảo Khánh, trưởng phòng Giám sát 1

Th.S Đỗ Quốc Tình, Trưởng phòng Thông tin tuyên truyền

Nguyễn Duy Hoàn, Trưởng phòng Pháp chế

Th.S Lê Thuý Sen, Phó trưởng phòng Thông tin tuyên truyền

Th.S Lê Duy Cường, Phó trưởng phòng NCTH và hợp tác quốc tế

Th.S Lê Hùng Cường, cán bộ phòng Pháp chế

Nguyễn Thùy Linh, cán bộ phòng pháp chế

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	<b>7</b>
<b>CHƯƠNG I</b> .....	<b>12</b>
<b>CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ BẢO HIỂM TIỀN GỬI</b> .....	<b>12</b>
<b>VÀ VẤN ĐỀ BẢO VỆ NGƯỜI GỬI TIỀN</b> .....	<b>12</b>
<b>1.1. KHÁI QUÁT NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ BẢO HIỂM TIỀN GỬI VÀ VẤN ĐỀ BẢO VỆ NGƯỜI GỬI TIỀN</b> .....	<b>12</b>
<b>1.1.1. Khái quát về quá trình hình thành, phát triển bảo hiểm tiền gửi trên thế giới và sự ra đời của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam</b> .....	<b>12</b>
1.1.1.1 Khái quát quá trình hình thành, phát triển bảo hiểm tiền gửi trên thế giới .....	12
1.1.1.2 Sự ra đời và phát triển của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.....	15
<b>1.1.2. Khái niệm, bản chất, mục đích vai trò của bảo hiểm tiền gửi</b> .....	<b>18</b>
1.1.2.1. Bản chất bảo hiểm tiền gửi .....	19
1.1.2.2. Mục đích, vai trò của hoạt động bảo hiểm tiền gửi .....	20
<b>1.1.2. Phân biệt bảo hiểm tiền gửi với các loại hình bảo hiểm thương mại khác</b> .....	<b>31</b>
<b>1.1.3. Bảo hiểm tiền gửi và vấn đề bảo vệ người gửi tiền</b> .....	<b>33</b>
1.1.3.1. Rủi ro hoạt động ngân hàng.....	33
1.1.3.2. Phòng ngừa và quản trị rủi ro trong hoạt động ngân hàng.....	37
<b>1.2. CHÍNH SÁCH BẢO HIỂM TIỀN GỬI HIỆU QUẢ</b> .....	<b>38</b>
<b>1.3. KINH NGHIỆM QUỐC TẾ TRONG VIỆC XÂY DỰNG HỆ THỐNG BẢO HIỂM TIỀN GỬI HIỆU QUẢ</b> .....	<b>40</b>
<b>1.3.1. Về nhóm những quy định về chính sách bảo hiểm</b> .....	<b>40</b>
1.3.1.1 Cơ chế tham gia BHTG.....	40
1.3.1.2 Đối tượng tham gia BHTG.....	40
1.3.1.3 Loại tiền thuộc đối tượng được BHTG.....	41
1.3.1.4 Hạn mức chi trả tiền gửi được BHTG.....	41
<b>1.3.2. Nhóm những vấn đề liên quan đến hoạt động bảo hiểm tiền gửi</b> .....	<b>42</b>
1.3.2.1. Năng lực tài chính.....	42
1.3.2.2. Về phí Bảo hiểm tiền gửi.....	43
1.3.2.3. Các nghiệp vụ cơ bản.....	43
<b>1.3.3. Nhóm quy định về tổ chức Bảo hiểm tiền gửi</b> .....	<b>44</b>
1.3.3.1. Mô hình tổ chức.....	44
1.3.3.2. Mô hình hoạt động của tổ chức Bảo hiểm tiền gửi.....	46
<b>1.3.4. Nhóm về sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng</b> .....	<b>46</b>
1.3.4.1. Phối hợp trong việc giám sát hệ thống tài chính.....	46

1.3.4.2. Phối hợp trong việc xử lý đổ vỡ.....	47
<b>1.3.5. Những bài học cho Việt Nam trong việc bảo vệ người gửi tiền.....</b>	<b>48</b>
1.3.5.1. Những vấn đề chung .....	48
1.3.5.2. Những bài học cụ thể.....	49
<b>CHƯƠNG II.....</b>	<b>52</b>
<b>THỰC TRẠNG VẤN ĐỀ BẢO VỆ NGƯỜI GỬI TIỀN.....</b>	<b>52</b>
<b>TẠI VIỆT NAM .....</b>	<b>52</b>
<b>2.1. THỰC TRẠNG VỀ VẤN ĐỀ BẢO VỆ NGƯỜI GỬI TIỀN TẠI VIỆT NAM.....</b>	<b>52</b>
<b>2.1.1. Chính sách bảo hiểm tiền gửi.....</b>	<b>52</b>
2.1.1.1. Cơ chế tham gia bảo hiểm tiền gửi.....	52
2.1.1.2. Đối tượng tham gia.....	52
2.1.1.3. Loại tiền thuộc đối tượng được bảo hiểm.....	52
2.1.1.4. Hạn mức chi trả tiền gửi được bảo hiểm .....	53
<b>2.1.2. Các hoạt động bảo hiểm tiền gửi.....</b>	<b>53</b>
2.1.2.1. Về năng lực tài chính.....	53
2.1.2.2. Về phí Bảo hiểm tiền gửi.....	55
2.1.2.3. Các nghiệp vụ.....	55
<b>2.1.3. Tổ chức thực hiện việc bảo vệ người gửi tiền.....</b>	<b>58</b>
2.1.3.1. Mô hình tổ chức.....	58
2.1.3.2. Mô hình hoạt động.....	60
<b>2.1.4. Sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong việc bảo vệ người gửi tiền .....</b>	<b>64</b>
2.1.4.1 Phối hợp trong việc giám sát thị trường tài chính .....	64
2.1.4.2 Phối hợp trong việc xử lý đổ vỡ.....	67
<b>2.1.5. Nhận thức của công chúng về Bảo hiểm tiền gửi tại Việt Nam.....</b>	<b>68</b>
<b>2.1.6. Hành lang pháp lý về vấn đề bảo vệ người gửi tiền tại Việt Nam.....</b>	<b>70</b>
<b>2.2. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ, TỒN TẠI, HẠN CHẾ CỦA VẤN ĐỀ BẢO VỆ NGƯỜI GỬI TIỀN TẠI VIỆT NAM.....</b>	<b>73</b>
<b>2.2.1. Đánh giá chung về những thành tựu trong việc thực hiện chính sách bảo vệ người gửi tiền và đảm bảo an sinh xã hội.....</b>	<b>73</b>
<b>2.2.2. Hiệu quả của chính sách bảo vệ người gửi tiền .....</b>	<b>74</b>
2.2.2.1 Cơ chế bảo hiểm tiền gửi .....	74
2.2.2.2 Về đối tượng tham gia BHTG.....	75
2.2.2.3 Về loại tiền gửi được BHTG.....	76
2.2.2.4 Về hạn mức chi trả tiền gửi được bảo hiểm.....	77
<b>2.2.3. Hiệu quả của những hoạt động nghiệp vụ .....</b>	<b>78</b>

2.2.3.1 Về năng lực tài chính của tổ chức BHTG .....	78
2.2.3.2 Về phí bảo hiểm tiền gửi .....	80
2.2.3.3 Về các hoạt động nghiệp vụ .....	80
<b>2.2.4. Về tổ chức Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.....</b>	<b>84</b>
2.2.4.1 Mô hình tổ chức.....	84
2.2.4.2 Mô hình hoạt động.....	84
<b>2.2.5. Sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong việc bảo vệ người gửi tiền .....</b>	<b>84</b>
2.2.5.1 Sự phối hợp trong việc giám sát thị trường tài chính.....	84
2.2.5.1 Sự phối hợp trong việc xử lý đổ vỡ tín dụng .....	87
<b>CHƯƠNG III.....</b>	<b>88</b>
<b>QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP BẢO VỆ NGƯỜI GỬI TIỀN.....</b>	<b>88</b>
<b>VÀ NÂNG CAO VAI TRÒ CỦA TỔ CHỨC BẢO HIỂM.....</b>	<b>88</b>
<b>TIỀN GỬI TẠI VIỆT NAM .....</b>	<b>88</b>
<b>3.1. QUAN ĐIỂM VỀ BẢO VỆ NGƯỜI GỬI TIỀN Ở VIỆT NAM .....</b>	<b>88</b>
3.1.1. Yêu cầu đặt ra đối với bảo vệ người gửi tiền .....	88
3.1.2. Những yêu cầu để người gửi tiền được bảo vệ tốt hơn .....	91
3.1.3. Yêu cầu đặt ra đối với tổ chức bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.....	94
3.1.4. Yêu cầu về hoàn thiện hệ thống pháp luật về Bảo hiểm tiền gửi tại Việt Nam.....	95
<b>3.2. CÁC GIẢI PHÁP BẢO VỆ NGƯỜI GỬI TIỀN TẠI VIỆT NAM.....</b>	<b>96</b>
3.2.1. Giải pháp hoàn thiện chính sách bảo vệ người gửi tiền .....	96
3.2.1.1 Về đối tượng được bảo hiểm BHTG .....	96
3.2.1.2 Về loại tiền gửi được bảo hiểm .....	97
3.2.1.3 Về đối tượng tham gia BHTG bắt buộc .....	97
3.2.1.4 Về hạn mức chi trả tiền gửi được bảo hiểm.....	97
3.2.2. Những quy định liên quan đến hoạt động Bảo hiểm tiền gửi.....	100
3.2.2.1 Về năng lực tài chính .....	100
3.2.2.2 Về phí bảo hiểm tiền gửi .....	101
3.2.2.3 Về các hoạt động nghiệp vụ .....	101
3.2.3. Về mô hình của tổ chức Bảo hiểm tiền gửi tại Việt Nam.....	104
3.2.3.1 Về hoàn thiện mô hình tổ chức .....	104
3.2.3.2 Về hoàn thiện mô hình hoạt động.....	104
3.2.4. Về sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng liên quan .....	105
3.2.4.1 Về sự phối hợp giữa BHTG với các cơ quan chức năng trong việc thực hiện giám sát hệ thống tài chính quốc gia .....	105

3.2.4.2 Về sự phối hợp giữa BHTGVN với các cơ quan khác trong việc xử lý tổ chức tín dụng bị đổ vỡ..... 106

## **DANH MỤC VIẾT TẮT**

**IADI: Hiệp hội bảo hiểm tiền gửi quốc tế**

**BHTG: Bảo hiểm tiền gửi**

**BHTGVN: Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam**

**BTC: Bộ Tài chính**

**NHNN: Ngân hàng Nhà nước**

**NHTW: Ngân hàng TW**

**NHTM: Ngân hàng thương mại**

**GDP: Tổng sản phẩm quốc nội**

**FDIC: Bảo hiểm tiền gửi liên bang Hoa Kỳ**

**TCTD: Tổ chức tín dụng**

**UBGS: Ủy ban giám sát**

**WTO: Tổ chức thương mại thế giới**

## **MỞ ĐẦU**

### **1. Tính cấp thiết của đề tài**

Nền kinh tế nước ta nói chung và lĩnh vực tài chính, ngân hàng nói riêng đang hội nhập ngày càng sâu rộng với thế giới đặc biệt là sau khi Việt Nam gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO). Với những lộ trình và cam kết mà Chính phủ đã ký kết về việc mở cửa thị trường tài chính, điều đó đặt ra nhiều cơ hội cũng như thách thức đối với hệ thống tài chính, ngân hàng nước ta.

Trong bối cảnh đó, hệ thống tài chính, ngân hàng sẽ có nhiều cơ hội để phát triển nhờ tiếp thu được công nghệ, kỹ năng quản lý của nước ngoài, nhưng đồng thời hệ thống tài chính của nước ta cũng phải đối mặt với thách thức của sự cạnh tranh và phát triển với nhiều tổ chức tài chính nước ngoài có tiềm lực vốn và công nghệ tốt.

Để vượt qua áp lực của sự cạnh tranh, Chính phủ Việt Nam đã và đang thực hiện cải cách hệ thống tài chính ngân hàng. Theo đó, tiến trình cổ phần hóa các ngân hàng thương mại Nhà nước được thực hiện mạnh mẽ, giảm sự can thiệp bằng mệnh lệnh hành chính vào việc kinh doanh của các tổ chức tín dụng, nâng cao năng lực tài chính, công nghệ, sản phẩm dịch vụ của các ngân hàng...

Đồng thời, do tiến trình hội nhập, những động thái của thị trường tài chính thế giới sẽ tác động trực tiếp đến hệ thống tài chính ngân hàng Việt Nam. Điều này khác với những năm trước kia khi nền kinh tế nước ta chưa hội nhập sâu rộng thì những tác động của thị trường tài chính thế giới không ảnh hưởng nhiều. Chính vì vậy, bên cạnh những rủi ro truyền thống, hệ thống tài chính - ngân hàng của nước ta còn phải đối mặt với nhiều rủi ro mới. Làm thế nào để kiểm soát rủi ro, xây dựng niềm tin của công chúng



với hệ thống tài chính - ngân hàng là yêu cầu quan trọng đặt ra với Chính phủ nước ta.

Hơn thế nữa, hệ thống tài chính, ngân hàng được coi là “huyết mạch” của nền kinh tế. Sự bất ổn của hệ thống tài chính - ngân hàng sẽ gây ra những bất ổn về mặt xã hội do vậy cần cân bằng giữa sự phát triển mạnh mẽ của hệ thống tài chính - ngân hàng và sự phát triển ổn định. Để đạt được mục tiêu đó, Chính phủ đã sử dụng công cụ tài chính là Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam để bảo vệ người gửi tiền và góp phần đảm bảo an toàn hệ thống ngân hàng thông qua các công cụ kiểm soát rủi ro. Được thành lập và đi vào hoạt động năm 2000, BHTGVN đã chứng minh được vai trò của mình trong việc bảo vệ người gửi tiền và đảm bảo an sinh xã hội. Tuy nhiên, do thời gian hoạt động chưa nhiều và công tác thông tin tuyên truyền còn có những hạn chế nên công chúng chưa biết nhiều về tổ chức Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.

Trong khi đó, trước bối cảnh đổi mới mạnh mẽ của hệ thống tài chính - ngân hàng nhiều quy định của pháp luật điều chỉnh lĩnh vực bảo hiểm tiền gửi ở Việt Nam không còn phù hợp và cần có sự hoàn thiện. Để bảo vệ tốt hơn người gửi tiền, đảm bảo an toàn hệ thống tài chính - ngân hàng và đảm bảo an sinh xã hội, việc hoàn thiện chính sách về bảo hiểm tiền gửi tại Việt Nam là hết sức cần thiết.

Nhằm mục đích cung cấp thông tin về bảo hiểm tiền gửi đến các đại biểu Quốc hội để các đại biểu có thông tin phục vụ tốt hơn cho việc xây dựng Luật Bảo hiểm tiền gửi. Trong thời gian tới, Trung tâm Thông tin, Thư viện và Nghiên cứu – Văn phòng Quốc hội đã phối hợp với cơ quan Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam tổ chức nghiên cứu và biên soạn tài liệu tham khảo *“Vai trò của tổ chức bảo hiểm tiền gửi trong việc bảo vệ người gửi tiền và đảm bảo an sinh xã hội”*.

## **2. Tình hình nghiên cứu tài liệu**

Lĩnh vực BHTG là một lĩnh vực mới ở Việt Nam vì chỉ xuất hiện trong nền kinh tế thị trường.

Hiện nay, đã có một số nghiên cứu về bảo hiểm tiền gửi nhưng chủ yếu tập trung vào nghiệp vụ kiểm tra, giám sát, phí bảo hiểm tiền gửi,... dưới hình thức của các luận văn thạc sỹ. Ngoài ra cũng có nhiều bài viết đăng trên các báo, tạp chí đề cập đến vai trò của tổ chức bảo hiểm tiền gửi trong bảo vệ người gửi tiền và đảm bảo an sinh xã hội. Tuy nhiên, chưa có tài liệu chính thức nào nghiên cứu về đề tài “*Vai trò của tổ chức bảo hiểm tiền gửi Việt Nam trong việc bảo vệ người gửi tiền và đảm bảo an sinh xã hội*”. Hơn nữa, đây là một lĩnh vực mới ở Việt Nam nên tài liệu tham khảo trong nước không nhiều, đặc biệt là sách nghiên cứu về vấn đề này hầu như chưa có. Một số tài liệu tham khảo có thể tìm thấy như các bài viết của các chuyên gia kinh tế, chuyên gia pháp lý đăng trên các tạp chí nghiên cứu của ngành ngân hàng và của BHTGVN. Tài liệu tham khảo nước ngoài thì đa dạng và phong phú vì BHTG đã phát triển trên thế giới từ lâu đời đặc biệt là ở một số quốc gia như Mỹ, Hàn Quốc, Nhật Bản, Anh...

Điểm mới của nghiên cứu này là bên cạnh việc tập trung nghiên cứu nguyên lý chung về hoạt động BHTG, tài liệu đã đề xuất kiến nghị hoàn thiện quy chế pháp lý về BHTG tại Việt Nam trong bối cảnh mới của sự phát triển thị trường tài chính trên cơ sở phân tích thực trạng quy chế pháp lý hiện hành, nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế đồng thời, nghiên cứu tính khả thi của lĩnh vực BHTG trong điều kiện của Việt Nam hiện nay.

Nghiên cứu này có thể làm tài liệu tham khảo cho các đại biểu Quốc hội trong quá trình hoàn thiện quy chế pháp lý về BHTG tại Việt Nam cũng góp phần vào công tác tuyên truyền đến công chúng về lĩnh vực BHTG.

### **3. Mục đích nghiên cứu**

Với đề tài “*Vai trò của tổ chức Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam trong việc bảo vệ người gửi tiền và đảm bảo an sinh xã hội*”, chúng tôi mong

muốn cung cấp thông tin đến các đại biểu Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội cũng như công chúng nhằm làm rõ hơn nguyên lý về BHTG, vai trò của BHTG; đánh giá khách quan thực trạng quy chế pháp lý về hoạt động BHTG thông qua việc đánh giá hiệu quả cũng như những bất cập về quy chế pháp lý hiện hành. Trên cơ sở đánh giá khách quan đó và những kinh nghiệm quốc tế, các tác giả đã đưa ra những giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện khung pháp lý về BHTG tại Việt Nam.

#### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là các nguyên lý hoạt động bảo hiểm tiền gửi, thực trạng việc bảo vệ người gửi tiền tại Việt Nam, đánh giá khách quan hiệu quả pháp luật của quy chế pháp lý hiện hành điều chỉnh lĩnh vực BHTG tại Việt Nam và kinh nghiệm quốc tế về hoạt động BHTG.

Phạm vi nghiên cứu: Phạm vi nghiên cứu của tài liệu tập trung vào nguyên lý hoạt động BHTG, thực trạng bảo vệ người gửi tiền và các quy định của pháp luật hiện đang điều chỉnh hoạt động bảo vệ người gửi tiền tại Việt Nam và thông lệ quốc tế về bảo vệ người gửi tiền đối với hệ thống BHTG ở một số quốc gia điển hình trên thế giới.

#### **5. Phương pháp nghiên cứu**

Tài liệu này đã sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu của phép duy vật biện chứng và duy vật lịch sử có kết hợp với phương pháp phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh và quy nạp.

#### **6. Kết cấu của đề tài**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, phần nội dung chính của đề tài gồm có 3 chương:

**Chương 1:** Cơ sở lý luận về bảo hiểm tiền gửi và vấn đề bảo vệ người gửi tiền

**Chương 2:** Thực trạng vấn đề bảo vệ người gửi tiền tại Việt Nam

**Chương 3:** Quan điểm và giải pháp bảo vệ người gửi tiền và nâng cao vai trò của tổ chức bảo hiểm tiền gửi tại Việt Nam.

**CHƯƠNG I**  
**CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ BẢO HIỂM TIỀN GỬI**  
**VÀ VẤN ĐỀ BẢO VỆ NGƯỜI GỬI TIỀN**

**1.1. KHÁI QUÁT NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ BẢO HIỂM TIỀN GỬI VÀ VẤN ĐỀ BẢO VỆ NGƯỜI GỬI TIỀN**

**1.1.1. Khái quát về quá trình hình thành, phát triển bảo hiểm tiền gửi trên thế giới và sự ra đời của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam**

**1.1.1.1 Khái quát quá trình hình thành, phát triển bảo hiểm tiền gửi trên thế giới**

Khái niệm về bảo hiểm tiền gửi đã được hình thành từ rất lâu trên thế giới. Hoạt động tài chính - ngân hàng luôn gắn liền với sự nhạy cảm và tiềm ẩn rủi ro, chính vì vậy mỗi quốc gia cần phải có tổ chức đứng ra bảo vệ người gửi tiền trong trường hợp ngân hàng xảy ra đổ vỡ để ổn định tình hình an ninh xã hội. Trong thực tế, khi các quốc gia chưa hình thành hệ thống bảo hiểm tiền gửi thì họ cũng đã sử dụng công cụ “bảo hiểm ngầm” có nghĩa là mặc dù không cam kết công khai trước công chúng về việc bảo vệ tiền gửi của họ trong trường hợp ngân hàng đổ bể nhưng nếu điều đó xảy ra thì Chính phủ phải đứng ra chi trả tiền gửi cho người gửi tiền. Tuy nhiên, việc bảo vệ ngầm đó không thật sự mang lại lợi ích cho quốc gia cũng như không mang lại niềm tin của công chúng đối với hệ thống tài chính - ngân hàng vì vậy, hệ thống bảo hiểm công khai đã ra đời.

Nguồn gốc ra đời của bảo hiểm tiền gửi gắn liền với việc chuyển từ bảo vệ ngầm sang bảo vệ công khai tiền gửi. Theo đó, người gửi tiền sẽ được chi trả một phần hoặc toàn bộ tiền gửi khi ngân hàng đổ bể theo hợp đồng hoặc cam kết công khai.

Việc bảo vệ tiền gửi công khai đầu tiên được thành lập ở Mỹ với tên gọi “Chương trình bảo hiểm trách nhiệm ngân hàng” được thực hiện ở New York năm 1829. Trách nhiệm trong chương trình này đề cập đến tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ huy động tiền gửi. Tiếp theo chương trình này từ năm 1831 đến năm 1858 các Bang: Vermont, Indiana, Michigan, Ohio và Iowa đã thành lập tổ chức BHTG và sự tham gia của các ngân hàng vào tổ chức BHTG là tự nguyện.

Mục đích của các chương trình này là:

- i) Bảo vệ cộng đồng khi có ngân hàng đổ bể;
- ii) Bảo vệ người gửi tiền cá nhân và người giữ các công cụ huy động tiền gửi.

Tuy nhiên, mặc dù trong thời gian đầu, tổ chức BHTG hoạt động tương đối hiệu quả nhưng cuối cùng các tổ chức bảo hiểm tiền gửi này đã phải đóng cửa do những nguyên nhân sau đây:

*Thứ nhất*, vào cuối những năm 1830 do sự ra đời của chính sách ngân hàng tự do ở Mỹ đã tạo điều kiện cho một số lượng lớn ngân hàng rút khỏi tham gia BHTG;

*Thứ hai*, sự thành lập hệ thống ngân hàng quốc gia năm 1886 ở Mỹ cho phép các ngân hàng Nhà nước các bang được chuyển thành ngân hàng quốc gia và những ngân hàng này có thể rút khỏi sự tham gia BHTG.

*Thứ ba*, thời kỳ thử nghiệm của hoạt động BHTG diễn ra ở Mỹ vào những năm 1908 đến năm 1930. Cụ thể, từ năm 1908 đến năm 1917 ở Mỹ có 8 bang thành lập hệ thống BHTG. Tuy nhiên, đến năm 1930 cả 8 bang này đều bị đóng cửa do điều kiện kinh tế suy thoái nên nhiều ngân hàng phải đóng cửa và dẫn đến các tổ chức BHTG cũng phải đóng cửa theo. Theo các tài liệu nghiên cứu của Mỹ cho thấy, vào những năm 1930 các ngân hàng ở Mỹ hoạt động rất khó khăn và đỉnh cao là năm 1933 đã có tới

4000 ngân hàng bị đóng cửa [3, tr.18,19] do suy thoái kinh tế. Trong bối cảnh như vậy, để ứng phó với tình huống nhằm ổn định tình hình kinh tế, chính trị thì Chính phủ cần phải bảo vệ tiền gửi của người dân, do đó Chính phủ Mỹ đã quyết định thành lập BHTG liên bang (FDIC) vào năm 1933. FDIC bắt đầu hoạt động vào ngày 1/1/1934 và sau đó nhanh chóng trở thành mô hình bảo hiểm tiền gửi công khai đầu tiên trên thế giới [3, tr.25].

Với sự phát triển ngày càng mạnh mẽ của hệ thống tài chính - ngân hàng trên thế giới, xu thế hội nhập kinh tế quốc tế diễn ra ngày càng sâu rộng, nhu cầu về bảo vệ người tiêu dùng nói chung và người gửi tiền nói riêng là đòi hỏi tất yếu đặt ra cho bất kỳ Chính phủ nào. Bởi lẽ, niềm tin của người gửi tiền rất quan trọng đối với sự an toàn và sự phát triển lành mạnh của hệ thống tài chính – ngân hàng trong thế giới hiện đại [20, tr 2]. Với những ưu thế và tính chuyên nghiệp trong việc bảo vệ người gửi tiền và góp phần đảm bảo sự ổn định của hoạt động tài chính - ngân hàng, hệ thống bảo hiểm tiền gửi công khai ngày càng phát triển mạnh mẽ trên thế giới. Tính đến thời điểm hiện nay, khoảng hơn 90 quốc gia [26] trên thế giới đã sử dụng hệ thống BHTG để công khai bảo vệ người gửi tiền. Và xu hướng này vẫn tiếp tục tăng cao khi có nhiều nước, nhất là các nước đang phát triển đã nhanh chóng thành lập hệ thống BHTG. Bởi vì, châu Á là khu vực có nền kinh tế phát triển năng động nhất thế giới hiện nay. Điều này được thể hiện rõ trong biểu đồ thời gian một số nước hoặc vùng lãnh thổ của khu vực châu Á thành lập hệ thống BHTG.

Thời gian thành lập hệ thống BHTG ở một số quốc gia:

<b>STT</b>	<b>Tên nước</b>	<b>Thời gian</b>
1	Nhật Bản	1971
2	Hàn Quốc	1996
3	Philipine	1963

4	Malaysia	2005
6	Đài Loan	1985
7	Indonesia	2005
8	Việt Nam	2000

*Nguồn:[27],[28],[29],[30],[31]*

Hiện nay, một số nước trong khu vực có hệ thống BHTG nằm trong Ngân hàng Trung ương đang có xu hướng tách thành cơ quan độc lập, ví dụ như: Thái Lan, Lào, và đặc biệt là Trung Quốc đang khẩn trương xúc tiến chuẩn bị thành lập hệ thống BHTG. Riêng Campuchia và Myanmar là 2 quốc gia thực hiện cam kết bảo hiểm 100% cho các khoản tiền gửi. Như vậy, xu hướng hình thành hệ thống BHTG và chuyển đổi mô hình ở khu vực châu Á diễn ra ngày càng phổ biến và mạnh mẽ.

#### **1.1.1.2 Sự ra đời và phát triển của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam**

Sự hình thành của BHTG Việt Nam (BHTGVN) liên quan trực tiếp đến bối cảnh trong nước và quốc tế

- Bối cảnh trong nước

Vào khoảng những năm 1988 đến 1990 hàng loạt các hợp tác xã tín dụng đô thị bị đổ vỡ trên toàn quốc gây ra những bất ổn về kinh tế và chính trị. Đặc biệt, niềm tin của dân chúng đối với hệ thống tài chính ngân hàng bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Lấy lại niềm tin của công chúng đối với hệ thống tài chính ngân hàng trong bối cảnh như vậy là yêu cầu quan trọng đặt ra để tránh tình trạng người dân có tích lũy không gửi tại ngân hàng hoặc mua vàng cất giữ tại nhà. Chính những hành động như vậy đã ảnh hưởng đến quá trình huy động vốn phục vụ phát triển kinh tế. Vì vậy, rút kinh nghiệm về sự kiện đó, khi triển khai mô hình Quỹ tín dụng nhân dân (QTDND) theo quyết định 390/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 1993 của Thủ tướng Chính phủ, Quy tắc bảo hiểm trách nhiệm của QTDND đối với các khoản tiền gửi có kỳ hạn đã được ban hành (kèm theo Quyết định số



101/TCQĐ-BH ngày 1/2/1994 của Bộ tài chính. Theo quyết định này Bảo Việt đã triển khai nghiệp vụ BHTG, đây là khởi đầu của chính sách BHTG tại nước ta.

Tuy nhiên, hoạt động BHTG do Bảo Việt thực hiện đã thể hiện những hạn chế về nhiều mặt như số lượng QTDND tham gia bảo hiểm ít chỉ có khoảng 162 quỹ (1995) chiếm 33,22% tổng số dư tiền gửi trong cả nước tại thời điểm đó. Đến năm 1997 có 370 QTDND tham gia BHTG với số tiền thuộc đối tượng được bảo hiểm là 322 tỷ VND. Đối tượng tham gia BHTG thời điểm này chỉ hạn chế ở QTDND, còn các tổ chức có huy động tiền gửi khác không tham gia[3].

Hoạt động BHTG do Bảo Việt tiến hành không đảm bảo các điều kiện cho sự thành công của một tổ chức BHTG như chức năng hạn chế( chỉ thực hiện việc chi trả tiền gửi khi tổ chức tham gia BHTG bị đổ vỡ), việc tham gia BHTG là tự nguyện... Vì vậy, hoạt động đó thiếu tính chuyên nghiệp và không theo thông lệ quốc tế, không đảm bảo các điều kiện hoạt động thành công của tổ chức BHTG. Trong khi đó, do thực hiện chính sách kinh tế mở, và nền kinh tế phát triển theo hướng thị trường, hệ thống tài chính ngân hàng của nước ta phát triển mạnh mẽ và thực hiện đổi mới về nhiều mặt. Chính điều đó cũng làm gia tăng rủi ro và yêu cầu kiểm soát rủi ro cũng như bảo vệ người gửi tiền là rất quan trọng.

- Bối cảnh quốc tế

Cuộc khủng hoảng tài chính khu vực Châu Á năm 1997 không ảnh hưởng nhiều đến nền kinh tế của Việt Nam nhưng cũng tác động đến hoạt động ngân hàng Việt Nam. Trong quá trình xử lý khủng hoảng tài chính ngân hàng thì BHTG là công cụ tài chính được một số Chính phủ ở Châu Á sử dụng hữu hiệu trong việc tái cấu trúc hệ thống ngân hàng cũng như lấy lại niềm tin của công chúng. Đồng thời, nhiều quốc gia nhìn nhận rằng nếu có tổ chức BHTG thì có thể tránh cho quốc gia của họ được những cuộc

khủng hoảng tài chính. Hơn thế nữa, cũng trong thời kỳ này xu hướng phát triển hệ thống BHTG trên thế giới phát triển mạnh mẽ và xu hướng đó cũng tác động đến Việt Nam

Với bối cảnh trong nước và quốc tế như vậy, để bảo vệ người gửi tiền và đảm bảo sự phát triển an toàn lành mạnh hoạt động ngân hàng tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững cần có một tổ chức chuyên nghiệp thực hiện các nghiệp vụ BHTG. Trong xu thế hội nhập sâu rộng với khu vực và thế giới thị trường tài chính của nước ta có nhiều cơ hội để phát triển nhưng cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro và thách thức. Để hạn chế những rủi ro đó và bảo vệ được người tiêu dùng nói chung và người gửi tiền nói riêng thì sự ra đời của tổ chức BHTG là hết sức cần thiết, đáp ứng được yêu cầu khách quan của thị trường tài chính cũng như toàn bộ nền kinh tế. Vì vậy trong khoản 1 Điều 17, Luật các tổ chức tín dụng ban hành năm 1997 đã quy định “ Tổ chức tín dụng có trách nhiệm tham gia tổ chức bảo toàn tiền gửi hoặc bảo hiểm tiền gửi”. Điều đó là cơ sở quan trọng để tổ chức BHTG ra đời. Và điều đó có thể khẳng định BHTGVN ra đời là sản phẩm của nền kinh tế thị trường

Đứng trước hiện thực đó, Chính phủ đã ban hành Quyết định số 218/1999/QĐ-TTg ngày 09/11/1999 thành lập tổ chức BHTG (BHTG) nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, duy trì sự ổn định của hệ thống tài chính- ngân hàng và đóng góp vào việc nâng cao niềm tin của công chúng tổ và đi vào hoạt động từ ngày 7/7/2000. Đây là tổ chức duy nhất triển khai hoạt động BHTG tại Việt Nam cho đến thời điểm hiện tại. BHTGVN là tổ chức thực hiện chính sách BHTG tại Việt Nam. Và BHTG tại Việt Nam là công cụ tài chính được Chính phủ sử dụng để thay mặt Chính phủ bảo vệ người gửi tiền và đảm bảo an toàn hệ thống tài chính, ngân hàng.

Hiện nay BHTGVN thực hiện bảo hiểm cho hơn 1000 tổ chức tham gia BHTG [1].

Ngày 28/11/2002, Văn phòng Chính phủ đã ban hành Công văn số 6634/VPCP-QHQT thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ cho phép BHTGVN tham gia làm thành viên của Hiệp hội BHTG Quốc tế (IADI). Hiện nay, BHTGVN đang giữ vị trí Phó chủ tịch Khu vực Châu Á nhiệm kỳ 2006-2007. BHTGVN cũng là thành viên Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam và Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam. Tháng 3.2007 BHTGVN lần đầu tiên đã đăng cai và tham gia tổ chức thành công Hội nghị thường niên Ủy ban BHTG khu vực Châu Á lần thứ 5 (ARC5) và Hội thảo quốc tế về BHTG.

Ngày 03/03/2008, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 34/2008/QĐ-TTg thành lập Ủy ban giám sát tài chính Quốc gia với chức năng điều phối hoạt động giám sát thị trường tài chính quốc gia (Ngân hàng, tài chính, bảo hiểm). BHTGVN đang hoàn thiện việc xây dựng chiến lược, nghiên cứu xây dựng Luật BHTG nhằm củng cố vai trò, nâng cao hiệu quả hoạt động, phù hợp với xu thế trong nước và hội nhập quốc tế.

### **1.1.2. Khái niệm, bản chất, mục đích vai trò của bảo hiểm tiền gửi**

#### **1.1.2.1. Khái niệm bảo hiểm tiền gửi**

*Bảo hiểm tiền gửi:* Là cam kết công khai của tổ chức BHTG đối với tổ chức tham gia BHTG về việc tổ chức BHTG sẽ trả tiền gửi cho người gửi tiền khi tổ chức tham gia BHTG bị chấm dứt hoạt động và không có khả năng thanh toán cho người gửi tiền.

*Tổ chức Bảo hiểm tiền gửi:* Tổ chức BHTG là đối tác nhận đóng góp tài chính từ tổ chức tham gia BHTG và có trách nhiệm thực hiện chi trả tiền gửi được bảo hiểm đến người gửi tiền thuộc đối tượng được bảo hiểm tại tổ chức tham gia BHTG khi tổ chức đó chấm dứt hoạt động và mất khả năng thanh toán.

*Tổ chức tham gia BHTG:* Là các ngân hàng và các tổ chức tài chính phi ngân hàng có hoạt động huy động tiền gửi. Theo thông lệ quốc tế, hiện nay trên thế giới có hai xu hướng tham gia BHTG, đó là các tổ chức tham gia BHTG có thể tham gia BHTG một cách bắt buộc hoặc tham gia tự nguyện. Điều này tùy thuộc vào chính sách tài chính – ngân hàng của mỗi quốc gia. Tuy nhiên, qua nghiên cứu ở các nước, cho thấy xu hướng phổ biến hiện nay là tham gia BHTG bắt buộc. Khi tham gia BHTG các tổ chức này có trách nhiệm đóng góp tài chính cho tổ chức BHTG và được quyền yêu cầu tổ chức BHTG chi trả tiền bảo hiểm cho người gửi tiền tại tổ chức đó trong trường hợp tổ chức này bị mất khả năng thanh toán và bị cơ quan có thẩm quyền chấm dứt hoạt động.

*Người gửi tiền thuộc đối tượng được bảo hiểm:* Là khách hàng có tiền gửi thuộc đối tượng được bảo hiểm tại tổ chức tham gia BHTG. Người gửi tiền không phải đóng góp tài chính cho tổ chức BHTG nhưng có quyền yêu cầu tổ chức BHTG thanh toán tiền gửi kể cả tiền lãi tích lũy trên tiền gửi đó trong hạn mức chi trả tiền gửi được bảo hiểm của tổ chức BHTG có thể là toàn bộ hoặc một phần tiền gửi do chính sách của mỗi quốc gia.

#### ***1.1.2.2. Bản chất bảo hiểm tiền gửi***

Bảo hiểm tiền gửi cũng mang bản chất của các loại hình bảo hiểm nói chung, tức là hoạt động theo nguyên lý lấy số đông bù số ít nhưng bên cạnh đó nó còn mang tính chất đặc thù, đó là:

i) Hoạt động BHTG là hoạt động cung cấp dịch vụ công, có nghĩa là BHTG là công cụ được sử dụng để thực hiện chính sách công của từng quốc gia.

ii) Hoạt động của tổ chức BHTG thông thường không vì mục tiêu lợi nhuận. Chính phủ các quốc gia thành lập tổ chức BHTG nhằm mục đích để thực hiện chính sách công. Bởi trong thực tế, hoạt động tài chính - ngân hàng là hoạt động nhạy cảm, gắn với tính lan truyền rất cao; đồng thời sự

đổ vỡ của hệ thống tài chính - ngân hàng sẽ ảnh hưởng đến toàn bộ nền kinh tế và gây ra những bất ổn về mặt xã hội. Do đó, Chính phủ các quốc gia đã sử dụng công cụ tài chính là BHTG nhằm góp phần đảm bảo sự phát triển an toàn, lành mạnh của hệ thống tài chính - ngân hàng và ổn định xã hội.

### ***1.1.2.3. Mục đích, vai trò của hoạt động bảo hiểm tiền gửi***

*Thứ nhất*, về mục đích của BHTG. Mặc dù mỗi quốc gia có thể thiết kế mô hình tổ chức BHTG khác nhau nhưng hoạt động BHTG thường có những mục đích cơ bản như sau:

i) Sử dụng công cụ BHTG là nhằm thực hiện chính sách công. Vì vậy, chính sách BHTG của hầu hết các quốc gia trên thế giới đều được thiết kế để bảo vệ số đông người gửi tiền;

ii) Đảm bảo hệ thống tài chính - ngân hàng hoạt động lành mạnh, ổn định và ngăn chặn đổ vỡ ngân hàng thông qua các hoạt động nghiệp vụ của tổ chức BHTG;

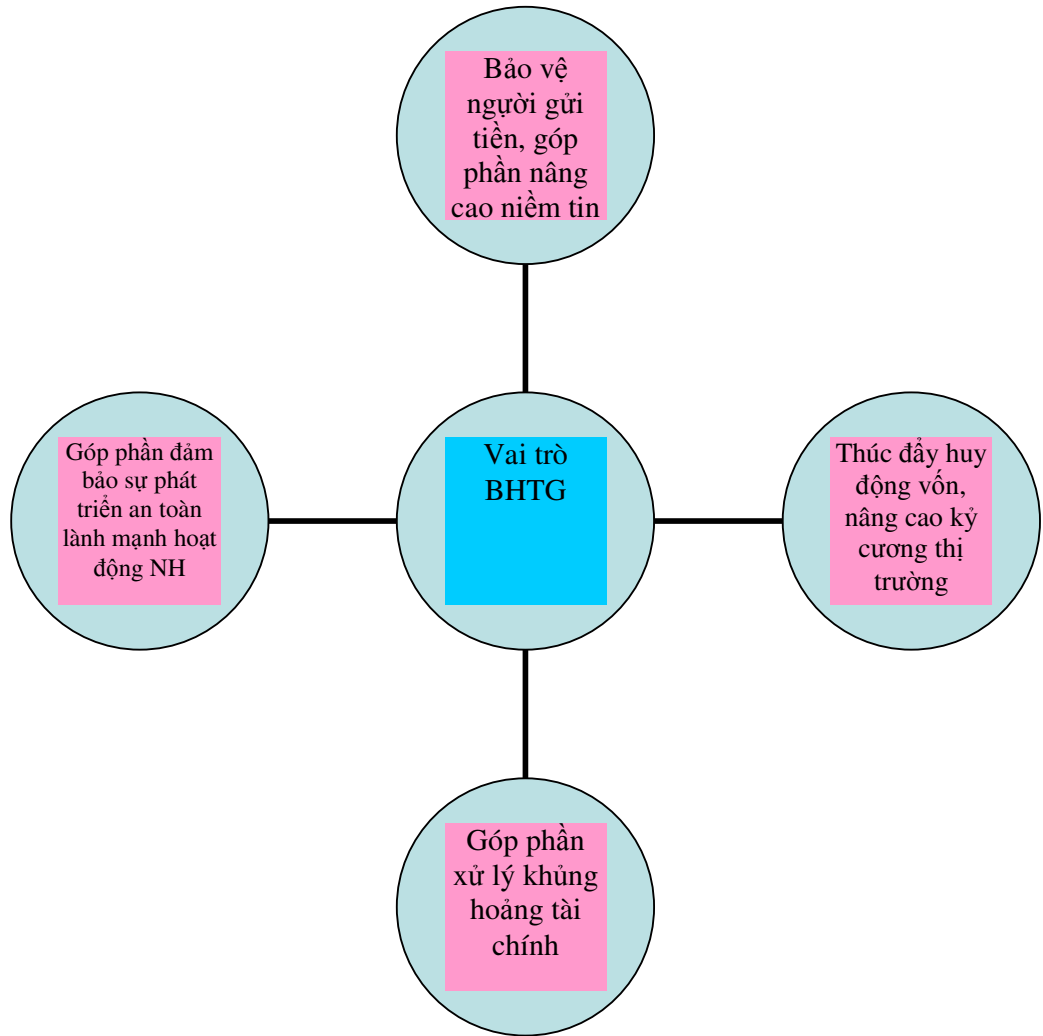
iii) Xây dựng thị trường tài chính lành mạnh, có tính cạnh tranh bình đẳng giữa các tổ chức tài chính với quy mô và loại hình khác nhau;

iv) Giảm gánh nặng cho Chính phủ trong trường hợp xử lý đổ vỡ của tổ chức tín dụng và điều này đồng nghĩa với việc giảm gánh nặng cho người dân đóng thuế để Chính phủ hỗ trợ giải quyết những ngân hàng phá sản. Trong trường hợp ngân hàng đơn lẻ bị đổ vỡ, nếu Chính phủ tự bỏ tiền để chi trả cho người gửi tiền, tức là Chính phủ phải lấy tiền từ ngân sách để gánh vác cho sự sụp đổ của tổ chức tín dụng. Điều này không phù hợp với quy luật của nền kinh tế thị trường, bởi lẽ đã kinh doanh thì phải gánh chịu rủi ro. Chính vì vậy, các quốc gia rất hạn chế sử dụng ngân sách Nhà nước để xử lý đổ vỡ của các tổ chức tín dụng. Đồng thời, với sự hình thành của hệ thống BHTG, rủi ro đã được phân tán, chia sẻ cho nhiều bên liên quan

và điều đó xét về hệ thống tài chính - ngân hàng nói riêng và trên toàn bộ nền kinh tế nói chung sẽ tạo ra tính ổn định cho xã hội.

*Thứ hai*, về vai trò của BHTG. Vì BHTG là sản phẩm của nền kinh tế thị trường và chỉ xuất hiện trong nền kinh tế thị trường nên vai trò của BHTG xuất phát từ bản chất của hoạt động tài chính luôn gắn liền với yếu tố niềm tin, mang tính nhạy cảm, và có tính lan truyền cao. Trong hoạt động ngân hàng, nếu niềm tin của người gửi tiền vào hệ thống tài chính - ngân hàng bị khủng hoảng, điều đó không chỉ ảnh hưởng đến hoạt động của một tổ chức tín dụng đơn lẻ mà còn tác động đến toàn bộ nền kinh tế. Niềm tin của người gửi tiền đối với hệ thống tài chính - ngân hàng là rất quan trọng vì niềm tin đó thường dựa vào các yếu tố tâm lý và khi họ gửi tiền vào ngân hàng họ thường đặt ra câu hỏi liệu tiền gửi của mình vào ngân hàng có an toàn không? Và hoạt động của ngân hàng nhận tiền gửi có ổn định không? hoặc nếu trường hợp xấu nhất xảy ra thì liệu họ có bị mất số tiền đã gửi hay không?

Sơ đồ vai trò BHTG:



Từ sơ đồ nêu trên, cho thấy vai trò của BHTG được thể hiện rõ nét qua các khía cạnh sau đây:

*Một là*, BHTG có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ người gửi tiền, nâng cao niềm tin của công chúng đối với hệ thống tài chính, ngân hàng. Bởi lẽ, trong nền kinh tế thị trường, bảo vệ người tiêu dùng nói chung và người gửi tiền nói riêng là yêu cầu đặt ra đối với mỗi Chính phủ. Bảo vệ người tiêu dùng là để đảm bảo cân bằng giữa sự phát triển và đảm bảo quyền lợi của người dân trong xã hội dân sự. Do đó, BHTG là một công cụ tài chính hữu hiệu được hầu hết các Chính phủ sử dụng để bảo vệ người gửi tiền.

*Hai là*, BHTG giúp xây dựng và củng cố niềm tin của công chúng đối với hệ thống tài chính - ngân hàng và đó là yêu cầu đặt ra đối với bất kỳ Chính phủ nào trên thế giới. Tổ chức BHTG có nhiệm vụ thay mặt Chính phủ bảo vệ tiền gửi của người dân, và trong trường hợp tổ chức tín dụng bị đổ vỡ thì tổ chức BHTG này phải có trách nhiệm chi trả toàn bộ hoặc một phần tiền gửi cho người gửi tiền.

Thực tiễn cho thấy, khi mà người dân không tin tưởng vào hệ thống tài chính - ngân hàng thì trước hết hệ thống ngân hàng sẽ bị ảnh hưởng và sau đó là toàn bộ nền kinh tế của quốc gia cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng theo. Một minh chứng cho thấy cuộc khủng hoảng tài chính tại Mỹ từ năm 2007 đến nay chính là cuộc khủng hoảng niềm tin của người dân vào khả năng thanh khoản của các ngân hàng, họ đã rút tiền ồ ạt, không gửi tiền cho các ngân hàng nữa và điều này đã chứng minh rõ nét vai trò của người gửi tiền đối với sự tồn tại, sự phát triển của hệ thống ngân hàng quốc gia. Khi công chúng thiếu tin tưởng vào hệ thống ngân hàng - tài chính, họ thường lựa chọn mua vàng hay bất động sản để tích lũy tài sản mà không gửi tiền vào ngân hàng nữa. Điều này ảnh hưởng không tốt đến toàn bộ nền kinh tế, do vậy sẽ cản trở sự phát triển, đặc biệt ở những quốc gia đang phát triển như Việt Nam. Chắc hẳn, chúng ta không quên sự kiện xảy ra vào khoảng cuối những năm 2000 khi mà hàng loạt quỹ tín dụng nhân dân bị sụp đổ, gây tổn thất rất lớn cho nền kinh tế của Việt Nam lúc bấy giờ.

Hơn nữa, nếu người dân không tin tưởng vào hệ thống ngân hàng nói chung và tổ chức tín dụng nói riêng, lập tức người dân sẽ có hành động rút tiền ra khỏi hệ thống ngân hàng. Trường hợp này vô cùng nguy hiểm nếu hiện tượng này xảy ra hàng loạt và điều đó có thể dẫn đến đổ vỡ ngân hàng gây nguy hại đến toàn bộ nền kinh tế. Lịch sử hoạt động tài chính - ngân hàng đã xảy ra khá nhiều vụ rút tiền ồ ạt, gây ra sự tê liệt và đổ vỡ của các ngân hàng, như ở Mỹ vào những năm 1920, 1930 hay ở châu Á năm 1997 và gần đây nhất là ở Anh, Mỹ (Ngân hàng Northern Rock của Anh, và



ngân hàng Contrywide của Mỹ). Do đó, nền kinh tế của các quốc gia này đã bị chao đảo bởi hệ quả của khủng hoảng tài chính - ngân hàng. Ở Mỹ, từ năm 1929 đến 1933 khi chưa có cơ quan bảo hiểm tiền gửi liên bang (FDIC) đã có khoảng 4000 ngân hàng bị đổ vỡ, nhưng nhờ có FDIC năm 1934 chỉ có 9 ngân hàng bị đổ bể. [3, tr.101]

Qua đó cho thấy BHTG có vai trò quan trọng trong việc xây dựng và củng cố niềm tin của công chúng đối với hệ thống tài chính - ngân hàng. Tổ chức BHTG đã thay mặt Chính phủ bảo vệ tiền gửi của dân, và trong trường hợp tổ chức tín dụng bị đổ vỡ, BHTG sẽ chi trả toàn bộ hoặc một phần tiền gửi cho người gửi tiền. Ngân hàng là trung gian tín dụng, là cầu nối giữa người có vốn và người cần vốn. Trong quá trình chu chuyển của nguồn vốn nếu không có yếu tố niềm tin thì chu trình đó sẽ bị “tắc nghẽn” và ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển kinh tế.

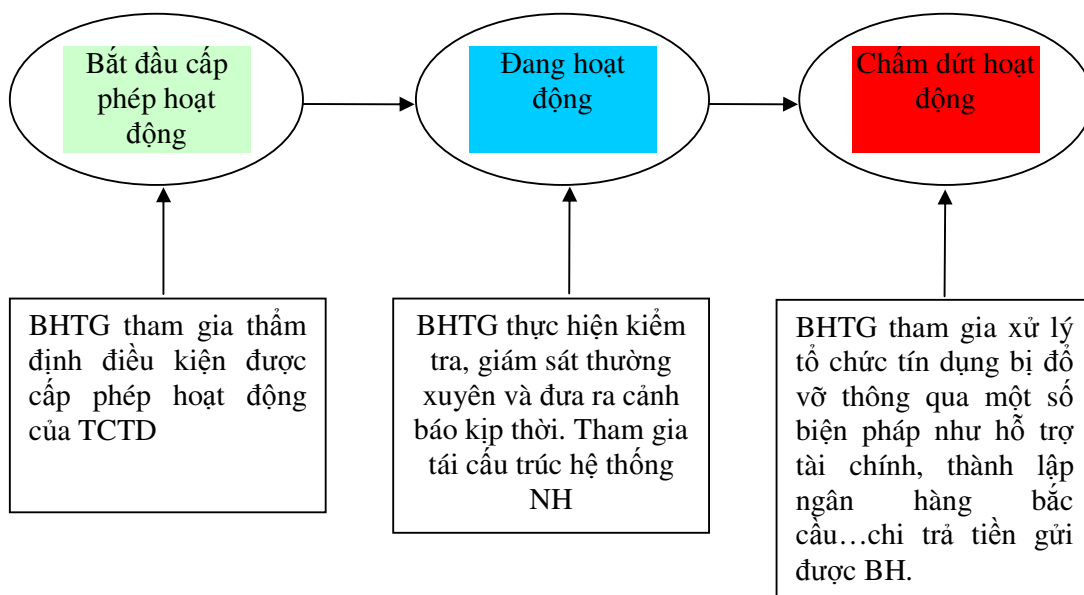
Bảo hiểm tiền gửi xây dựng và củng cố niềm tin của công chúng đối với hệ thống ngân hàng thông qua một số hoạt động như:

- Cung cấp đầy đủ hơn cho công chúng thông tin về các ngân hàng;
- Thực hiện các nghiệp vụ kiểm tra, giám sát rủi ro đối với tổ chức tham gia BHTG;
- Hỗ trợ các tổ chức tham gia BHTG khi gặp khó khăn về tài chính nhằm phục hồi hoạt động của tổ chức đó;
- Xử lý tổ chức tín dụng bị đổ vỡ;
- Góp phần thúc đẩy và đảm bảo hoạt động tài chính, ngân hàng phát triển an toàn, lành mạnh và nâng cao kỷ cương thị trường;
- Bảo hiểm tiền gửi tạo sự cạnh tranh bình đẳng giữa các tổ chức tín dụng;
- Đảm bảo sự phát triển an toàn, lành mạnh của các tổ chức tín dụng;

▪ Bảo hiểm tiền gửi góp phần đảm bảo sự phát triển an toàn, lành mạnh của hoạt động ngân hàng từ khi cấp phép cho đến khi chấm dứt hoạt động.

Với vai trò chủ đạo là bảo vệ người gửi tiền, BHTG còn có vai trò quan trọng trong việc tạo sự phát triển lành mạnh hoạt động ngân hàng. Bởi vì BHTG đã tạo ra sự công bằng, tạo ra “sân chơi bình đẳng” cho tất cả các tổ chức tín dụng, đặc biệt là các tổ chức tín dụng có quy mô hoạt động nhỏ. Bên cạnh đó, yếu tố tâm lý cũng ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động ngân hàng. Nếu không có BHTG thì thông thường người gửi tiền sẽ có cảm giác yên tâm hơn khi gửi tiền vào các ngân hàng lớn. Tuy nhiên, nếu có hoạt động của hệ thống BHTG thì họ cũng có thể lựa chọn những tổ chức tín dụng có quy mô nhỏ vì gửi tiền ở đâu thì tiền gửi của họ cũng vẫn được an toàn. Điều đó thúc đẩy hoạt động tín dụng phát triển bình đẳng, tránh được tình trạng thu hẹp cơ hội khách hàng đến với tổ chức tín dụng quy mô nhỏ hoặc loại hình khác nhau.

### **Bảng mô hình hóa vai trò BHTG trong chu kỳ của TCTD**



Thông qua các nghiệp vụ kiểm tra, giám sát rủi ro các tổ chức tín dụng, BHTG đã góp phần đảm bảo sự phát triển an toàn, lành mạnh hoạt động ngân hàng. Bởi vì, bằng các nghiệp vụ đó, BHTG có thể cảnh báo đến cơ quan chức năng hoặc tổ chức tín dụng về tình hình hoạt động của tổ chức tín dụng có vấn đề để từ đó giúp các cơ quan chức năng hoặc tổ chức tín dụng có vấn đề có những hành động điều chỉnh kịp thời nhằm đảm bảo an toàn trong hoạt động. Như vậy, BHTG không chỉ có vai trò trong việc bảo vệ tiền gửi mà còn có vai trò quan trọng trong việc quản lý rủi ro[19, tr.10];

- Ngoài ra, BHTG còn góp phần đảm bảo an toàn lành mạnh hoạt động ngân hàng trong trường hợp tổ chức tín dụng gặp khó khăn thì BHTG sẽ dùng biện pháp hỗ trợ tài chính, và trong tình thế không thể cứu vãn được nữa thì BHTG sẽ đứng ra chi trả tiền gửi cho người gửi tiền.

- Bảo hiểm tiền gửi góp phần thúc đẩy quá trình huy động vốn phục vụ phát triển kinh tế và ổn định xã hội. Thông qua vai trò bảo vệ người gửi tiền, xây dựng và củng cố niềm tin của công chúng đối với hệ thống ngân hàng, BHTG có vai trò quan trọng thúc đẩy quá trình huy động vốn phục vụ phát triển.

Huy động vốn trong dân để phục vụ phát triển là yêu cầu quan trọng đặt ra đối với mỗi nền kinh tế đặc biệt ở những nước đang phát triển thì nhu cầu này càng tăng. Nhà nước sử dụng nhiều kênh để thu hút nguồn vốn nhưng có một kênh rất quan trọng là thu hút nguồn vốn qua các ngân hàng. Để thu hút được vốn trong dân tức là người dân cần có hành động gửi tiền vào các ngân hàng thay vì cất giữ dưới dạng vàng, bất động sản hoặc cất giữ ở nhà. Do đó, người dân cần phải có niềm tin đối với hệ thống tài chính ngân hàng. Người dân biết được có tổ chức BHTG thay mặt Chính phủ để bảo vệ tiền gửi của họ thì họ sẽ yên tâm hơn khi gửi tiền vào ngân hàng. Ở nước ta, vào khoảng những năm 90, hàng loạt Quỹ tín dụng nhân dân bị

sụp đổ và người dân mất tin tưởng vào hệ thống tài chính ngân hàng, việc huy động vốn của các ngân hàng thời kỳ đó gặp rất nhiều khó khăn.

- Vai trò trong xử lý khủng hoảng tài chính, ngân hàng: Bảo hiểm tiền gửi không chỉ có vai trò quan trọng trong thời kỳ hoạt động ổn định mà còn có vai trò quan trọng trong trường hợp xảy ra khủng hoảng tài chính - ngân hàng. Điều đó lý giải tại sao hệ thống BHTG đầu tiên trên thế giới hình thành sau khi xảy ra khủng hoảng tài chính, ở Mỹ và hàng loạt các quốc gia ở khu vực Châu Á thành lập hệ thống BHTG sau khi xảy ra khủng hoảng tài chính, kinh tế trong khu vực.

Một trong những nguyên nhân gây ra khủng hoảng tài chính - ngân hàng là để xảy ra hiện tượng rút tiền hàng loạt. Trong khi đó hoạt động tài chính - ngân hàng là hoạt động mang tính nhạy cảm và lan truyền cao do vậy hiện tượng đó có thể xảy ra bất cứ lúc nào, đôi khi chỉ vì những tin đồn thất thiệt mà không phải xuất phát từ nguyên nhân sâu xa do hoạt động của một tổ chức tín dụng yếu kém nào đó. Trong trường hợp này, BHTG là một “lá chắn” quan trọng để ngăn chặn hiện tượng đó.

Trong thời kỳ khủng hoảng tài chính năm 2008 vừa qua, BHTG đã là công cụ đặc lực góp phần giúp các Chính phủ tạo lập lòng tin của dân chúng đối với hệ thống tài chính ngân hàng.

Ở quốc gia mà hoạt động của hệ thống BHTG hoạt động hiệu quả thì việc xử lý khủng hoảng tài chính ở quốc gia đó sẽ tốt hơn và ngược lại. Chúng ta có thể xem xét hiện tượng xảy ra gần đây tại ngân hàng Northern Rock của Anh và Ngân hàng Countrywide của Mỹ. Đây là hai ngân hàng cho vay thế chấp bất động sản lớn nhất ở Anh và Mỹ. Chỉ vì có thông tin cho rằng Ngân hàng Northern Rock cho vay thế chấp tràn lan và không có khả năng thanh toán nên người gửi tiền đua nhau đến rút tiền tại ngân hàng này. Mặc dù Ngân hàng Trung ương Anh đã “bom” rất nhiều tiền để “cứu” Northern Rock nhưng không ngăn được dòng người đến rút tiền hàng loạt.

Diễn biến của Ngân hàng Northern Rock [13, tr44].

Thời gian (năm 2007)	Sự kiện	Số tiền
Tháng 6	Thống đốc ngân hàng trung ương Anh cảnh báo rủi ro đối với thị trường tín dụng do tác động từ thị trường quốc tế	\$ 0bn
9/8	Khủng hoảng tín dụng thứ cấp tác động đến thị trường toàn cầu + ECB/Fed bơm vốn vào thị trường tiền tệ + Sau đó, FED cắt giảm lãi suất + NHTW Anh nhấn mạnh- nhận diện rủi ro đạo đức trong việc bảo vệ NH yếu kém trước những rủi ro trong quá trình hoạt động.	\$ 0bn
14/8	Ủy ban an toàn tài chính nhóm họp và FSA đưa ra cảnh báo đầu tiên về rủi ro tiềm tàng tại Northern Rock	\$0bn
Cuối tháng 8	Ngân hàng trung ương Anh tuyên bố Northern Rock bắt đầu mất nguồn vốn lớn và tính toán cần tới 60 tỷ USD trong vòng 3-6 tháng	\$ 0bn
4 / 9	Lãi suất LIBOR tăng trên tỷ lệ khẩn cấp của NHTW Anh ( Cơ sở thông thường cho việc dùng cho vay thương mại liên ngân hàng)	\$ 0bn
8/9	Một ngân hàng bán lẻ lớn của Anh đàm phán mua lại Northern Rock nhưng yêu cầu cần có khoản vốn hỗ trợ \$60 từ NHTW và không phải chịu lãi suất phạt. Thống đốc NHTW khẳng định với BTC rằng việc NHTW tài trợ cho vụ mua lại trên là không phù hợp và không khả thi	\$0 bn

12/9	<p>NHTW Anh bắt đầu can thiệp Thông báo cung cấp hạn mức khẩn cấp cho Northern Rock nhằm đối phó với những khó khăn tạm thời do khủng hoảng tín dụng gây nên.</p> <p>Bắt đầu tiến hành thảo luận với Northern Rock Thống đốc thông báo với Bộ trưởng BTC rằng việc thực hiện hỗ trợ với tư cách Người cho vay cuối cùng cho một tổ chức chỉ gặp khó khăn tạm thời có thể kéo theo cơ chế bảo hiểm toàn bộ cho người gửi tiền.</p>	\$ 0 bn
13/9	<p>Thông tin lộ ra về việc Northern Rock tìm kiếm và đã được chấp thuận giải pháp hỗ trợ</p>	\$ 0bn
14/9	<p>Khủng hoảng nổ ra NHTW và Northern Rock xác nhận tìm kiếm và chấp thuận giải pháp hỗ trợ NHTW Anh và FSA tuyên bố Northern Rock có khả năng thanh toán NHTW, FSA và Bộ trưởng BTC tuyên bố mọi người gửi tiền vẫn an toàn. Một số nhà phân tích chỉ ra rằng BHTG tại Anh không giải quyết được vấn đề và hiện tượng rút tiền hàng loạt bắt đầu.</p>	\$ 1bn
15-16/9	<p>Người gửi tiền tiếp tục rút tiền- đàm phán khẩn cấp đã được thực hiện trong hai ngày cuối tuần tuy nhiên không báo tức thời về việc thực hiện bảo hiểm toàn bộ do cơ sở pháp lý không rõ ràng</p>	\$ 2bn
17/9	<p>Tiếp tục hiện tượng rút tiền và cổ phiếu Northern Rock giảm giá nghiêm trọng. Truyền hình quay cảnh người gửi tiền xếp hàng trước cửa ngân hàng phản đối uy tín yếu kém của tất cả các ngân hàng</p>	\$ 5bn

	tại Anh. Sau khi kết thúc ngày làm việc, Bộ trưởng BTC thông báo bảo hiểm toàn bộ cho người gửi tiền tại Northern Rock	
18/9	Hiện tượng rút tiền giảm bớt nhưng tiền gửi tại dịch vụ Internet tiếp tục bị rút ra	\$10 bn
19/9	NHTW Anh cung cấp dịch vụ đảm bảo thanh khoản	\$ 40 bn
1/10	Chính sách đồng bảo hiểm bị từ bỏ và xem xét lại (có thể tăng gấp 3 lần) hạn mức chi trả tối đa	
Từ giữa T9 đến giữa T10	Lãnh đạo 3 cơ quan tham gia Mạng an toàn tài chính phải điều trần trước Quốc hội	
Giữa T10	Tiền gửi chuyên nghiệp tiếp tục được rút ra	
Giữa T11	Chủ tịch và Giám đốc điều hành của Northern Rock từ chức sau khi nhận được các hồ sơ thầu liên quan đến Northern Rock	\$ 50
Cuối T11	Nhà thầu tốt nhất được xác định nhưng chỉ có thể trả ngay 40% hạn mức vốn (phần còn lại cần tối thiểu 2 năm) và cổ đông đe dọa không chấp nhận nhà thầu này	

Các chuyên gia kinh tế thế giới đã nghiên cứu những khác biệt trong hệ thống quản lý ngân hàng của Mỹ, Anh, và tìm ra được một số đặc điểm khác biệt then chốt của hệ thống quản lý ngân hàng và bảo hiểm tiền gửi tại hai quốc gia. Đây chính là nguyên nhân lý giải cho hiện tượng rút tiền hàng loạt tại Northern Rock mà không có tại Countrywide. Bởi vì, BHTG Mỹ hoạt động hiệu quả và người dân tin tưởng vào hệ thống ngân hàng còn ở

Anh thì ngược lại hầu như hệ thống bảo hiểm tiền gửi không phát huy tác dụng trong việc tạo niềm tin và trấn an dư luận đặc biệt trong trường hợp xảy ra khủng hoảng.

### **1.1.2. Phân biệt bảo hiểm tiền gửi với các loại hình bảo hiểm thương mại khác**

Bảo hiểm tiền gửi và các loại hình Bảo hiểm thương mại khác bên cạnh những điểm giống nhau thì hoạt động BHTG có những điểm khác biệt, điều đó được thể hiện như sau:

#### *- Về tính chất hoạt động*

Cũng giống như các loại hình bảo hiểm thương mại khác, hoạt động bảo hiểm tiền gửi mang tính chất chung của hoạt động bảo hiểm tức là dựa trên nguyên tắc lấy số đông bù số ít. Tuy nhiên, đây là một loại hình mang tính chất đặc thù vì Bảo hiểm tiền gửi là công cụ thực hiện chính sách công với vai trò cơ bản là bảo vệ người gửi tiền, góp phần đảm bảo sự phát triển an toàn và lành mạnh của hệ thống tài chính quốc gia. Tính đặc thù của BHTG so với các loại hình bảo hiểm thương mại khác được thể hiện ở các khía cạnh như cơ chế bảo hiểm, chủ thể tham gia bảo hiểm, đối tượng nộp phí, đối tượng được hưởng các quyền lợi bảo hiểm...

#### *- Về cơ chế bảo hiểm*

Ở các loại hình bảo hiểm thương mại khác khi chủ thể tham gia bảo hiểm sẽ xuất hiện mối quan hệ trực tiếp giữa một bên là đối tượng bảo hiểm và một bên là đối tượng được bảo hiểm. Còn ở bảo hiểm tiền gửi thì khác, mặc dù người gửi tiền là người được hưởng lợi trực tiếp từ chính sách bảo hiểm tiền gửi nhưng không xuất hiện mối quan hệ trực tiếp về bảo hiểm tiền gửi giữa người gửi tiền và tổ chức BHTG trừ trường hợp xảy ra đổ vỡ của tổ chức tín dụng.

#### *- Chủ thể tham gia BHTG*



Theo quy định, bất cứ một tổ chức tín dụng hoặc không phải là tổ chức tín dụng nhưng có hoạt động huy động tiền gửi của dân cư thì phải tham gia bảo hiểm tiền gửi một cách bắt buộc. Trách nhiệm đóng phí thuộc về tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi.

*- Đối tượng được hưởng các quyền lợi bảo hiểm*

Mặc dù người được hưởng các quyền lợi trực tiếp từ chính sách BHTG là người gửi tiền nhưng người gửi tiền không phải trực tiếp tham gia BHTG. Theo đó, trong trường hợp tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi bị giải thể hoặc phá sản thì tổ chức BHTG sẽ thay mặt Chính phủ đứng ra chi trả tiền gửi được bảo hiểm cho người gửi tiền theo quy định của pháp luật mỗi quốc gia. Số tiền vượt quá hạn mức chi trả tiền gửi được bảo hiểm cho mỗi khoản tiền gửi của cá nhân ở người gửi tiền sẽ được nhận trong quá trình thanh lý tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi với thứ tự ưu tiên về vị trí chủ nợ theo quy định của pháp luật về giải thể hoặc phá sản.

Tổ chức tham gia bảo hiểm được hưởng lợi gián tiếp từ việc tham gia bảo hiểm tiền gửi: được giám sát bởi một cơ quan nhà nước, huy động vốn từ dân cư sẽ dễ dàng hơn do người gửi tiền biết họ sẽ được bảo hiểm khi gửi tiền tại tổ chức đã tham gia bảo hiểm.

*- Về đối tượng tham gia bảo hiểm tiền gửi*

Là các tổ chức tín dụng hoặc không phải là tổ chức tín dụng nhưng có hoạt động ngân hàng. Đối tượng tham gia của các loại hình bảo hiểm thương mại là các tổ chức hoặc cá nhân.

*- Cơ chế tham gia*

Cơ chế tham gia BHTG là bắt buộc. Tất cả cả tổ chức tín dụng hoặc không phải là tổ chức tín dụng được phép thực hiện một số hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật mà có nhận tiền gửi của tổ chức hoặc cá

nhân (gọi tắt là tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi) phải tham gia bảo hiểm tiền gửi bắt buộc, còn đối với các loại hình khác thì có thể thoả thuận.

*- Hình thức pháp lý tham gia*

Ở Bảo hiểm tiền gửi đó là sự bắt buộc của các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi mà không thông qua hợp đồng bảo hiểm. Sở dĩ, không xuất hiện hợp đồng BHTG giữa tổ chức BHTG và các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi vì hợp đồng phải dựa trên cơ sở thoả thuận còn mối quan hệ giữa các chủ thể tham gia BHTG là theo hình thức bắt buộc. Còn ở các loại hình bảo hiểm thương mại khác thì thông thường phải thông qua hợp đồng bảo hiểm.

*- Nội dung bảo hiểm*

Ở bảo hiểm tiền gửi là sự bắt buộc theo những quy định của pháp luật còn ở các loại hình bảo hiểm khác thì có thể do sự lựa chọn của chủ thể về nội dung tham gia bảo hiểm.

Ngoài sự khác biệt cơ bản nêu trên, giữa bảo hiểm tiền gửi và các loại hình bảo hiểm thương mại khác còn có sự khác nhau về mô hình tổ chức, về cách thức tổ chức hoạt động...

#### **1.1.4. Bảo hiểm tiền gửi và vấn đề bảo vệ người gửi tiền**

##### ***1.1.4.1. Rủi ro hoạt động ngân hàng***

*- Hoạt động Ngân hàng thương mại gắn liền với các rủi ro*

Ngân hàng thương mại là những trung gian tài chính với hoạt động chủ yếu là nhận tiền gửi và hoàn trả; đầu tư; cung cấp các dịch vụ ngân hàng; Với những đặc trưng như vậy nên hoạt động của NHTM chịu tác động của nhiều yếu tố về môi trường kinh tế, chính trị, xã hội, các cơ chế chính sách vĩ mô và vi mô. Trong khi đó, các yếu tố này lại luôn thay đổi để phù hợp với sự biến động của nền kinh tế. Mặt khác, hội nhập kinh tế quốc tế và toàn cầu hoá các luồng tài chính trong bối cảnh hiện nay đã làm

thay đổi căn bản hoạt động ngân hàng. Kinh doanh ngân hàng đã trở nên phức tạp hơn, áp lực cạnh tranh giữa các ngân hàng cũng ngày càng lớn, cùng với nó mức độ rủi ro cũng gia tăng và khi rủi ro xảy ra thì hậu quả sẽ rất khó lường.

Mặt khác, đối tượng kinh doanh của ngân hàng là tiền tệ - loại hàng hóa đặc biệt nhạy cảm với rủi ro; tính dễ lây lan rủi ro giữa các ngân hàng thương mại với nhau; khách hàng của ngân hàng rất đông và chỉ cần một khách hàng gặp rủi ro sẽ gây tác động xấu đến hình ảnh ngân hàng. Chỉ một sự cố nghiêm trọng nào đó xảy ra đối với một hoặc một số ngân hàng, tổ chức tài chính của một quốc gia thì ngay lập tức sẽ có ảnh hưởng dây chuyền tới các tổ chức ngân hàng, tài chính khác của quốc gia đó, thậm chí là cả các nước khác trong khu vực.

Tóm lại, mọi hoạt động kinh doanh của ngân hàng đều tiềm ẩn rủi ro và do nhiều nguyên nhân gây nên; từ những nguyên nhân khách quan ở tầm vĩ mô hoặc sự yếu kém trong hoạt động sản xuất - kinh doanh của các doanh nghiệp hay hành vi lừa đảo của khách hàng đến những nguyên nhân chủ quan từ phía các ngân hàng, như sự thiếu vắng hoặc hoạt động không có hiệu quả của các định chế quản lý, những khiếm khuyết trong cơ chế chính sách, quy trình nghiệp vụ, những rủi ro về đạo đức của cán bộ hay những hành vi cấu thả gian lận của nhân viên...

*- Hậu quả từ việc đổ vỡ hoạt động ngân hàng*

Hoạt động ngân hàng nhằm cung cấp vốn và các dịch vụ tài chính, tiền tệ thanh toán cần thiết cho quá trình sản xuất, kinh doanh và luân chuyển hàng hóa trong nền kinh tế, qua đó góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đất nước. Điều này luôn đúng đối với các nước đang phát triển, vì những nước này chưa có thị trường vốn phát triển, tiềm lực tài chính của các doanh nghiệp còn nhỏ nên vốn vay ngân hàng là nguồn chủ yếu để các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ mở rộng sản xuất, kinh doanh và luân chuyển hàng hóa. Tuy nhiên, rủi ro trong hoạt động ngân

hàng dẫn đến nguy cơ khủng hoảng hệ thống lại là một căn bệnh tiềm tàng và khi khủng hoảng ngân hàng xảy ra sẽ để lại những hậu quả hết sức nặng nề không chỉ ảnh hưởng đến hệ thống ngân hàng mà toàn bộ nền kinh tế. Lịch sử phát triển ngân hàng trên thế giới đã được đánh dấu bằng những cuộc khủng hoảng tín dụng đơn lẻ và khủng hoảng hệ thống tại một số quốc gia và ảnh hưởng nghiêm trọng đến toàn bộ nền kinh tế như cuộc khủng hoảng kinh tế ở Mỹ 1929 đến 1933, ở Canada năm 1985, hay khu vực châu Á vào năm 1997.

Ở Việt Nam, vào cuối những năm 80 của thế kỷ 20, người dân Việt Nam đã từng chứng kiến một cuộc đổ vỡ dây chuyền của gần 8.000 Hợp tác xã tín dụng và Quỹ tín dụng trên phạm vi cả nước. Sự đổ vỡ này đã để lại những hậu quả rất nghiêm trọng về tổn thất tài sản của người gửi tiền và sự mất mát niềm tin của công chúng vào các Hợp tác xã Tín dụng, Quỹ Tín dụng nói riêng và hệ thống ngân hàng ở Việt Nam nói chung.

Vào năm 1997 - 1999 một số ngân hàng cổ phần như châu Á Thái Bình Dương, Vũng Tàu, Quảng Ninh, Nam Đô, Việt Hoa đã bị NHNN Việt Nam đưa vào diện “kiểm soát đặc biệt”. Cho đến nay, Ngân hàng Việt Hoa vẫn nợ trong nước 115 tỷ VND, nợ nước ngoài 95 triệu USD mà không ai có thể trả lời là bao giờ sẽ trả được. Với Ngân hàng Nam Đô, Nhà nước đưa vào khoảng 300 tỷ VND nhưng đến nay Nhà nước không thu hồi được, và các ngân hàng tuy vẫn còn tồn tại nhưng là một món nợ rất khó xử lý.

Vào năm 2000 - 2001, xảy ra tình trạng một loạt quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn cả nước bị giải thể. Trong đó có 33 quỹ bị giải thể bắt buộc, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam khi đó mới đi vào hoạt động nhưng với chức năng của mình đã đứng ra chi trả cho 1.476 người gửi tiền, với tổng số tiền chi trả lên tới 16.338 triệu đồng.

Vào năm 2006, 2007, có tình trạng hoảng loạn ngân hàng xảy ra với Ngân hàng cổ phần Á Châu, và ngân hàng Phương Nam (Ninh Bình).

Nguyên nhân do những tin đồn không chính xác về lãnh đạo hay hoạt động của ngân hàng, nên người gửi tiền đã đổ xô đến rút tiền gây cho ngân hàng có nguy cơ mất khả năng chi trả. Về thực chất, các tổ chức này đang hoạt động khá tốt và có hiệu quả nhưng do áp lực quá lớn của người gửi tiền cùng kéo đến tại một thời điểm để rút tiền. Trong bối cảnh đó, ngay cả một ngân hàng hoạt động tốt cũng khó có khả năng đứng vững nếu không có sự trợ giúp từ nhiều tổ chức. Tại thời điểm xảy ra sự cố, NHNN và BHTGVN đã ngay lập tức vào cuộc và tình trạng này đã được khắc phục đúng lúc.

*- Một số loại rủi ro điển hình trong hoạt động ngân hàng*

Có thể hiểu khái quát về rủi ro trong hoạt động ngân hàng như sau, “rủi ro trong hoạt động ngân hàng là những biến cố không mong đợi xảy ra, gây mất mát, thiệt hại tài sản, thu nhập của ngân hàng trong quá trình hoạt động”. Rủi ro trong hoạt động của các NHTM rất đa dạng, nhưng nhìn chung có thể khái quát thành một số loại rủi ro chủ yếu sau đây:

*+ Rủi ro tín dụng:*

“Rủi ro tín dụng được hiểu là những tổn thất do khách hàng không trả được nợ hoặc sự giảm sút chất lượng của những khoản vay”. Như vậy, rủi ro tín dụng có thể gồm rủi ro đọng vốn và rủi ro mất vốn.

*+ Rủi ro hối đoái*

Theo Peter S. Rose, rủi ro hối đoái là khả năng thiệt hại (tổn thất) mà ngân hàng phải gánh chịu do sự biến động giá cả tiền tệ thế giới.

*+ Rủi ro thanh khoản*

Chỉ xảy ra khi cung về tiền ít hơn cầu về tiền. Rủi ro thanh khoản liên quan đến khả năng chuyển các tài sản chính thành tiền một cách nhanh chóng mà không chịu thất thoát về giá cả. Hay nói một cách khác, rủi ro thanh khoản là rủi ro khi ngân hàng không đủ tiền đáp ứng các khoản phải trả khi đến hạn thanh toán, hoặc vì một biến cố nào đó mà khách hàng rút tiền ào ạt.[4]

+ *Rủi ro thị trường*

Là loại rủi ro tổn thất tài sản, xảy ra khi có sự thay đổi của các điều kiện thị trường hay những biến động của thị trường làm ảnh hưởng đến lãi suất, tỷ giá ngoại hối, giá chứng khoán mà ngân hàng đầu tư...

+ *Rủi ro hoạt động*

Theo định nghĩa của Ủy ban Basel, rủi ro hoạt động hay rủi ro tác nghiệp là tổn thất do các quy trình, con người và các hệ thống nội bộ không đầy đủ, không đáp ứng yêu cầu hoặc do các yếu tố bên ngoài tác động. Rủi ro hoạt động gồm rủi ro pháp lý, không bao gồm rủi ro danh tiếng và rủi ro chiến lược.

**1.1.4.2. Phòng ngừa và quản trị rủi ro trong hoạt động ngân hàng**

Qua nghiên cứu và thực tiễn cho thấy tất cả các loại rủi ro chủ yếu có thể được nhận diện, đo lường để đưa ra các dự báo kịp thời có tính cảnh báo, trên cơ sở đó xây dựng những phương án nhằm ngăn ngừa và hạn chế đến mức thấp nhất các thiệt hại rủi ro gây ra. Ngoài các ngân hàng là cơ quan đóng vai trò chính trong việc quản lý rủi ro, thì các cơ quan Nhà nước sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc kiểm soát rủi ro của hệ thống ngân hàng bằng cách tạo hành lang pháp lý và khuôn khổ cần thiết để các thông lệ và văn hóa quản lý rủi ro tốt được khuyến khích áp dụng. BHTGVN thực hiện các nghiệp vụ sau để góp phần kiểm soát rủi ro hệ thống ngân hàng:

i) Thực hiện giám sát rủi ro các tổ chức tham gia bảo hiểm theo chuẩn mực quốc tế để cảnh báo sớm những nguy cơ gây ra rủi ro trong hoạt động ngân hàng qua đó hạn chế tổn thất.

ii) Có đủ công cụ, quyền hạn để dự báo, đánh giá, tiếp nhận và xử lý rủi ro trong hoạt động ngân hàng đối với tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi.

iii) Thông qua các công cụ đặc biệt là công cụ phí bảo hiểm theo mức độ rủi ro để kích thích các ngân hàng hoạt động luôn hướng tới mục tiêu an toàn.

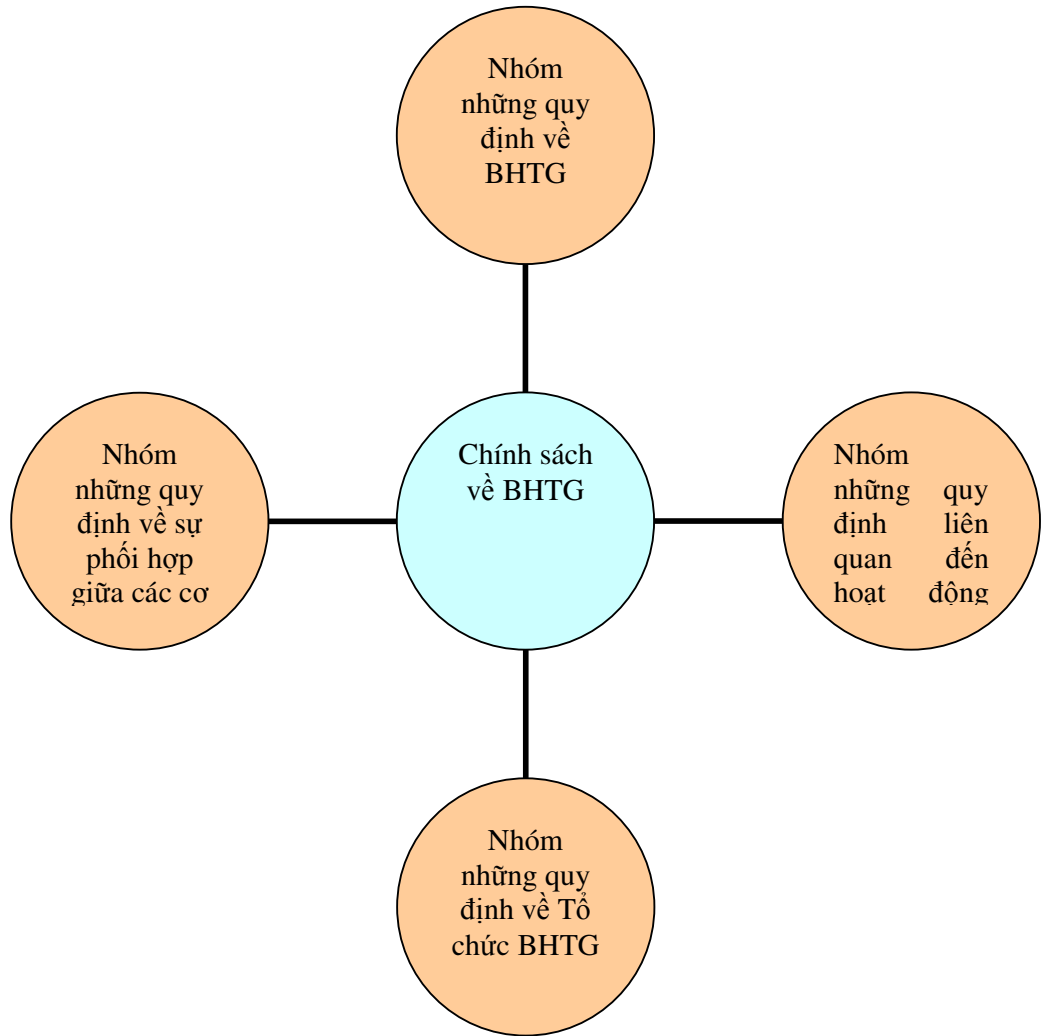
iv) Thực hiện chức năng chia sẻ rủi ro trong hoạt động ngân hàng giữa các tổ chức tham gia BHTG thông qua cơ chế bảo hiểm tiền gửi.

v) Triển khai các chức năng xử lý ngân hàng có vấn đề theo thông lệ và kinh nghiệm của các hệ thống BHTG đã thực hiện thành công.

vi) Bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người gửi tiền và các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi.

## **1.2. CHÍNH SÁCH BẢO HIỂM TIỀN GỬI HIỆU QUẢ**

Chính sách BHTG tập trung vào một số vấn đề sau:



- Nhóm những quy định về bảo hiểm tiền gửi bao gồm: đối tượng tham gia BHTG, loại tiền gửi được bảo hiểm, hạn mức chi trả tiền gửi được bảo hiểm, và nguồn vốn BHTG.

- Nhóm những quy định liên quan đến hoạt động BHTG bao gồm: phí BHTG, các hoạt động nghiệp vụ của tổ chức BHTG.

- Nhóm quy định về tổ chức BHTG bao gồm: mô hình hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của tổ chức BHTG.

- Nhóm quy định về sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng bao gồm: sự phối hợp giữa tổ chức BHTG với các cơ quan chức năng NHNN,



Bộ Tài chính, tòa án và các cơ quan khác trong việc giám sát hệ thống tài chính - ngân hàng và xử lý đồ vỡ ngân hàng.

Để đánh giá tính hiệu quả của chính sách BHTG, trước hết cần đánh giá sự tác động của chính sách đó trong mối quan hệ tác động đến xã hội. Một chính sách BHTG được coi là hiệu quả khi áp dụng vào thực tiễn cuộc sống sẽ thực hiện tốt được mục tiêu bảo vệ người gửi tiền và góp phần đảm bảo an toàn hoạt động ngân hàng.

Thông thường khi đánh giá hiệu quả của chính sách BHTG cần gắn với việc đánh giá hiệu quả hoạt động của tổ chức BHTG vì đây là tổ chức chủ yếu thực hiện chính sách BHTG.

### **1.3. KINH NGHIỆM QUỐC TẾ TRONG VIỆC XÂY DỰNG HỆ THỐNG BẢO HIỂM TIỀN GỬI HIỆU QUẢ**

#### **1.3.1. Về nhóm những quy định về chính sách bảo hiểm**

##### ***1.3.1.1 Cơ chế tham gia BHTG***

Như trên đã phân tích, vì Chính phủ sử dụng công cụ tài chính là BHTG nhằm mục đích thực hiện chính sách công, do vậy xu hướng trên thế giới hiện nay chủ yếu là quy định việc tham gia BHTG bắt buộc. Trong thực tế, rất ít quốc gia quy định cơ chế tham gia BHTG là tự nguyện. Trong 74 hệ thống bảo hiểm tiền gửi được nghiên cứu chỉ có 8 hệ thống tham gia tự nguyện, còn 55 hệ thống tham gia bắt buộc [3].

##### ***1.3.1.2 Đối tượng tham gia BHTG***

Thông thường là tổ chức tín dụng hoặc không phải là tổ chức tín dụng nhưng có hoạt động ngân hàng phải tham gia BHTG bắt buộc, bao gồm: ngân hàng, công ty chứng khoán, công ty bảo hiểm, công ty tài chính, hiệp hội tín dụng, ngân hàng hợp tác.

### ***1.3.1.3 Loại tiền thuộc đối tượng được BHTG***

Bên cạnh việc bảo vệ đồng nội tệ, một số quốc gia có áp dụng bảo hiểm cho ngoại tệ, thứ nhất là nhằm kích thích quá trình huy động vốn, đặc biệt là lượng kiều hối gửi từ nước ngoài về và thứ hai là nhằm đảm bảo sự công bằng đối với người gửi tiền. Ví dụ, Indonesia là quốc gia thực hiện chính sách bảo hiểm ngoại tệ [23]

### ***1.3.1.4 Hạn mức chi trả tiền gửi được BHTG***

Theo thông lệ quốc tế, hạn mức chi trả tiền gửi được bảo hiểm dao động từ 1 đến 9 lần GDP/người. Ở châu Á mức chi trả bình quân là 4 lần thu nhập quốc nội bình quân đầu người một năm. Ví dụ, Indonesia thực hiện chi trả cho mỗi người gửi tiền tại một tổ chức tín dụng là 100.000.000 Rp (11.000 USD). Hạn mức này gấp khoảng 9,6 lần GDP của Indonesia [25].

Bảng so sánh hạn mức chi trả tiền gửi được bảo hiểm tại một số quốc gia

<b>STT</b>	<b>Quốc gia</b>	<b>Hạn mức chi trả</b>
1	Nhật Bản	¥ 10 million( 86.000 USD)
2	Hàn Quốc	KRW 50.000.000( 53.000USD)
3	Philippine	P 250.000( 5.200 USD)
4	Đài Loan	NT\$1.000.000( 30.000 USD)
5	Indonesia	IDR 100 million ( 11.000 USD)
6	Malaysia	RM 60.000 (17.000 USD)
7	Mỹ	250.000 USD
8	Vietnam	VND 50.000.000 (3000 USD)

Trong đợt khủng hoảng tài chính - ngân hàng vào nửa sau của năm 2008, hầu hết các quốc gia ở châu Âu đều tăng hạn mức chi trả tiền gửi được bảo hiểm. Thậm chí một số quốc gia như Hà Lan, Phần Lan,... đã cam kết bảo hiểm 100% các khoản tiền gửi để tạo ra tâm lý yên tâm cho người gửi tiền nhằm tránh được những hoảng loạn về mặt xã hội.

Trong thực tế tùy thuộc vào tình hình cụ thể mà mỗi quốc gia có cách xác định hạn mức chi trả khác nhau. Cụ thể là các quốc gia thường căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội, bối cảnh hoạt động tài chính, ngân hàng để điều chỉnh hạn mức chi trả cho phù hợp.

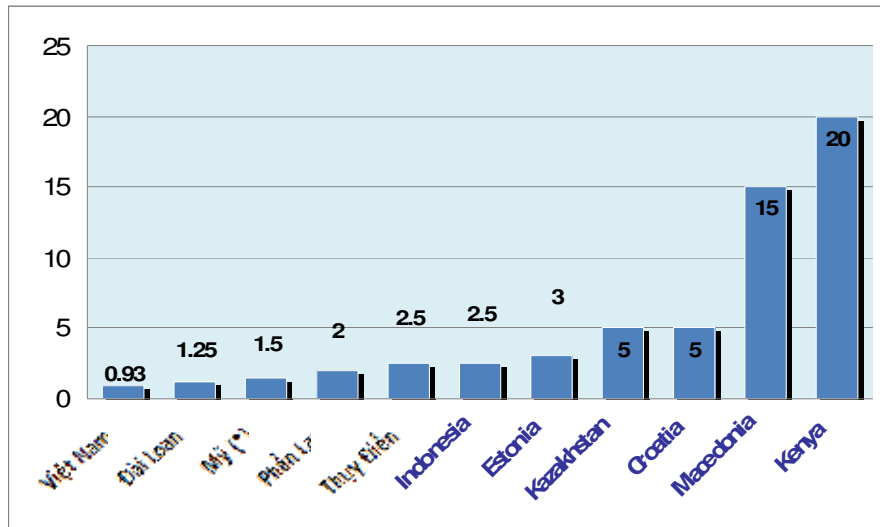
### **1.3.2. Nhóm những vấn đề liên quan đến hoạt động bảo hiểm tiền gửi**

#### ***1.3.2.1. Năng lực tài chính***

Thông thường nguồn vốn hoạt động của tổ chức BHTG bao gồm nguồn vốn do ngân sách Nhà nước cấp, nguồn thu từ phí BHTG, và nguồn thu từ những hoạt động sinh lời khác của tổ chức BHTG.

Theo chỉ tiêu tính toán về an toàn trong hoạt động, Quỹ BHTG của tổ chức BHTG đảm bảo tỷ lệ 0,15% - 1,5% trong tổng số dư tiền gửi được bảo hiểm. Ví dụ, đối với tổ chức bảo hiểm tiền gửi liên bang Mỹ - FDIC, tính đến thời điểm 31/12/2005, tổng số dư tiền gửi được bảo hiểm là 3.892,5 tỷ USD, tổng số dư quỹ BHTG hợp nhất là 48,6 tỷ USD, và tỷ lệ dự trữ là 1.25% [16]. Hoặc cũng có một số quốc gia còn đưa ra quỹ mục tiêu là 2,5% tổng số tiền gửi trong hệ thống ngân hàng [24].

### **TỶ LỆ QUỸ MỤC TIÊU (%) TẠI CÁC QUỐC GIA VÀ THỰC TẾ TẠI VIỆT NAM**



(Bảng số liệu về tỉ lệ quỹ mục tiêu(%) tại các quốc gia và thực tế tại Việt Nam)

### 1.3.2.2. Về phí Bảo hiểm tiền gửi

Hiện nay có hai hệ thống phí BHTG được áp dụng trên thế giới đó là hệ thống phí đồng hạng và hệ thống phí trên cơ sở rủi ro. Tuy nhiên, ngày càng có nhiều nước đã chuyển từ hệ thống phí trên cơ sở đồng hạng sang hệ thống phí trên cơ sở rủi ro. Hệ thống phí trên cơ sở rủi ro có nhiều ưu việt như đảm bảo sự công bằng giữa các tổ chức tham gia BHTG, đảm bảo nguyên tắc, kỷ cương thị trường và kích thích sự phát triển của thị trường tài chính - ngân hàng. Một số quốc gia hiện đang áp dụng mức phí trên cơ sở rủi ro như Mỹ, Nhật Bản, Philipine...[16; 17; 29] hoặc chuyển dần từ phí đồng hạng sang mức phí trên cơ sở rủi ro như Indonesia [25].

### 1.3.2.3. Các nghiệp vụ cơ bản

- Nghiệp vụ kiểm tra, giám sát

Theo thông lệ quốc tế nghiệp vụ kiểm tra, giám sát là một trong những nghiệp vụ quan trọng nhất của BHTG. Vì thông qua nghiệp vụ này, tổ chức BHTG đóng vai trò là một kênh quan trọng để góp phần bảo vệ triệt để người gửi tiền, nâng cao niềm tin công chúng vào hệ thống tài

chính - ngân hàng, và đảm bảo hoạt động an toàn của thị trường tài chính. Qua đó, tổ chức BHTG mới thực hiện được mục tiêu bảo vệ người tiêu dùng trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng. Hầu hết các hệ thống BHTG trên thế giới đều có chức năng kiểm tra, giám sát tổ chức tín dụng, ví dụ như Mỹ, Hàn Quốc, Nhật Bản, Philipine...

*- Nghiệp vụ tiếp nhận xử lý*

Về lý luận cũng như thực tiễn, nghiệp vụ tiếp nhận xử lý nếu Chính phủ giao cho tổ chức BHTG sẽ đảm bảo được tính chuyên nghiệp, hiệu quả, giảm thiểu chi phí và mang lại lợi ích cho xã hội. Xu hướng thế giới hiện nay là tổ chức BHTG có chức năng tiếp nhận và xử lý tổ chức tín dụng. Việc tiếp nhận xử lý được thực hiện thông qua các công cụ nghiệp vụ như hỗ trợ tài chính, thành lập ngân hàng bắc cầu, chi trả tiền gửi được bảo hiểm, thanh lý tổ chức tín dụng bị đổ vỡ. Một số nước tổ chức BHTG đã thực hiện rất tốt chức năng này và tạo lập được niềm tin đối với người gửi tiền như Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ, Indonesia. Ví dụ, BHTG Hàn Quốc đã thực hiện rất tốt chức năng tái cấu trúc hệ thống tài chính - ngân hàng sau cuộc khủng hoảng tài chính khu vực năm 1997 thông qua một số công cụ nghiệp vụ tiếp nhận xử lý như hỗ trợ tài chính, ngân hàng bắc cầu. Hoặc ở Nhật Bản, Chính phủ đã quy định rất rõ về chức năng của tổ chức BHTG trong việc xử lý đổ vỡ tín dụng, cũng như sự phối hợp chặt chẽ và rõ ràng của các cơ quan liên quan (tổ chức BHTG, Tòa án...) trong việc xử lý đổ vỡ. Hoặc ở Indonesia, pháp luật quy định rõ vai trò, chức năng, nhiệm vụ, thời điểm can thiệp của Tổng công ty BHTG Indonesia trong quá trình xử lý đổ vỡ tín dụng trên nguyên tắc an toàn, chi phí tối thiểu.

**1.3.3. Nhóm quy định về tổ chức Bảo hiểm tiền gửi**

***1.3.3.1. Mô hình tổ chức***

Trên thế giới có hai mô hình BHTG đang được áp dụng đó là mô hình chi trả (pay box) và mô hình giảm thiểu rủi ro (risk minimizer).

- Mô hình chi trả là mô hình mà chức năng chủ yếu của tổ chức BHTG là thực hiện việc chi trả tiền gửi cho người gửi tiền khi tổ chức tham gia BHTG bị đổ vỡ.

- Mô hình giảm thiểu rủi ro là mô hình mà tổ chức BHTG sẽ thực hiện nhiều chức năng như kiểm tra, giám sát, xử lý đổ vỡ, chi trả tiền gửi... nhằm mục đích giảm thiểu rủi ro cho người gửi tiền, tổ chức tham gia, doanh nghiệp.

Do tính ưu việt của mô hình giảm thiểu rủi ro nên xu hướng hiện nay của các nước trên thế giới đó là thiết kế tổ chức BHTG theo mô hình giảm thiểu rủi ro. Thực tế đã chứng minh nếu Chính phủ thiết kế và sử dụng tốt mô hình tổ chức BHTG theo mô hình giảm thiểu rủi ro sẽ góp phần đảm bảo an toàn hệ thống tốt hơn. Chính vì vậy, một số nước đang áp dụng mô hình chi trả có xu hướng chuyển sang mô hình giảm thiểu rủi ro.

Ví dụ: Sau khủng hoảng ngân hàng Northern Rock ở Anh các chuyên gia kinh tế đã phân tích rất nhiều nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng đó và một trong những nguyên nhân quan trọng là hệ thống BHTG ở Anh hoạt động kém hiệu quả với mô hình chi trả nên đã không tạo lập được niềm tin của công chúng đối với hệ thống tài chính - ngân hàng, vì vậy đã không ngăn chặn được dòng người rút tiền ồ ạt. Và sau khủng hoảng ngân hàng Northern Rock, Chính phủ Anh đã có chủ trương chuyển mô hình tổ chức BHTG từ chi trả sang mô hình giảm thiểu rủi ro. Trong khi đó, cũng là hiện tượng liên quan đến khủng hoảng tín dụng về cho vay thế chấp nhà đất giống như Northern Rock thì ở Mỹ việc xử lý đối với ngân hàng Countrywide không diễn ra theo kịch bản xấu như ở Anh bởi vì hệ thống BHTG của Mỹ hoạt động hiệu quả thông qua mô hình giảm thiểu rủi ro.

Theo thông lệ quốc tế thì tổ chức BHTG được thiết kế và vận hành theo mô hình Tổng công ty như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Philipine...

### ***1.3.3.2. Mô hình hoạt động của tổ chức Bảo hiểm tiền gửi***

Việc thiết kế mô hình của tổ chức BHTG của mỗi quốc gia sẽ do Chính phủ nước đó quyết định về chức năng, nhiệm vụ của tổ chức BHTG. Những nước thiết kế hệ thống BHTG theo mô hình chi trả thì tổ chức BHTG chỉ thực hiện chức năng chi trả. Còn những nước thiết kế theo mô hình tổ chức giảm thiểu rủi ro thì tổ chức BHTG thực hiện nhiều chức năng như kiểm tra, giám sát, xử lý đồ vỡ (hỗ trợ tài chính, mua bán nợ, chi trả, thanh lý tổ chức tín dụng bị đồ vỡ). Xu hướng chủ yếu ở các nước hiện nay là thiết kế BHTG theo mô hình giảm thiểu rủi ro. Ví dụ, chức năng của BHTG Hàn Quốc hiện nay là: quản lý hệ thống BHTG; quản lý rủi ro các tổ chức tài chính được bảo hiểm; và xử lý các tổ chức tài chính mất khả năng thanh toán. Tuy nhiên, trên thực tế, BHTG Nhật Bản và BHTG Hàn Quốc lại đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc thực hiện tái cấu trúc hệ thống tài chính - ngân hàng quốc gia sau khủng hoảng tài chính khu vực Châu Á năm 1997.

Các quốc gia trên thế giới đều có những quy định khác nhau về cơ quan quản lý tổ chức BHTG. Tuy nhiên, kinh nghiệm cho thấy để tạo sự chủ động và độc lập cho tổ chức BHTG trong quá trình hoạt động thì tổ chức BHTG nên trực thuộc Quốc hội (như mô hình của Mỹ) hoặc thuộc Chính phủ (như mô hình của Indonesia) [25]

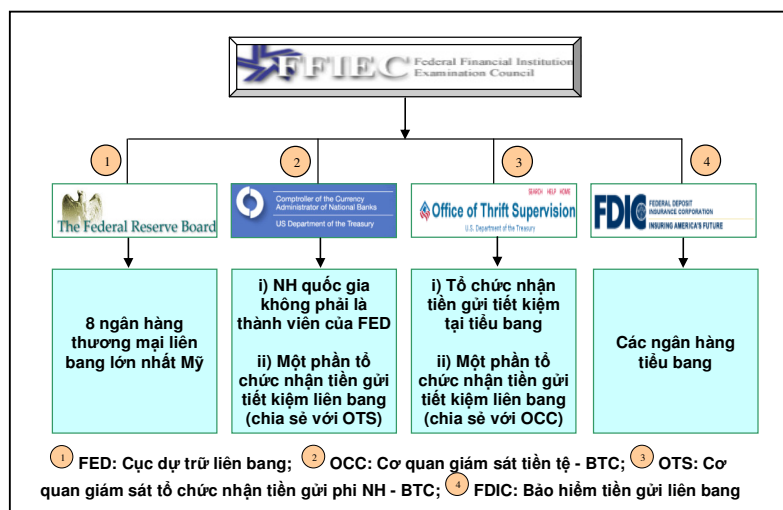
### **1.3.4. Nhóm về sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng**

#### ***1.3.4.1. Phối hợp trong việc giám sát hệ thống tài chính***

Để thực hiện việc giám sát hệ thống tài chính - ngân hàng quốc gia, sự phối hợp của các cơ quan trong hệ thống giám sát là rất quan trọng. Nhằm đạt hiệu quả trong việc giám sát, về xu thế chung của thế giới hiện nay là thiết kế mô hình đảm bảo nguyên tắc phối hợp và độc lập để tăng cường trách nhiệm, tránh chồng chéo hoặc bỏ trống giữa các bộ phận trong hệ thống giám sát.

Ví dụ, mô hình giám sát của Mỹ

Hợp chủng quốc Hoa Kỳ có cơ chế pháp lý rõ ràng trong việc phân định chức năng của các cơ quan giám sát. Ở Hoa Kỳ có 04 cơ quan giám sát hoạt động tài chính - ngân hàng gồm: i) Cục dự trữ liên bang (FED); ii) Cơ quan giám sát tiền tệ thuộc Bộ Tài chính (OCC); iii) Cơ quan giám sát các tổ chức nhận tiền gửi phi ngân hàng thuộc Bộ Tài chính (OTS); iv) Bảo hiểm tiền gửi liên bang (FDIC) [16] và [41].



Các cơ quan giám sát tại Hoa Kỳ được phân công giám sát thành từng nhóm chức nhất định (*xem sơ đồ*). Trong phạm vi quyền hạn của mình, FDIC chịu trách nhiệm giám sát trực tiếp các ngân hàng tiểu bang không phải là thành viên của FED. Để thống nhất các tiêu chuẩn, quy trình giám sát, chia sẻ thông tin và phối hợp giải quyết các vấn đề phát sinh của 04 cơ quan giám sát nêu trên, một tổ chức có tên gọi “Ủy ban giám sát định chế tài chính liên bang” (FFIEC) đã được thành lập; đồng thời để đảm bảo tính độc lập, Ban điều hành của FFIEC gồm 5 thành viên đều do Tổng thống Hoa Kỳ bổ nhiệm với sự chấp thuận của Quốc hội [16].

### 1.3.4.2. Phối hợp trong việc xử lý đổ vỡ

Xử lý đổ vỡ trong lĩnh vực tín dụng - ngân hàng mang tính chất đặc thù vì không giống với xử lý đổ vỡ dân sự nói chung. Sự đổ vỡ của tổ chức tín dụng liên quan đến nhiều đối tượng và việc xử lý đòi hỏi sự can thiệp



của nhiều cơ quan chức năng như ngân hàng Nhà nước, Bảo hiểm tiền gửi, cơ quan Tòa án, chính quyền địa phương. Trong quá trình xử lý, quy chế pháp lý cần quy định rõ về chức năng, nhiệm vụ, thời điểm can thiệp của từng cơ quan.

*Trường hợp xử lý đổ vỡ của Nhật Bản:*

Pháp luật về xử lý đổ vỡ tín dụng ở Nhật Bản được quy định đồng bộ trong các luật sau:

- Luật phá sản;
- Luật phục hồi dân sự;
- Luật tái tổ chức công ty;
- Bộ luật thương mại.

Các cơ quan can thiệp, gồm có:

- + Tòa án;
- + Cơ quan giám sát tài chính (FSA);
- + Bảo hiểm tiền gửi Nhật Bản (DICJ);
- + Công ty thu hồi nợ.

Theo pháp luật Nhật Bản, chức năng, nhiệm vụ và thời điểm can thiệp của từng cơ quan được phân định rất rõ ràng [17].

### **1.3.5. Những bài học cho Việt Nam trong việc bảo vệ người gửi tiền**

#### ***1.3.5.1. Những vấn đề chung***

- Cần phải xây dựng chính sách bảo hiểm tiền gửi phù hợp với thông lệ quốc tế và với điều kiện hoàn cảnh cụ thể của mỗi quốc gia. Trong

những tình huống khẩn cấp cần có sự thay đổi chính sách BHTG nhanh chóng để tránh sự đổ vỡ dây chuyền và đảm bảo chính sách an dân;

- Cần xây dựng hành lang pháp lý về BHTG phù hợp với thực tiễn khách quan của tình hình hoạt động tài chính - ngân hàng của từng quốc gia;

- Cần tạo sự đồng bộ về pháp luật điều chỉnh lĩnh vực BHTG trong đó bao gồm pháp luật về tài chính, ngân hàng, pháp luật về giải thể và pháp luật về phá sản;

- Cần xây dựng tổ chức BHTG đủ mạnh về năng lực tài chính, về con người để thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của tổ chức BHTG;

- Chính phủ cần xây dựng kịch bản xử lý khủng hoảng tài chính trong đó chú ý xây dựng kịch bản về chính sách BHTG trong thời kỳ khủng hoảng.

#### ***1.3.5.2. Những bài học cụ thể***

- *Về cơ chế BHTG*: Để công cụ tài chính về BHTG thật sự phát huy hiệu quả và bảo vệ tốt quyền lợi của người gửi tiền cần xây dựng cơ chế bảo hiểm tiền gửi bắt buộc;

- *Về đối tượng tham gia BHTG*: Để bảo vệ tốt quyền lợi của người sử dụng dịch vụ tài chính nói chung và người gửi tiền nói riêng cần mở rộng đối tượng tham gia BHTG trong đó bao gồm cả lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ;

- *Về hạn mức chi trả tiền gửi được bảo hiểm*: Cần xây dựng hạn mức chi trả BHTG phù hợp đủ để khuyến khích người gửi nhưng không quá cao nhằm tránh được những rủi ro về mặt đạo đức.

- *Về phí BHTG*: Cần tiến tới áp dụng mức phí trên cơ sở rủi ro để đảm bảo sự công bằng cho các tổ chức tham gia BHTG và đảm bảo nguyên tắc thị trường.

- *Về năng lực tài chính:* Cần xây dựng năng lực tài chính của tổ chức BHTG đủ mạnh để tổ chức đó có thể thực hiện tốt chức năng bảo vệ người gửi tiền; đồng thời, năng lực tài chính của tổ chức BHTG phải đủ lớn để có thể ứng phó với những tình huống xấu của thị trường tài chính.

- *Về các hoạt động nghiệp vụ:* Các hoạt động nghiệp vụ của tổ chức BHTG phải được quy định rõ ràng và chặt chẽ trong các văn bản quy phạm pháp luật. Trong đó, những nghiệp vụ được coi là trọng tâm để bảo vệ triệt để người gửi tiền là nghiệp vụ kiểm tra, giám sát, hỗ trợ tài chính bên cạnh nghiệp vụ chi trả tiền gửi được bảo hiểm.

- *Về tổ chức BHTG:* Tổ chức BHTG là hạt nhân tạo ra sự thành công thực hiện chính sách BHTG ở mỗi một quốc gia. Theo kinh nghiệm quốc tế, để tổ chức BHTG hoạt động hiệu quả Chính phủ cần xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, mô hình tổ chức, cơ quan quản lý tổ chức BHTG đảm bảo nguyên tắc tạo sự chủ động và chịu trách nhiệm cho tổ chức trong quá trình triển khai nhiệm vụ.

+ *Về mô hình tổ chức:* Mô hình tổ chức hoạt động hiệu quả là mô hình giảm thiểu rủi ro trong đó tổ chức BHTG có đầy đủ chức năng để tham gia kiểm soát hoạt động toàn bộ vòng đời của tổ chức tín dụng bao gồm các chức năng như kiểm tra, giám sát, xử lý đổ vỡ tín dụng...

+*Về cơ quan quản lý:* Cơ quan BHTG có thể chịu trách nhiệm giám sát trực tiếp bởi Quốc hội và có trách nhiệm báo cáo hoạt động trước Quốc hội. Hoặc Chính phủ trực tiếp quản lý tổ chức BHTG còn các Bộ, Ngành khác sẽ tham gia quản lý tổ chức BHTG theo chức năng, nhiệm vụ của Bộ, Ngành.

- *Về sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong việc giám sát thị trường tài chính và xử lý đổ vỡ ngân hàng:* Để bảo vệ triệt để người gửi tiền, tổ chức BHTG phải tham gia trực tiếp vào việc giám sát thị trường tài chính cũng như xử lý đổ vỡ ngân hàng. Cụ thể:

+ Đối với việc giám sát thị trường tài chính: Đây là công việc đòi hỏi sự tham gia của nhiều cơ quan chức năng như Ủy ban giám sát, NHNN, Bộ Tài chính, tổ chức BHTG. Vì vậy, pháp luật cần quy định rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan trên nguyên tắc đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ, tránh chồng chéo hoặc bỏ trống giữa các bộ phận giám sát.

+ Đối với việc xử lý đổ vỡ ngân hàng: Xử lý đổ vỡ ngân hàng là hoạt động mang tính chất đặc thù. Việc này đòi hỏi sự can thiệp của nhiều cơ quan chức năng như NHNN, Bộ Tài chính, tổ chức BHTG và các cơ quan tòa án. Pháp luật cũng cần quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan để việc giải quyết đổ vỡ được thực hiện trên nguyên tắc giảm thiểu chi phí và đảm bảo quyền lợi của người gửi tiền. Trong đó, đặc biệt chú trọng đến chức năng của tổ chức bảo hiểm tiền gửi như chức năng mua, bán tổ chức tín dụng. Nghiệp vụ chi trả chỉ là một mắt xích cuối cùng trong chuỗi xử lý đổ vỡ tín dụng.

**CHƯƠNG II**  
**THỰC TRẠNG VẤN ĐỀ BẢO VỆ NGƯỜI GỬI TIỀN**  
**TẠI VIỆT NAM**

**2.1. THỰC TRẠNG VỀ VẤN ĐỀ BẢO VỆ NGƯỜI GỬI TIỀN**  
**TẠI VIỆT NAM**

**2.1.1. Chính sách bảo hiểm tiền gửi**

***2.1.1.1. Cơ chế tham gia bảo hiểm tiền gửi***

Cơ chế tham BHTG tại Việt Nam hiện nay là theo cơ chế bắt buộc. Có nghĩa là tất cả các tổ chức nhận tiền gửi (trừ ngân hàng chính sách xã hội, ngân hàng phát triển, tiết kiệm bưu điện) đều phải tham gia BHTG bắt buộc.

Trên thực tế, hiện nay có hơn 1000 tổ chức tham gia BHTG, trong đó bao gồm các Ngân hàng thương mại Nhà nước, ngân hàng thương mại cổ phần, ngân hàng nước ngoài, quỹ tín dụng nhân dân, và công ty tài chính.

***2.1.1.2. Đối tượng tham gia***

Hiện tại, đối tượng tham gia BHTG bao gồm tổ chức tín dụng và tổ chức không phải là tổ chức tín dụng được phép thực hiện một số hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật.

***2.1.1.3. Loại tiền thuộc đối tượng được bảo hiểm***

Tại Khoản 2 Mục I của Thông tư 03/2006 của Ngân hàng Nhà nước ngày 24/6/2006, quy định: “Tiền gửi được bảo hiểm là tiền gửi bằng đồng Việt Nam của người gửi tiền là cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác, các doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh gửi tại tổ chức tham gia BHTG”, trừ một số trường hợp sau đây:

a, Tiền gửi của người gửi tiền là cổ đông sở hữu trên 10% vốn điều lệ hoặc nắm giữ trên 10% vốn cổ phần có quyền bỏ phiếu của tổ chức tham gia BHTG đó;

b, Tiền gửi của người gửi tiền là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc) của tổ chức tham gia BHTG đó;

c, Tiền gửi dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người gửi tiền;

d, Tiền mua giấy tờ có giá vô danh do tổ chức tham gia BHTG phát hành [9, mục I, khoản 2].

#### ***2.1.1.4. Hạn mức chi trả tiền gửi được bảo hiểm***

Hạn mức chi trả tiền gửi được bảo hiểm tối đa cho mỗi khoản tiền gửi của mỗi cá nhân tại một tổ chức tham gia BHTG là 50 triệu đồng (bao gồm cả gốc và lãi). Số tiền vượt quá 50 triệu đồng sẽ được trả trong quá trình thanh lý tài sản của tổ chức tham gia BHTG phù hợp với pháp luật về giải thể, phá sản. Nếu một cá nhân có nhiều khoản tiền gửi tại một tổ chức tham gia BHTG thì cũng chỉ được bảo hiểm cho một khoản tiền gửi với hạn mức chi trả tối đa là 50 triệu đồng [7, Điều 4].

#### **2.1.2. Các hoạt động bảo hiểm tiền gửi**

Cơ sở pháp lý quy định về những vấn đề liên quan đến hoạt động BHTG là Nghị định số 89/CP, Nghị định số 109/CP và Thông tư số 03/2006-NHNN quy định về một số vấn đề như sau:

##### ***2.1.2.1. Về năng lực tài chính***

Năng lực tài chính của BHTGVN được hình thành từ những nguồn sau: Vốn điều lệ do Nhà nước cấp, Quỹ dự phòng nghiệp vụ hình thành từ nguồn thu phí bảo hiểm, các Quỹ khác được trích lập theo chế độ.

Nguồn vốn hoạt động của BHTGVN được hình thành từ vốn do Nhà nước cấp và vốn đóng góp thường xuyên của các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi.

Theo quy định mới nhất là Quyết định số 13/2008/QĐ-TTg về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với BHTGVN thì vốn hoạt động của BHTG bao gồm:

- Vốn điều lệ 5000 tỷ đồng do Nhà nước cấp;
- Vốn vay khi được Thủ tướng Chính phủ cho phép;
- Vốn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước (nếu có);
- Vốn đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định do Nhà nước cấp (nếu có);
- Vốn khác;

Các khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản;

Các loại Quỹ, như quỹ dự phòng nghiệp vụ, Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm; Quỹ đầu tư phát triển.

Tính đến thời điểm hiện nay, Quỹ dự trữ bắt buộc của BHTGVN trên tổng số dư tiền gửi là khoảng hơn 0,9%. Tỷ lệ này so với thông lệ quốc tế là thấp.

Nguyên tắc sử dụng nguồn vốn:

- Đảm bảo nguyên tắc an toàn và phát triển vốn;
- Vốn tạm thời nhàn rỗi được sử dụng để mua trái phiếu, tín phiếu của Chính phủ, tín phiếu NHNN, gửi tiền tại kho bạc Nhà nước, gửi tiền, mua trái phiếu, tín phiếu của các Ngân hàng thương mại Nhà nước được xếp loại A nhằm bảo đảm an toàn vốn và bù đắp chi phí.

### ***2.1.2.2. Về phí Bảo hiểm tiền gửi***

Hiện nay ở Việt Nam sử dụng phương pháp tính phí đồng hạng trên tổng số dư tiền gửi được bảo hiểm. Theo đó, các tổ chức tham gia BHTG phải đóng phí với tỷ lệ 0,15% trên tổng số dư tiền gửi thuộc đối tượng được bảo hiểm [6].

### ***2.1.2.3. Các nghiệp vụ***

#### ***- Nghiệp vụ kiểm tra***

Nghiệp vụ kiểm tra là một trong những nhiệm vụ quan trọng của BHTGVN. Cơ sở pháp lý cho nghiệp vụ này là Nghị định số 89/CP, Nghị định số 109/CP và Thông tư 03/2006-NHNN.

Nội dung kiểm tra tập trung vào 2 vấn đề cơ bản là kiểm tra tổ chức tham gia BHTG thực hiện các quy định về BHTG và quy định về đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng.

Nội dung kiểm tra chấp hành các quy định của BHTG, bao gồm: kiểm tra hồ sơ pháp lý đảm bảo là thành viên tham gia BHTG, kiểm tra việc niêm yết chứng nhận BHTG, kiểm tra tính đầy đủ trong nộp phí, chấp hành thời hạn nộp phí và nộp phạt (nếu có), kiểm tra việc cung cấp thông tin cho BHTG.

Nội dung kiểm tra việc tuân thủ hoạt động ngân hàng được thực hiện căn cứ vào các chỉ tiêu an toàn mà hệ thống ngân hàng Việt Nam đề ra. Nội dung kiểm tra tập trung vào một số tiêu chí như tuân thủ quy định về giới hạn huy động vốn theo địa bàn; tuân thủ quy định về chế độ hạch toán, kế toán và chứng từ kế toán; quy định về đảm bảo an toàn vốn điều lệ; quy định về đảm bảo an toàn trong cho vay; quy định về tính pháp lý của hồ sơ vay vốn; khả năng tạo lợi nhuận, trích lập quỹ; quy định về quản trị, kiểm soát và điều hành.

#### ***- Nghiệp vụ giám sát***



Đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của hoạt động BHTG. Theo quy định của pháp luật hiện hành, nghiệp vụ giám sát của tổ chức tham gia BHTG được tiến hành trên cơ sở thông tin thu thập được để nắm bắt tình hình hoạt động của tổ chức tham gia BHTG. Các nguồn tin mà BHTG có được bao gồm: các loại báo cáo từ khách hàng, thông tin truy cập từ Ngân hàng Nhà nước (NHNN). Kết quả của công tác giám sát phản ánh tình hình nộp phí bảo hiểm, tình hình tuân thủ một số chỉ tiêu về an toàn trong hoạt động ngân hàng. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, tổ chức tham gia BHTG có trách nhiệm gửi cho BHTGVN các báo cáo tài chính năm.

Trong quá trình giám sát, kiểm tra đối với tổ chức tham gia BHTG nếu phát hiện tổ chức tham gia BHTG vi phạm các quy định về an toàn trong hoạt động ngân hàng, BHTGVN có quyền yêu cầu tổ chức tham gia BHTG phải có biện pháp khắc phục ngay tình trạng vi phạm đó, đồng thời báo cáo ngay bằng văn bản với NHNN để có biện pháp theo dõi, xử lý.

Trong trường hợp xét thấy hoạt động của tổ chức tham gia BHTG có nguy cơ dẫn đến mất khả năng chi trả, thất thoát lớn về tài sản hoặc có tác động nghiêm trọng tới các tổ chức khác thì BHTGVN báo cáo ngay bằng văn bản cho NHNN và đồng thời yêu cầu tổ chức tham gia BHTG có biện pháp chấn chỉnh kịp thời.

*- Nghiệp vụ xử lý ngân hàng*

*Thứ nhất*, về nghiệp vụ hỗ trợ tài chính: Vì mục đích chính của hoạt động BHTG tại Việt Nam là đảm bảo sự phát triển an toàn hoạt động tài chính, ngân hàng mà không phải chỉ thực hiện nghiệp vụ chi trả, vì vậy nghiệp vụ hỗ trợ tài chính là một khâu quan trọng để đảm bảo an toàn hệ thống. Vì trong thực tế, có những tổ chức tín dụng có gặp khó khăn tạm thời nếu có sự hỗ trợ tài chính kịp thời thì tổ chức đó có thể tiếp tục hoạt động và phát triển. Đồng thời, quy định nghiệp vụ hỗ trợ tài chính là một

chức năng của BHTG cũng là một trong những yếu tố chuyên nghiệp hóa hoạt động tài chính ngân hàng, đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường. Theo quy định của pháp luật hiện hành BHTGVN hỗ trợ tổ chức tham gia BHTG theo những tiêu chí như sau:

- Điều kiện hỗ trợ: Bảo hiểm tiền gửi VN chỉ hỗ trợ tài chính cho tổ chức tham gia BHTG sau khi NHNN có văn bản xác định rằng việc giải thể, phá sản của tổ chức tham gia BHTG có thể gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự an toàn hệ thống tài chính, ngân hàng và sự ổn định chính trị, kinh tế và xã hội

Hội đồng quản trị BHTGVN xem xét, quyết định hình thức hỗ trợ tài chính.

- Hình thức hỗ trợ: Cho vay, bảo lãnh, mua lại các khoản nợ của khách hàng tại tổ chức tham gia BHTG và các hình thức khác phù hợp với các quy định của pháp luật. Khoản hỗ trợ tài chính của BHTGVN được ưu tiên hoàn trả trước tất cả các khoản nợ khác của tổ chức tham gia BHTG.

Trong thực tế BHTGVN đã thực hiện hỗ trợ tài chính cho một số tổ chức tham gia BHTG và sau đó tổ chức đó vượt qua khó khăn và hoạt động ổn định điển hình như Quỹ tín dụng Nhân dân xã Quế Sơn huyện Lục Ngạn tỉnh Bắc Giang.

*Thứ hai, về nghiệp vụ chi trả tiền gửi được bảo hiểm:* Chi trả tiền gửi là biện pháp cuối cùng mà tổ chức BHTG tiến hành để bảo vệ người gửi tiền và đảm bảo sự phát triển an toàn lành mạnh hệ thống. Theo quy định của pháp luật hiện hành, khi tổ chức tham gia BHTG bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác định là không có khả năng thanh toán được các khoản nợ đến hạn, trong vòng 60 ngày kể từ ngày cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có văn bản yêu cầu tổ chức tham gia BHTG chấm dứt các giao dịch để tiến hành chi trả tiền gửi bảo hiểm cho người gửi tiền tại tổ chức tham gia BHTG. Tính đến thời điểm hiện nay, BHTGVN đã thực hiện chi trả

tiền bảo hiểm đầy đủ và kịp thời cho người gửi tiền tại 33 quỹ tín dụng trên phạm vi 10 tỉnh, thành phố với số tiền trên 18 tỷ đồng [1].

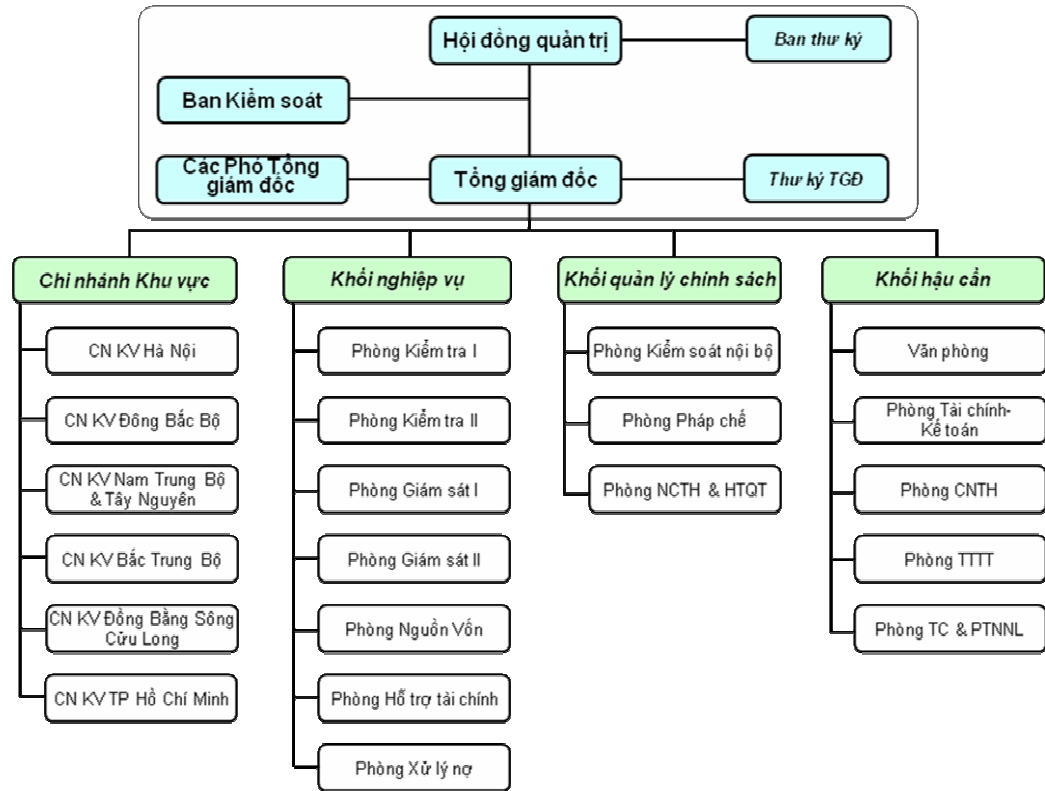
*Thứ ba, về nghiệp vụ thanh lý:* Sau khi chi trả tiền gửi được bảo hiểm cho người gửi tiền tại tổ chức tín dụng bị đổ vỡ, BHTGVN trở thành chủ nợ của tổ chức tín dụng đó. Bảo hiểm tiền gửi VN được phân chia giá trị tài sản theo thứ tự thanh toán như đối với người gửi tiền trong trường hợp tổ chức tham gia BHTG bị giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật về giải thể, phá sản. BHTGVN được quyền tham gia vào quá trình quản lý, thanh lý tài sản của tổ chức tham gia BHTG theo quy định của pháp luật.

### **2.1.3. Tổ chức thực hiện việc bảo vệ người gửi tiền**

- Cơ quan chuyên nghiệp thực hiện việc bảo vệ người gửi tiền tại Việt Nam là tổ chức Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam được viết tắt là DIV (Deposit Insurance of Vietnam) được thành lập năm 2000 có trụ sở chính tại Hà Nội và 5 chi nhánh bao gồm Chi nhánh BHTG khu vực Hà Nội, Chi nhánh BHTG tại thành phố HCM, Chi nhánh khu vực Nam Trung Bộ, Chi nhánh khu vực Bắc Trung Bộ, Chi nhánh khu vực Đông Bắc Bộ. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam có mô hình tổ chức, mô hình hoạt động và chức năng nhiệm vụ như sau:

#### **2.1.3.1. Mô hình tổ chức**

Cơ cấu tổ chức hiện tại của BHTGVN được mô tả qua sơ đồ sau:



- Hội đồng quản trị BHTGVN do Chính phủ bổ nhiệm, bao gồm 5 thành viên, trong đó: 3 ủy viên thường trực; 01 Phó thống đốc NHNN; 01 Thứ trưởng Bộ Tài chính.

- Ban kiểm soát có một thành viên là Trưởng ban. Các thành viên Ban kiểm soát (ngoài Trưởng ban) do Chủ tịch Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát thực hiện giám sát hoạt động của BHTGVN và hoạt động của Ban điều hành BHTGVN, đảm bảo hoạt động của BHTGVN tuân thủ đúng quy định về hoạt động BHTG và các quy định pháp luật khác.

- Ban điều hành gồm có Tổng giám đốc và các Phó tổng giám đốc. Tổng giám đốc là thành viên Hội đồng quản trị, do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm và là đại diện pháp nhân của BHTG Việt Nam. Giúp Tổng giám đốc có các Phó Tổng giám đốc do Thống đốc NHNN quyết định theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị BHTGVN.

### 2.1.3.2. Mô hình hoạt động

Theo quy định của pháp luật hiện hành BHTGVN là tổ chức tài chính Nhà nước, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, góp phần duy trì sự ổn định của tổ chức tín dụng, đảm bảo sự phát triển an toàn lành mạnh hoạt động ngân hàng [4]. Với các tiêu chuẩn về mục tiêu thực hiện chính sách công và chức năng nhiệm vụ của tổ chức BHTG thì tổ chức BHTGVN hiện nay là mô hình của tổ chức giảm thiểu rủi ro chưa đầy đủ.

- Về mục tiêu thực hiện chính sách công

STT	Mục tiêu thực hiện chính sách công	Mô hình giảm thiểu rủi ro	Mô hình chi trả với quyền hạn mở rộng	Mô hình chi trả	Mô hình tổ chức BHTGVN
1	Bảo vệ người gửi tiền thông qua cơ chế bồi thường	Y	Y	Y	Y
2	Khuyến khích người gửi tiền ít được tiếp cận với thông tin về giám sát tài chính, ngân hàng và thực hiện nguyên tắc thị trường	Y	Y	Y	Y
3	Giảm gánh nặng cho Chính phủ và yêu cầu các ngân hàng tốt đóng góp chi phí trong quá trình xử lý ngân hàng	Y	Y	Y	Y
4	Thúc đẩy cạnh tranh trong khu vực tài chính	Y	Y	Y	Y
5	Tạo cơ chế chính thức trong việc xử lý đổ vỡ ngân hàng	Y	Y		Y

6	Tránh khủng hoảng tài chính	✓	✓		✓
7	Thúc đẩy ổn định tài chính	✓			✓
8	Khuyến khích tiết kiệm và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế	✓			✓
9	Góp phần vào hệ thống thanh toán có trật tự	✓			✓
10	Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế	✓			✓
11	Góp phần giảm thiểu tác động suy thoái kinh tế	✓			✓

Như trên đã phân tích BHTG là công cụ tài chính được Chính phủ sử dụng để thực hiện chính sách công.

*- Về chức năng, nhiệm vụ của tổ chức BHTG tại Việt Nam*

Tổ chức BHTG được thành lập nhằm thực hiện chức năng và nhiệm vụ sau đây:

Chức năng, nhiệm vụ	Mô hình giảm thiểu rủi ro	Mô hình chi trả với quyền hạn mở rộng	Mô hình chi trả	Mô hình BHTGVN hiện nay
Chi trả bảo hiểm	✓	✓	✓	✓
Tính và điều chỉnh mức phí	✓	✓	✓	✓
Đánh giá rủi ro	✓	✓	✓	✓
Vai trò trong việc giải quyết đổ vỡ	✓	✓		✓

ngân hàng				
Giám sát từ xa	✓			✓
Kiểm tra tại chỗ	✓			✓
Can thiệp vào hoạt động của tổ chức tham gia BHTG	✓			

Với chức năng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, góp phần duy trì sự ổn định của các TCTD, đảm bảo sự phát triển an toàn lành mạnh hoạt động ngân hàng, BHTGVN được Chính Phủ trao cho các quyền hạn và nhiệm vụ tương ứng, cụ thể:

- Cấp và thu hồi Chứng nhận BHTG;
- Thu phí BHTG của tổ chức tham gia BHTG theo quy định;
- Chi trả các khoản tiền gửi được bảo hiểm cho người gửi tiền trong phạm vi mức bảo hiểm tối đa theo quy định;
- Giám sát và kiểm tra việc chấp hành các quy định tại Nghị định của Chính phủ về BHTG và các quy định về an toàn trong hoạt động của các tổ chức tham gia BHTG;
- Hỗ trợ tài chính cho tổ chức tham gia BHTG dưới các hình thức cho vay, bảo lãnh, mua lại nợ và các hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật;
- Tham gia quản lý, thanh lý tài sản của tổ chức tham gia BHTG bị giải thể, phá sản;
- Vay vốn của các TCTD và tổ chức khác để giải quyết khó khăn tạm thời về vốn hoạt động. Trong trường hợp cần thiết việc vay vốn này được thực hiện với sự bảo lãnh của Chính phủ. Trong trường hợp đặc biệt, khi gặp khó khăn về vốn hoạt động, được vay hoặc tiếp nhận nguồn vốn hỗ trợ

đặc biệt của Nhà nước. Tiếp nhận các nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để tăng cường năng lực hoạt động;

- Được mua trái phiếu Chính phủ; trái phiếu, tín phiếu NHNN hoặc TCTD Nhà nước; gửi tiền tại kho bạc Nhà nước, NHNN hoặc TCTD Nhà nước nhằm đảm bảo an toàn vốn, bảo toàn vốn, bù đắp chi phí;

- Kiến nghị với Chính phủ và các cơ quan có thẩm quyền về việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung các chủ trương, chính sách về BHTG;

- Tuyên truyền về BHTG đối với công chúng; tổ chức tập huấn, đào tạo và tư vấn về các nghiệp vụ liên quan đến BHTG;

#### *Các nghiệp vụ chính:*

- Cấp giấy chứng nhận BHTG: Cấp giấy Chứng nhận BHTG cho tất cả các tổ chức tín dụng có nhận tiền gửi, cấp bổ sung đủ số lượng cần thiết và kịp thời theo yêu cầu của các tổ chức để niêm yết công khai trước công chúng; thu hồi giấy chứng nhận BHTG đối với các tổ chức bị giải thể, sáp nhập.

- Thu phí: cơ chế thu phí BHTG hiện nay đang áp dụng mức phí đồng hạng 0,15%/năm trong khi chưa có điều kiện đánh giá phân loại mức độ rủi ro hoạt động của các tổ chức.

- Giám sát từ xa: giám sát từ xa được triển khai ngay từ những ngày đầu BHTGVN đi vào hoạt động bao gồm các hoạt động: kiểm soát các hồ sơ pháp lý tham gia BHTG, giám sát thực trạng hoạt động trên cơ sở nguồn thông tin báo cáo, đánh giá theo định kỳ hàng quý đối với tất cả các tổ chức có quan hệ BHTG; giám sát việc chấp hành các quy định về BHTG và tuân thủ quy định về đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng; cảnh báo các rủi ro tiềm tàng và những sai phạm, yếu kém cần khắc phục.



- Kiểm tra trực tiếp định kỳ hàng năm trên diện rộng theo kế hoạch được Hội đồng quản trị phê duyệt và kiểm tra đột xuất theo kết quả cảnh báo của giám sát từ xa.

- Hỗ trợ tài chính: nghiệp vụ hỗ trợ tài chính theo quy định hiện hành chỉ giới hạn giải tỏa tình trạng mất khả năng chi trả, chưa được thực hiện rộng rãi do năng lực tài chính của BHTGVN còn hạn chế và chưa có cơ chế xử lý rủi ro thỏa đáng.

- Chi trả: trong giai đoạn củng cố, chấn chỉnh các tổ chức tín dụng, BHTGVN đã góp phần xử lý an toàn và tiến hành chi trả một loạt các quỹ tín dụng nhân dân yếu kém không có khả năng khôi phục.

- Thu hồi nợ và thanh lý tài sản: trong quá trình thanh lý mới hạn chế ở việc đôn đốc thu hồi nợ trong điều kiện có thể, pháp luật chưa cho phép có bất kỳ sự can thiệp nào của BHTGVN đối với các quan hệ về quyền và nghĩa vụ của tổ chức bị giải thể với khách hàng.

- Đầu tư tài chính: Đầu tư tài chính các khoản vốn nhàn rỗi hiện giới hạn ở đầu tư vào trái phiếu Chính phủ, giấy tờ có giá của NHNN, tiền gửi tại các ngân hàng thương mại nhà nước. Các khoản đầu tư đảm bảo an toàn, có thu nhập đủ bù đắp chi phí hoạt động và tích lũy phát triển.

#### **2.1.4. Sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong việc bảo vệ người gửi tiền**

##### **2.1.4.1 Phối hợp trong việc giám sát thị trường tài chính**

Phối hợp với Ủy ban giám sát, Ngân hàng Nhà Nước và Bộ Tài chính với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam

Tổ chức BHTG tại Việt Nam xây dựng theo mô hình giảm thiểu rủi ro cần được thu nhận thông tin của các cơ quan liên quan; đồng thời chia sẻ thông tin qua hoạt động giám sát, kiểm tra và cảnh báo sớm để đánh giá

khách quan, toàn diện và chính xác về an toàn hoạt động của tổ chức tham gia BHTG qua đó bảo vệ tốt hơn người gửi tiền.

Ngày 03/3/2008, Thủ tướng Chính phủ thành lập Ủy ban giám sát tài chính quốc gia (Quyết định số 34/2008/QĐ-TTg) với chức năng chủ yếu là điều phối hoạt động giám sát chung và hoạt động giám sát chuyên ngành thị trường tài chính quốc gia (ngân hàng, tài chính, bảo hiểm). Quyết định số 34/2008/QĐ-TTg và Công văn số 1900/TTg-KTHH ngày 06/11/2008 của Thủ tướng Chính phủ quy định Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, NHNN Việt Nam, BHTGVN và các tổ chức tài chính thực hiện việc cung cấp số liệu và các báo cáo; cung cấp định kỳ và đột xuất các thông tin liên quan về tài chính - ngân hàng theo đề nghị và yêu cầu của Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia.

Theo quy định tại mục VII Thông tư số 03/2006/TT-NHNN, quy định về việc phối hợp trao đổi thông tin và thanh tra, giám sát giữa BHTGVN và NHNN, cụ thể:

- Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam có trách nhiệm cung cấp cho NHNN các thông tin liên quan đến tình hình hoạt động của tổ chức tham gia BHTG, chấp hành các quy định về BHTG và an toàn trong hoạt động ngân hàng theo định kỳ quý, hoặc thông tin về hỗ trợ tài chính và việc chi trả tiền gửi bảo hiểm đối với tổ chức tham gia BHTG theo định kỳ 6 tháng;

- Ngân hàng Nhà nước cung cấp cho BHTGVN các thông tin liên quan đến tổ chức tham gia BHTGVN về tổ chức tham gia BHTG có vi phạm quy định về an toàn trong hoạt động ngân hàng theo định kỳ hàng quý; về tổ chức tham gia BHTG có nguy cơ mất khả năng chi trả, có tỷ lệ nợ quá hạn cao hoặc có thất thoát lớn về vốn, tài sản và có tác động nghiêm trọng tới các tổ chức tín dụng khác chậm nhất là 10 ngày sau khi có kết luận thanh tra và được Thống đốc NHNN cho phép.

Như vậy, Ủy ban giám sát tài chính quốc gia là cơ quan đầu mối được Nhà nước trao quyền quản lý hoạt động giám sát thị trường tài chính, các cơ quan nhà nước quản lý các ngành lĩnh vực cụ thể có trách nhiệm báo cáo tình hình về ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý và giúp Ủy ban giám sát thực hiện hoạt động giám sát thị trường tài chính - ngân hàng - bảo hiểm quốc gia, thông qua đó phân tích, dự báo, cảnh báo mức độ an toàn hệ thống và nguy cơ rủi ro đối với thị trường tài chính quốc gia.

Trong bối cảnh thị trường tài chính có nhiều biến động hiện nay, thêm vào đó đặc thù hoạt động tài chính - ngân hàng mang tính chất nhạy cảm và tính lan truyền cao đòi hỏi hệ thống các cơ quan, như: Ủy ban giám sát, Hội đồng tư vấn chính sách tiền tệ quốc gia, Bộ Tài chính, NHNN, BHTGVN phải có một cơ chế quy định rõ ràng về quy trình phối hợp, trao đổi, xử lý thông tin nhanh chóng, kịp thời nhằm xử lý nhanh nhất các tình huống có thể xảy ra giảm thiểu chi phí và thông qua đó đảm bảo tốt nhất quyền, lợi ích của người tiêu dùng dịch vụ tài chính.

Theo quy định tại mục VII Thông tư số 03/2006-NHNN, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước và BHTG phối hợp trong việc trao đổi thông tin và thanh tra, giám sát. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện nội dung này vẫn còn gặp nhiều khó khăn vướng mắc sau:

- + Việc trao đổi thông tin giám sát không được thực hiện một cách thường xuyên;

- + Trong bối cảnh thị trường tài chính phát triển một cách mạnh mẽ như hiện nay, thêm vào đó đặc thù hoạt động tài chính - ngân hàng là mang tính chất nhạy cảm và tính lan truyền cao đòi hỏi phải có những xử lý mang tính kịp thời. Nhưng những quy định về cung cấp thông tin hiện nay giữa Ngân hàng Nhà nước và BHTGVN là chậm, không phù hợp với tính thị trường và đặc thù của hoạt động tài chính, ngân hàng;

+ Hiện nay pháp luật không có quy định rõ về nội dung, thời điểm giám sát cũng như việc phân cấp trong quá trình giám sát của thanh tra NHNN và BHTGVN. Từ đó, việc kiểm tra, giám sát của hai cơ quan đối với tổ chức tham gia BHTG sẽ bị chông chéo thậm chí là bỏ trống và giảm hiệu quả cũng như gây ra sự phiền nhiễu đối với tổ chức tham gia BHTG.

#### **2.1.4.2 Phối hợp trong việc xử lý đồ võ**

Mối quan hệ giữa BHTGVN và tổ chức tham gia BHTG liên quan đến một số vấn đề nhằm thực hiện chính sách BHTGVN đặc biệt trong trường hợp xử lý đồ võ. Đến thời điểm cuối năm 2006 đã có 20 ngân hàng chính thức bị đóng cửa hoặc đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt để tiến tới rút giấy phép. Trong đó, 2 ngân hàng tình nguyện giải thể, 8 ngân hàng giải thể bắt buộc dưới sự giám sát của NHNN, 6 ngân hàng thực hiện sáp nhập theo chỉ định vào các ngân hàng khác và 4 ngân hàng đang trong tình trạng kiểm soát đặc biệt, thanh lý để tiến tới rút giấy phép [10, tr. 14]. Trong quá trình xử lý đồ võ tín dụng do chưa có quy chế pháp lý rõ ràng đối với từng cơ quan chức năng liên quan do vậy đến nay vẫn chưa xử lý dứt điểm;

Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam có chức năng thực hiện việc kiểm tra, giám sát, thu phí, hỗ trợ tài chính, chi trả tiền gửi được bảo hiểm đối với TCTD;

Tổ chức tham gia BHTG phải chấp hành các quy định của pháp luật để tổ chức BHTG thực hiện chức năng của mình.

Trong thực tế thực hiện nhiệm vụ, tổ chức BHTG gặp khó khăn đặc biệt là đối với những tổ chức không chấp hành những quy định kiểm tra, giám sát của tổ chức BHTG. Trong khi đó, pháp luật không có quy định cụ thể về chế tài đối với những trường hợp không thực hiện đúng hoặc không tuân thủ những quy định của Nhà nước về việc thực hiện chính sách BHTG. Đây cũng là rào cản trong quá trình BHTGVN thực hiện việc kiểm

tra, giám sát tổ chức tham gia BHTG và ảnh hưởng đến hiệu quả của công tác kiểm tra giám sát.

- Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, cơ quan Tòa án và chính quyền địa phương có mối quan hệ phối hợp trong việc xử lý tổ chức tín dụng bị đổ vỡ. Hiện nay, pháp luật về giải thể, phá sản cũng như pháp luật điều chỉnh hoạt động BHTG chưa có quy định rõ trách nhiệm cũng như thời điểm Tòa án, chính quyền địa phương tham gia việc xử lý đổ vỡ tổ chức tín dụng.

#### **2.1.5. Nhận thức của công chúng về Bảo hiểm tiền gửi tại Việt Nam**

- Bảo hiểm tiền gửi là một công cụ tài chính quan trọng để bảo vệ người gửi tiền và đảm bảo an sinh xã hội. Do đặc thù trong hoạt động, những bất ổn về tài chính, ngân hàng có thể gây ra những bất ổn về chính trị, xã hội, bởi vậy, sử dụng công cụ bảo hiểm tiền gửi là vấn đề được nhiều Chính phủ quan tâm. Nhận thức của công chúng về bảo hiểm tiền gửi có một vai trò rất quan trọng vì nó ảnh hưởng đến hành vi của công chúng trong giao dịch ngân hàng. Điều đó được minh chứng rõ nét là nếu một ngân hàng gặp sự cố có thể dẫn đến hành động người dân đến rút tiền hàng loạt. Với hành động như vậy có thể gây ra những hậu quả khó lường thậm chí dẫn đến đổ vỡ ngân hàng. Tuy nhiên, nếu người dân nhận thức được rằng có một tổ chức chuyên nghiệp thay mặt Chính phủ bảo vệ tiền gửi cho dân thì họ sẽ yên tâm hơn và từ đó tác động đến hành vi tích cực trong giao dịch ngân hàng.

Với sự hoạt động tích cực của tổ chức Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, thông qua việc bảo vệ hàng chục triệu người gửi tiền và đã chi trả tiền gửi cho người dân ở một số tổ chức tín dụng bị đổ vỡ nên hình ảnh của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam đã được nhiều người biết đến.

- Theo quy định tại Quyết định số 75/2000/QĐ-TTg, BHTGVN có chức năng tổ chức tuyên truyền về BHTG đối với công chúng; hướng dẫn,

đào tạo, tư vấn về các nghiệp vụ BHTG và các nghiệp vụ liên quan tới BHTG, thực hiện dịch vụ trao đổi thông tin phục vụ cho hoạt động của BHTG Việt Nam.

Trong điều kiện hoạt động BHTG ở Việt Nam còn khá mới mẻ, vai trò của công tác thông tin truyền thông để công chúng hiểu về hoạt động BHTG có ý nghĩa quan trọng. Tuy nhiên, công tác này còn nhiều hạn chế thể hiện trên các khía cạnh sau đây:

Một là, chưa quy định cụ thể chức năng nhiệm vụ của các phòng ban chức năng của BHTGVN trong việc thực hiện nâng cao nhận thức công chúng. Mô hình tổ chức chưa có sự phân định rõ ràng về chức năng nhiệm vụ cũng như sự phối hợp của các bên;

Hai là, đội ngũ cán bộ phục vụ công tác thông tin truyền thông còn thiếu tính chuyên nghiệp và trình độ ngoại ngữ còn hạn chế.

Ba là, hình thức thông tin tuyên truyền chưa phong phú và chưa tạo sự thống nhất trong việc quản lý bộ hình ảnh đặc biệt hệ thống ấn phẩm chưa đầy đủ và đồng bộ.

Bốn là, cách tiếp cận đối với hoạt động thông tin truyền thông chưa phù hợp với khái niệm và quan điểm mới về hoạt động quan hệ công chúng; chưa thực hiện phân nhóm đối tượng công chúng để triển khai công tác thông tin truyền thông.

Các hạn chế trên dẫn tới kết quả là hình ảnh của BHTGVN đối với công chúng còn nhiều hạn chế. Trên thực tế, còn một bộ phận người gửi tiền được BHTGVN bảo vệ nhưng chưa có hiểu biết rõ ràng và đầy đủ về hoạt động BHTG tại Việt Nam

Tuy nhiên, trong thực tế vẫn còn một bộ phận lớn người dân chưa biết đến bảo hiểm tiền gửi đó cũng xuất phát từ những nguyên nhân chủ quan và khách quan.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Nội dung và hình thức thông tin tuyên truyền của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam chưa thật sự phát huy hiệu quả;

+ Chưa có sự phân loại các nhóm công chúng trong quá trình thực hiện truyền thông;

+ Chưa thực hiện những chiến dịch truyền thông;

+ Chưa xây dựng kế hoạch truyền thông tổng thể;

- Nguyên nhân khách quan:

+ Sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức cá nhân liên quan trong việc tuyên truyền chính sách BHTG chưa chặt chẽ. Trong thực tế, người dân hiểu về chính sách BHTG sẽ mang lại lợi ích cho các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp... Nhưng trên thực tế sự phối hợp giữa các tổ chức liên quan trong việc tuyên truyền về chính sách bảo hiểm tiền gửi hầu như được coi là công việc của bảo hiểm tiền gửi;

+ Là một tổ chức tài chính mới được thành lập và trong những năm đầu công tác thông tin tuyên truyền chưa được chú trọng;

+ Vẫn còn một bộ phận dân cư không quan tâm đến sự an toàn tiền gửi mà chỉ quan tâm đến lãi suất vì họ cho rằng tiền gửi của họ đương nhiên được đảm bảo vì Nhà nước sẽ không để các ngân hàng bị phá sản. Đây cũng là một quan niệm dẫn đến thái độ của người dân trong việc tìm hiểu về chính sách bảo vệ tiền gửi. Và quan niệm này thật sự không phù hợp khi nền kinh tế nước ta hội nhập ngày càng sâu rộng vào hệ thống tài chính - ngân hàng.

### **2.1.6. Hành lang pháp lý về vấn đề bảo vệ người gửi tiền tại Việt Nam**

Việt Nam đang có những biến động rất lớn về kinh tế - xã hội và có mối liên hệ thiết với sự thay đổi của tình hình thế giới. Việc gia nhập và

thực thi các cam kết WTO trong hai năm qua cũng làm bộc lộ một số bất cập của nền kinh tế Việt Nam như: (i) khung khổ pháp lý cần tiếp tục được bổ sung và hoàn thiện cho phù hợp các cam kết chung trong WTO và các chuẩn mực kinh tế thị trường; (ii) cơ cấu xuất nhập khẩu chậm chuyển dịch, sức cạnh tranh trên các cấp độ quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm còn thấp; (iii) kết cấu hạ tầng yếu kém (điện, đường, sân bay, cảng, v.v.); sự thiếu hụt về nguồn nhân lực, đặc biệt là lao động trình độ cao, được đào tạo và có tay nghề, đang cản trở sự tăng trưởng có chất lượng và phát triển bền vững.

Bên cạnh đó, việc thực thi các cam kết của WTO và các thỏa thuận kinh tế quốc tế khác góp phần tăng độ mở của nền kinh tế Việt nam; do đó, các diễn biến tiêu cực của nền kinh tế thế giới ảnh hưởng sâu sắc hơn đến kinh tế nước ta, cũng như các nỗ lực của Chính phủ ta trong việc ổn định kinh tế vĩ mô. Trước hiện trạng đó, tại kỳ họp thứ ba, Quốc hội Khóa XII vào tháng 5 năm 2008, Chính phủ đã đề ra tám nhóm giải pháp nhằm giải quyết các khó khăn trước mắt, thúc đẩy và duy trì tăng trưởng bền vững trong bối cảnh đất nước hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới. Đến nay, việc triển khai các nhóm giải pháp trên đã đạt kết quả bước đầu tích cực.

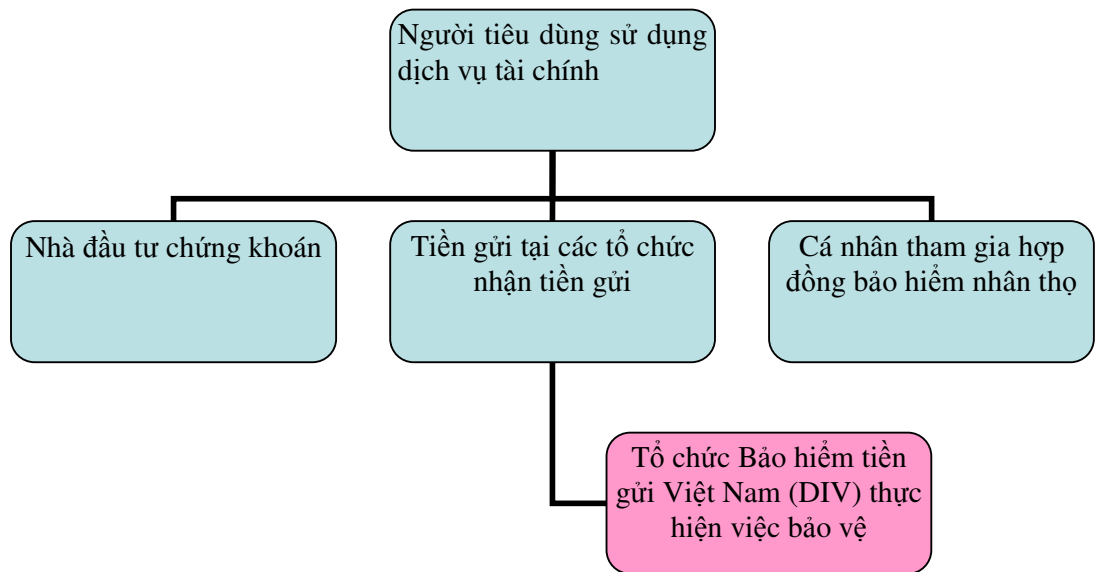
Trong báo cáo của Ngân hàng thế giới (WB) về tình hình kinh tế Việt Nam tại hội nghị giữa kỳ Nhóm tư vấn các nhà tài trợ cho Việt Nam tháng 06/2008 nêu ra một trong nhiều giải pháp đối với kinh tế Việt Nam thời điểm hiện tại đó là: *“Cần đảm bảo sự ổn định của thị trường tài chính và duy trì niềm tin của người gửi tiền đối với hệ thống ngân hàng”*. Việc sát nhập ngân hàng nhỏ vào các ngân hàng lớn hơn, có uy tín hơn là phù hợp với xu thế phát triển chung.

Tuy nhiên, khung pháp lý về việc bảo vệ người tiêu dùng nói chung và người gửi tiền nói riêng vẫn chưa được quan tâm xây dựng, hoàn



thiện đúng mức. Hiện tại, văn bản pháp lý cao nhất về bảo vệ người tiêu dùng là Pháp lệnh bảo vệ người tiêu dùng số 13/1999/PL-UBTVQH10 và Nghị định số 55/2008/NĐ-CP ngày 24/4/2008 Hướng dẫn chi tiết thi hành pháp lệnh bảo vệ người tiêu dùng. Tuy nhiên, hai văn bản pháp lý này chỉ điều chỉnh các vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích của người tiêu dùng là người mua, sử dụng hàng hóa, dịch vụ cho mục đích tiêu dùng sinh hoạt của cá nhân, gia đình và tổ chức mà không đề cập đến việc bảo vệ quyền và lợi ích của người tiêu dùng sử dụng dịch vụ tài chính nói chung và người gửi tiền nói riêng. Cho đến nay, chưa có một văn bản pháp lý nào quy định một cách có hệ thống và cụ thể việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng dịch vụ tài chính và người gửi tiền. Các quy định này đều nằm rải rác và không thống nhất tại các văn bản pháp lý về các chuyên ngành cụ thể như: Luật chứng khoán, Luật các tổ chức tín dụng, các văn bản liên quan đến hoạt động BHTG.

Như vậy, hệ thống pháp luật liên quan đến bảo vệ người tiêu dùng trong lĩnh vực dịch vụ tài chính của nước ta hiện nay vẫn còn nhiều bất cập. Để người tiêu dùng trong khu vực này được bảo vệ triệt để, luật pháp cần có sự điều chỉnh cho phù hợp theo đó đảm bảo yêu cầu phù hợp với lý luận về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, phù hợp với thực tiễn khách quan của thị trường tài chính, đảm bảo cân bằng lợi ích giữa người tiêu dùng và các tổ chức kinh doanh dịch vụ tài chính. Đặc biệt, đảm bảo tính đồng bộ giữa các bộ phận pháp luật điều chỉnh từng đối tượng người tiêu dùng sử dụng dịch vụ tài chính như Luật kinh doanh chứng khoán, Luật Bảo vệ người tiêu dùng, Luật BHTG, Pháp luật về phá sản, Luật tổ chức tín dụng, Luật giám sát ngân hàng, Luật chứng khoán - Những quy định của pháp luật hiện hành điều chỉnh việc bảo vệ người gửi tiền tại Việt Nam ( cần được hiểu theo nghĩa rộng bao gồm cả quy định của pháp luật điều chỉnh việc bảo vệ người tiêu dùng sử dụng dịch vụ tài chính).



Hiện nay, các quy định của pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng cần có sự thống nhất trong một tổng thể và cần xây dựng để tránh chồng chéo hoặc bỏ trống để đảm bảo quyền lợi cho người tiêu dùng sử dụng dịch vụ tài chính nói chung và người gửi tiền nói riêng.

## **2.2. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ, TỒN TẠI, HẠN CHẾ CỦA VẤN ĐỀ BẢO VỆ NGƯỜI GỬI TIỀN TẠI VIỆT NAM**

### **2.2.1. Đánh giá chung về những thành tựu trong việc thực hiện chính sách bảo vệ người gửi tiền và đảm bảo an sinh xã hội**

- Là tổ chức duy nhất và chuyên nghiệp thực hiện chính sách bảo vệ người gửi tiền góp phần đảm bảo an sinh xã hội, BHTGVN đã và đang thực hiện việc bảo vệ hàng chục triệu người gửi tiền, tạo dựng niềm tin cho dân chúng đối với hệ thống ngân hàng đặc biệt là trong giai đoạn khủng hoảng tài chính trên thế giới vừa qua. BHTGVN đã chứng minh trong thực tiễn về việc sử dụng công cụ tài chính là BHTG thật sự hiệu quả đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng, góp phần tăng trưởng nguồn vốn huy động phục vụ phát triển.

- Trải qua hoạt động thực tiễn, BHTGVN đã xây dựng tổ chức bộ máy tương đối hoàn chỉnh phù hợp với giai đoạn đầu và triển khai hầu hết

hoạt động nghiệp vụ BHTG hiệu quả. Xu hướng xây dựng cấu trúc và phát triển hệ thống tài chính theo thông lệ quốc tế.

- Xây dựng hệ thống tổ chức, quản lý, cơ chế nghiệp vụ đã đáp ứng được yêu cầu chức năng nhiệm vụ trong giai đoạn ban đầu.

- Các văn bản pháp luật cơ bản được ban hành kịp thời đã góp phần giải quyết những nguy cơ của khủng hoảng tài chính khu vực và ngăn chặn sự đổ vỡ của các quỹ tín dụng nhân dân.

- Hoạt động BHTG bảo vệ người gửi tiền và đã tạo được lòng tin của dân chúng vào hệ thống ngân hàng.

- Xây dựng hệ thống giám sát độc lập của BHTGVN bước đầu có sự phối kết hợp với các cơ quan giám sát khác của Chính phủ. Đối với các tổ chức tham gia BHTG, tăng vốn huy động, tăng lợi nhuận và tạo điều kiện cho ngân hàng phát triển, góp phần đảm bảo sự ổn định, phát triển an toàn lành mạnh hoạt động ngân hàng.

- Đối với quyền lợi của người gửi tiền, chi trả kịp thời cho người gửi tiền tại các tổ chức bị chấm dứt hoạt động, tạo niềm tin cho người gửi tiền vào hệ thống ngân hàng.

### **2.2.2. Hiệu quả của chính sách bảo vệ người gửi tiền**

#### **2.2.2.1 Cơ chế bảo hiểm tiền gửi**

Theo quy định của pháp luật hiện hành, cơ chế tham gia BHTG hiện nay là bắt buộc. Đây cũng là cơ chế được áp dụng rộng rãi và phổ biến trên thế giới. Với cơ chế tham gia BHTG bắt buộc đã thật sự phát huy tác dụng và quyền lợi của người gửi tiền được đảm bảo. Trong giai đoạn vừa qua cũng như trong tương lai quy định này là phù hợp. Nếu đặt giả sử xây dựng cơ chế bảo hiểm tiền gửi tự nguyện thì khi đó người gửi tiền có được bảo vệ hay không lại phụ thuộc vào ý thức của từng tổ chức tín dụng và điều này không phù hợp với thực tiễn khách quan của nội tại xã hội vì không

phải tổ chức tín dụng nào cũng muốn tham gia BHTG khi họ phải nộp phí bảo hiểm và chi phí doanh nghiệp sẽ tăng cao.

#### ***2.2.2.2 Về đối tượng tham gia BHTG***

Đối tượng tham gia BHTG hiện nay theo quy định tại Điểm a, Khoản 1 Mục I của Thông tư số 03/2006 -NHNN có quy định “Các tổ chức tín dụng và tổ chức không phải là tổ chức tín dụng được phép thực hiện một số hoạt động ngân hàng theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam có nhận tiền gửi của tổ chức, cá nhân phải tham gia BHTG bắt buộc. Thông tư này không áp dụng đối với đối tượng nhận tiền gửi được Chính phủ cho phép không phải tham gia BHTG” [9]

Hiện nay, cả nước có 1053 tổ chức tham gia BHTG, bao gồm:

- Các ngân hàng thương mại Nhà nước;
- Ngân hàng cổ phần;
- Ngân hàng liên doanh;
- Ngân hàng nước ngoài;
- Công ty tài chính;
- Công ty cho thuê tài chính;

Trong thực tế, với sự phát triển mạnh mẽ của thị trường tài chính, số lượng các tổ chức tham gia BHTG ngày càng tăng lên cả về số lượng và loại hình tuy nhiên, theo quy định của pháp luật hiện hành, việc bảo vệ người gửi tiền ở một số lĩnh vực vẫn còn bỏ trống. Thực chất mục tiêu của chính sách BHTG là nhằm bảo vệ người gửi tiền nhỏ. Nhưng tiền gửi tiết kiệm của dân không chỉ gửi tại các ngân hàng mà trên thực tế còn được đầu tư vào những lĩnh vực khác mà không nhằm mục đích kinh doanh như tham gia bảo hiểm nhân thọ tại các công ty bảo hiểm,... Về tiền gửi ở khu vực này hiện nay chưa có cơ chế pháp lý rõ ràng để bảo vệ người gửi tiền.

### **2.2.2.3 Về loại tiền gửi được BHTG**

Theo quy định tại Khoản 2 Mục I Thông tư số 03/2006-NHNN tiền gửi được bảo hiểm là tiền gửi bằng đồng Việt Nam của người gửi tiền là cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác, các doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh gửi tại các tổ chức tham gia BHTG. Tiền gửi không được bảo hiểm bao gồm:

- + Tiền gửi của người gửi tiền là cổ đông sở hữu trên 10% vốn điều lệ hoặc nắm giữ trên 10% vốn cổ phần có quyền bảo phiếu của tổ chức tham gia BHTG đó;

- + Tiền gửi của người gửi tiền là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) của tổ chức tham gia BHTG đó.

- + Tiền gửi dùng để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người gửi tiền.

- + Tiền mua giấy tờ có giá vô danh do tổ chức tham gia BHTG phát hành.

Theo quy định của pháp luật hiện hành tiền gửi được bảo hiểm chỉ là VND và không áp dụng cho bất cứ ngoại tệ nào. Pháp luật quy định không bảo hiểm đối với ngoại tệ điều đó liên quan đến chính sách ngoại hối của mỗi quốc gia. Ở nước ta cũng như nhiều nước trên thế giới thông thường người ta chỉ bảo hiểm cho đồng nội tệ vì tránh tình trạng đô la hóa.

Theo số liệu khảo sát của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam vào tháng 6 năm 2007 thì tổng số tiền bằng USD đạt 12.401 triệu USD. Số khách hàng tham gia gửi tiền USD đạt 1.28 triệu khách hàng trong đó cá nhân đạt 1,1 triệu khách hàng, chiếm 85% tổng số khách hàng.

Theo quy định của pháp luật hiện hành thì đây không thuộc đối tượng được bảo hiểm. Như vậy, trong thực tế có một số lượng lớn người gửi tiền không được bảo vệ. Vậy nên chẳng đặt ra vấn đề bảo hiểm ngoại tệ

để thu hút nguồn vốn cho đầu tư phát triển và đảm bảo sự công bằng cho khách hàng trong việc lựa chọn loại tiền gửi ngân hàng.

#### ***2.2.2.4 Về hạn mức chi trả tiền gửi được bảo hiểm***

Theo quy định tại Điểm 1 Điều 4 Nghị định số 109/CP “Số tiền bảo hiểm được trả cho tất cả các khoản tiền gửi bao gồm cả gốc và lãi của một người gửi tiền (một cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật) tại một tổ chức tham gia BHTG thuộc đối tượng được bảo hiểm tối đa là 50 triệu đồng”[6].

Có hai phương thức chi trả tiền gửi phổ biến đối với hệ thống BHTG trên thế giới là chi trả có giới hạn và chi trả không giới hạn thì Việt Nam áp dụng phương thức chi trả có giới hạn. Đây là xu hướng chung của thế giới vì tính ưu việt của nó như đảm bảo được kỷ cương thị trường và tránh được rủi ro đạo đức.

Việc xác định hạn mức chi trả là dựa trên nguyên tắc bảo vệ được đa số người gửi tiền và được tính toán dựa trên thu nhập bình quân đầu người (GDP). Tuy nhiên, với quy định hiện nay hạn mức chi trả tiền gửi được bảo hiểm tối đa là thấp vì GDP của nước ta ngày càng tăng. GDP bình quân đầu người của nước ta trong những năm gần đây ngày càng được cải thiện. GDP theo năm 2005 - 2007 - 2008 (dự báo) lần lượt là 715 - 723 - 906 USD/1 người [15]. Với hạn mức chi trả tiền gửi được bảo hiểm tối đa là 50 triệu đồng chưa thật sự là động lực để thúc đẩy quá trình huy động vốn vì mức tiền đó chưa đủ lớn để tạo niềm tin đối với người gửi tiền thông qua việc trả lời câu hỏi khi tổ chức tham gia BHTG bị đổ vỡ thì tiền gửi của họ được bảo vệ như thế nào.

### **2.2.3. Hiệu quả của những hoạt động nghiệp vụ**

#### **2.2.3.1 Về năng lực tài chính của tổ chức BHTG**

Theo quy định mới nhất là Quyết định số 13/2008/QĐ-TTg Về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với BHTGVN thì vốn điều lệ 5000 tỷ đồng do Nhà nước cấp;

Nguồn vốn hoạt động của BHTGVN được hình thành từ các nguồn như nguồn vốn do ngân sách nhà nước cấp, thu phí BHTG, thu từ các Quỹ đầu tư. Trước khi có Quyết định số 13 thì nguồn vốn điều lệ do Nhà nước cấp là 1000 tỷ đồng và tổng nguồn vốn hoạt động là hơn 2000 tỷ đồng.

Tuy nhiên, trước áp lực hội nhập kinh tế quốc tế trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, trong những năm gần đây và những năm tiếp theo nguồn vốn hoạt động của các ngân hàng thương mại sẽ không ngừng tăng lên. Để bảo hiểm cho các cả hệ thống tài chính ngân hàng như hiện nay thì năng lực tài chính của BHTG còn yếu đặc biệt trong bối cảnh các ngân hàng thương mại không ngừng tăng vốn để đáp ứng yêu cầu hội nhập.

Thực trạng vốn điều lệ của các Ngân hàng thương mại cổ phần, Ngân hàng liên doanh, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính đến thời điểm 30/5/2007:

#### **Ngân hàng**

Số lượng/Mức VĐL	Trên 1.000 tỷ	Dưới 1.000 tỷ	Tổng số
NHTMCP	12	22	34
Ngân hàng liên doanh	0	5	5

### Chi nhánh NH nước ngoài

Số lượng/Mức vốn điều lệ	Trên 15 triệu USD	Dưới 15 triệu USD	Tổng số
Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài	33	2	35

### Công ty tài chính

Số lượng/ Mức VĐL	Trên 300 tỷ	Dưới 300 tỷ	Tổng số
Công ty tài chính	7	2	9

### Công ty cho thuê tài chính

Số lượng/Mức VĐL	Trên 100 tỷ	Dưới 100 tỷ	Tổng số
Công ty tài chính	10	2	12

*Nguồn: [30]*

Theo tiêu chuẩn quốc tế để đảm bảo an toàn hệ thống nguồn vốn dự trữ của tổ chức BHTG trên tổng số dư tiền gửi được bảo hiểm thì Quỹ dự trữ của BHTGVN là thấp (chỉ đạt tỉ lệ hơn 0,9% trong khi đó tỷ lệ khuyến cáo là 1.15% đến 1.5%) [23]

Về vấn đề quản lý tài chính của BHTGVN: cơ chế quản lý còn phân tán và chưa có các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế trong công tác đầu tư vốn. Theo cơ sở pháp lý hiện tại, BHTGVN chỉ được phép đầu tư dưới hình thức tiền gửi tại các Ngân hàng thương mại quốc doanh, ngân hàng được xếp loại A, mua trái phiếu, tín phiếu chính phủ. Điều này đặt mục tiêu giảm rủi ro cho quỹ BHTG, tuy nhiên, làm chậm quá trình tích lũy quỹ BHTG. Hiện nay, BHTGVN chưa xây dựng được cơ chế đầu tư phân vốn vượt định mức vào các thị trường, sản phẩm tài chính có mức độ rủi ro.

Trong điều kiện thị trường tài chính Việt Nam đang trong giai đoạn đầu của quá trình mở cửa với rủi ro tăng cao, tỷ lệ trên được đánh giá là



thấp, hạn chế năng lực can thiệp một cách chủ động của BHTGVN trong trường hợp xảy ra đổ vỡ ngân hàng, hạn chế thực hiện mục tiêu chính sách công về BHTG.

### ***2.2.3.2 Về phí bảo hiểm tiền gửi***

Theo quy định tại Điểm 2 Điều 6 Nghị định số 109/CP “Tổ chức tham gia BHTG phải nộp phí BHTG theo mức 0,15%/năm trên số dư tiền gửi bình quân của các loại tiền gửi được bảo hiểm tại tổ chức tham gia BHTG”. Theo đó, tất cả các tổ chức tham gia BHTG cùng đóng một tỷ lệ phí như nhau và gọi là phương pháp tính phí trên cơ sở đồng hạng. Trong giai đoạn đầu hoạt động của tổ chức BHTG thì phương pháp tính phí như vậy là phù hợp vì dễ làm để thực hiện. Tuy nhiên, phương pháp này không đảm bảo được nguyên tắc thị trường trong hoạt động vì tổ chức tín dụng hoạt động tốt cũng đóng phí như tổ chức hoạt động yếu kém. Đồng thời, nguyên tắc tính phí trên cơ sở đồng hạng cũng không tạo khả năng kích thích cạnh tranh giữa các tổ chức tín dụng.

### ***2.2.3.3 Về các hoạt động nghiệp vụ***

+ Nghiệp vụ giám sát:

Nghiệp vụ giám sát là nghiệp vụ chính của hầu hết hệ thống BHTG trên thế giới bởi vì thông qua nghiệp vụ giám sát quyền lợi của người gửi tiền được đảm bảo triệt để. Nghiệp vụ giám sát của BHTGVN được quy định tại điều 11 Mục 2 Nghị định 89. Hiện nay BHTGVN thực hiện giám sát tất cả các tổ chức tham gia BHTG. Việc giám sát của tổ chức BHTG tiền gửi được thực hiện qua những kênh cơ bản là: thông qua báo cáo của tổ chức tham gia BHTG và báo cáo của Thanh tra Ngân hàng Nhà nước. Trên cơ sở những báo cáo đó, BHTGVN thực hiện phân tích đánh giá các chỉ tiêu an toàn và đưa ra cảnh báo đến cơ quan chức năng đối với những tổ chức tín dụng có vấn đề.

Trong thực tế, BHTGVN trong quá trình giám sát BHTGVN đã phát hiện một số tổ chức vi phạm những chỉ tiêu an toàn và có văn bản gửi đến cơ quan chức năng và tổ chức tham gia BHTG để có những điều chỉnh kịp thời. Như vậy nghiệp vụ giám sát của BHTGVN không chỉ giúp các tổ chức tín dụng trong việc đảm bảo an toàn hoạt động mà còn là cơ sở để các cơ quan chức năng có những xử lý và ứng phó kịp thời với những tổ chức tín dụng gặp vấn đề. Và điều đó là nhân tố quan trọng để đảm bảo an toàn hoạt động của hệ thống tài chính ngân hàng ở Việt Nam.

Hiện nay, các cơ quan giám sát tài chính của Việt Nam bao gồm Bộ tài chính, Ngân hàng Nhà nước và BHTGVN.

Tuy nhiên, cơ chế pháp lý hiện hành chưa quy định rõ ràng về sự phối hợp giữa thanh tra NHNN và BHTGVN trong việc phối hợp chia sẻ thông tin. Chính điều đó gây ra những khó khăn cho BHTGVN trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Đồng thời, pháp luật chưa có quy định rõ ràng về việc phân cấp hoặc chia cắt giữa các khu vực giám sát của các cơ quan giám sát an toàn tài chính quốc gia do vậy gây ra tình trạng chồng chéo, bỏ trống trong quá trình giám sát.

#### + Nghiệp vụ kiểm tra

Nghiệp vụ kiểm tra cũng là một trong những nghiệp vụ quan trọng của BHTGVN. Theo tinh thần của Khoản 20 Mục 4 Thông tư số 03/2006-NHNN “Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam được quyền tiến hành kiểm tra việc chấp hành các quy định tại Nghị định số 89/CP, Nghị định số 109/CP đối với tổ chức tham gia BHTG”.

Tuy nhiên, hiện nay chưa có chế tài rõ ràng đối với những tổ chức tham gia BHTG không chấp hành việc kiểm tra của BHTGVN nên gây khó khăn cho BHTGVN trong quá trình triển khai nhiệm vụ.

#### + Nghiệp vụ xử lý đồ vỡ

Nghiệp vụ xử lý đồ vỡ ngân hàng là nghiệp vụ quan trọng nhưng khá phức tạp của BHTGVN. Theo quy định của pháp luật hiện tại nghiệp vụ này được thực hiện thông qua một số biện pháp như hỗ trợ tài chính và chi trả.

Quy chế pháp lý hiện hành về việc hỗ trợ của BHTGVN còn nhiều bất cập và chưa tạo được tính chủ động cho tổ chức BHTGVN trong quá trình triển khai và chưa đảm bảo nguyên tắc thị trường như BHTGVN chỉ hỗ trợ tài chính cho tổ chức tham gia BHTG khi Ngân hàng Nhà nước có văn bản xác định rằng tổ việc giải thể, phá sản của tổ chức tham gia BHTG có thể gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự an toàn của hệ thống tài chính, ngân hàng và sự ổn định chính trị, kinh tế, xã hội. Như vậy, BHTGVN có hỗ trợ tổ chức tham gia BHTG hay không phụ thuộc vào quyết định của NHNN trong khi đó BHTGVN phải có trách nhiệm đảm bảo an toàn của tổ chức đó nếu không sẽ phải đứng ra chi trả tiền gửi được bảo hiểm.

Hình thức hỗ trợ của BHTGVN đối với tổ chức tham gia BHTG bao gồm cho vay, bảo lãnh, mua lại nợ. Với những quy định như vậy chưa thật sự tạo cơ chế pháp lý thông thoáng cho BHTGVN tham gia vào việc xử lý ngân hàng như chưa có quy định về nghiệp vụ ngân hàng bắc cầu.

Đồng thời, ở Việt Nam chưa có văn bản quy phạm pháp luật riêng điều chỉnh lĩnh vực đặc thù tài chính, ngân hàng; Các vấn đề nghiệp vụ như sáp nhập, mua lại, chi trả, hỗ trợ tài chính gặp nhiều khó khăn và chưa có cơ chế cụ thể.

Sau khi chi trả tiền gửi được bảo hiểm, BHTGVN sẽ trở thành chủ nợ đối với tổ chức tham gia BHTG và tham gia hội đồng thanh lý. Theo quy định tại Khoản 32 Mục VI Thông tư số 03/2006-NHNN, BHTGVN trở thành chủ nợ của tổ chức tham gia BHTG với số tiền đã chi trả. BHTGVN được phân chia giá trị tài sản theo thứ tự thanh toán như đối với người gửi tiền trong trường hợp tổ chức tham gia BHTG bị giải thể, phá

sản theo quy định của pháp luật về giải thể, phá sản. BHTGVN được quyền tham gia vào quá trình quản lý, thanh lý tài sản của tổ chức tham gia BHTG theo quy định của pháp luật.

Trong thực tế, việc xử lý đồ vỡ của tổ chức tín dụng và thu hồi nợ của BHTGVN gặp nhiều khó khăn. Điều đó xuất phát từ nguyên nhân: Pháp luật về trái vụ của Việt Nam chưa hoàn thiện; Luật phá sản không có quy định đối với tổ chức tín dụng mặc dù đây là lĩnh vực đặc thù. Việc một tổ chức tín dụng bị đồ vỡ không giống như một doanh nghiệp thông thường là chủ yếu ảnh hưởng đến chủ doanh nghiệp mà tính ảnh hưởng của nó rất lớn liên quan đến quyền lợi của nhiều người thậm chí ảnh hưởng cả đến nền kinh tế, vì vậy cần có cơ chế riêng đối với việc xử lý đồ vỡ tín dụng. Việc để một tổ chức tín dụng bị đồ vỡ là trên cơ sở tận dụng hết các giải pháp mà vẫn không cứu vãn được. Chính vì vậy, các thủ tục phục hồi tổ chức tín dụng của Việt Nam hiện nay chưa thật sự tạo thế chủ động cho tổ chức BHTG thực hiện. Pháp luật về phá sản cũng chưa có quy định về vai trò của BHTGVN trong việc giải quyết phá sản ngân hàng.

Xử lý đồ vỡ ngân hàng có hai giai đoạn cơ bản:

Giai đoạn phục hồi (bao gồm các nghiệp vụ như hỗ trợ tài chính, mua lại nợ, thành lập ngân hàng bắc cầu...)

Giai đoạn thanh lý (sau khi áp dụng các biện pháp khác không hiệu quả thì tổ chức BHTG áp dụng biện pháp cuối cùng là chi trả tiền gửi được bảo hiểm). Khi đó, tổ chức BHTG trở thành chủ nợ đối với số tiền đã chi trả cho người gửi tiền.

Tuy nhiên, pháp luật hiện nay chưa có quy định rõ về vai trò, chức năng của từng cơ quan liên quan để giải quyết hai giai đoạn trên.

Trong thực tế việc thu hồi nợ của BHTGVN gặp nhiều khó khăn do việc xác định vị trí chủ nợ của BHTG còn nhiều bất cập.

## **2.2.4. Về tổ chức Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam**

### **2.2.4.1 Mô hình tổ chức**

Mô hình tổ chức của hệ thống BHTG tại Việt Nam được thiết kế theo mô hình của tổ chức giảm thiểu rủi ro nhưng chưa đầy đủ. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ, quy định của pháp luật liên quan đến mô hình hoạt động của tổ chức BHTG tại nước ta còn những bất cập như sau:

### **2.2.4.2 Mô hình hoạt động**

Chưa xác định rõ loại hình tổ chức: Loại hình tổ chức của BHTGVN hiện nay không theo thông lệ quốc tế. Trên thế giới hệ thống BHTG của các quốc gia có xu hướng thiết kế theo mô hình Tổng công ty. Việc chưa xác định rõ loại hình tổ chức dẫn tới những khó khăn trong hoạt động.

+ Những hạn chế về chức năng, nhiệm vụ: Hiện nay, pháp luật quy định chức năng nhiệm vụ của BHTGVN theo mô hình của tổ chức giảm thiểu rủi ro nhưng một số chức năng của mô hình đó chưa có những quy định rõ ràng và đầy đủ ví dụ như chức năng kiểm tra, giám sát, xử lý tổ chức tín dụng bị đổ vỡ. Đồng thời, còn bỏ trống và chưa có cơ chế cụ thể để triển khai như chưa có quy định rõ về một số nghiệp vụ ngân hàng bắc cầu, tiếp nhận mua lại nợ, các hình thức hỗ trợ khác.

+ Bên cạnh đó, pháp luật cũng chưa có quy định rõ về các hình thức huy động vốn để tổ chức BHTG xử lý các trường hợp xảy ra khủng hoảng hệ thống.

## **2.2.5. Sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong việc bảo vệ người gửi tiền**

### **2.2.5.1 Sự phối hợp trong việc giám sát thị trường tài chính**

*Sự phối hợp giữa NHNN và Bộ Tài chính với BHTGVN*

Theo quy định tại Mục VII Thông tư 03/2006-NHNN, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước và BHTG phối hợp trong việc trao đổi thông tin và thanh tra, giám sát. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện gặp nhiều khó khăn vướng mắc, như:

- Việc trao đổi thông tin giám sát không được thực hiện một cách thường xuyên;

- Bảo hiểm tiền gửi có trách nhiệm cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước các thông tin liên quan đến tình hình hoạt động của tổ chức tham gia BHTG, chấp hành các quy định về BHTG và an toàn trong hoạt động ngân hàng theo định kỳ quý, hoặc thông tin về hỗ trợ tài chính và việc chi trả tiền gửi bảo hiểm đối với tổ chức tham gia BHTG theo định kỳ 6 tháng [9, mục VII ].

i) Ngân hàng Nhà nước có nhiệm vụ cung cấp cho BHTGVN các thông tin liên quan đến tổ chức tham gia BHTG, cụ thể như:

- Thông báo về tổ chức tham gia BHTG có vi phạm quy định về an toàn trong hoạt động ngân hàng theo định kỳ hàng quý;

- Thông tin đột xuất về tổ chức tham gia BHTG có nguy cơ mất khả năng chi trả, có tỷ lệ nợ quá hạn cao hoặc có thất thoát lớn về vốn, tài sản và có tác động nghiêm trọng tới các tổ chức tín dụng khác chậm nhất là 10 ngày sau khi có kết luận thanh tra và được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cho phép.

Trong bối cảnh thị trường tài chính phát triển một cách mạnh mẽ như hiện nay, thêm vào đó đặc thù hoạt động tài chính ngân hàng là mang tính chất nhạy cảm và tính lan truyền cao đòi hỏi phải có những xử lý mang tính kịp thời. Nhưng những quy định về cung cấp thông tin hiện nay giữa Ngân hàng Nhà nước và BHTGVN là chậm, không phù hợp với tính thị trường và đặc thù của hoạt động tài chính, ngân hàng.

Hiện nay pháp luật không có quy định rõ về nội dung, thời điểm giám sát cũng như việc phân cấp trong quá trình giám sát của thanh tra NHNN và BHTGVN. Từ đó, việc kiểm tra, giám sát của hai cơ quan đối với tổ chức tham gia BHTG sẽ bị chông chéo thậm chí là bỏ trống và giảm hiệu quả cũng như gây ra sự phiền nhiễu đối với tổ chức tham gia BHTG.

ii) Phối hợp với hai cơ quan trong việc xử lý đồ võ

Mối quan hệ giữa BHTGVN và tổ chức tham gia BHTG liên quan đến một số vấn đề nhằm thực hiện chính sách BHTGVN đặc biệt trong trường hợp xử lý đồ võ. Đến thời điểm cuối năm 2006 đã có 20 ngân hàng chính thức bị đóng cửa hoặc đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt để tiến tới rút giấy phép. Trong đó, 2 ngân hàng tình nguyện giải thể, 8 ngân hàng giải thể bắt buộc dưới sự giám sát của NHNN, 6 ngân hàng thực hiện sáp nhập theo chỉ định vào các ngân hàng khác và 4 ngân hàng đang trong tình trạng kiểm soát đặc biệt, thanh lý để tiến tới rút giấy phép [10, tr.14] . Trong quá trình xử lý đồ võ tín dụng do chưa có quy chế pháp lý rõ ràng đối với từng cơ quan chức năng liên quan do vậy đến nay vẫn chưa xử lý dứt điểm;

iii) Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam có chức năng thực hiện việc kiểm tra, giám sát, thu phí, hỗ trợ tài chính, chi trả tiền gửi được bảo hiểm đối với TCTD;

Tổ chức tham gia BHTG phải chấp hành các quy định của pháp luật để tổ chức BHTG thực hiện chức năng của mình.

Trong thực tế thực hiện nhiệm vụ, tổ chức BHTG gặp khó khăn đặc biệt là đối với những tổ chức không chấp hành những quy định kiểm tra, giám sát của tổ chức BHTG. Trong khi đó, pháp luật không có quy định cụ thể về chế tài đối với những trường hợp không thực hiện đúng hoặc không tuân thủ những quy định của Nhà nước về việc thực hiện chính sách BHTG. Đây cũng là rào cản trong quá trình BHTGVN thực hiện việc kiểm

tra, giám sát tổ chức tham gia BHTG và ảnh hưởng đến hiệu quả của công tác kiểm tra giám sát.

#### ***2.2.5.1 Sự phối hợp trong việc xử lý đồ võ tìn dụng***

*Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam và Tòa án và chính quyền địa phương có mối quan hệ phối hợp trong việc xử lý tổ chức tìn dụng bị đồ võ.*

Hiện nay, pháp luật về giải thể, phá sản cũng như pháp luật điều chỉnh hoạt động BHTG chưa có quy định rõ trách nhiệm cũng như thời điểm Tòa án, chính quyền địa phương tham gia việc xử lý đồ võ tổ chức tìn dụng.



**CHƯƠNG III**  
**QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP BẢO VỆ NGƯỜI GỬI TIỀN**  
**VÀ NÂNG CAO VAI TRÒ CỦA TỔ CHỨC BẢO HIỂM**  
**TIỀN GỬI TẠI VIỆT NAM**

**3.1. QUAN ĐIỂM VỀ BẢO VỆ NGƯỜI GỬI TIỀN Ở VIỆT NAM**

**3.1.1. Yêu cầu đặt ra đối với bảo vệ người gửi tiền**

*Bối cảnh quốc tế:* Thị trường tài chính bao gồm thị trường vốn và thị trường tiền tệ. Thị trường tài chính là một trong những cơ sở để đánh giá sự phát triển kinh tế của một quốc gia. Theo xu thế trên thế giới, hiện nay có hai xu hướng phát triển của thị trường tài chính đó là xu hướng hợp nhất và đa năng. Ví dụ ở Malaysia số lượng ngân hàng từ năm 1997 đến 2004 giảm từ 36 xuống 25 hoặc ở Mỹ giảm từ 9060 xuống còn 7352... Xu hướng hợp nhất được thể hiện rõ nét là số lượng các ngân hàng trong những năm gần đây có xu hướng giảm do quá trình sáp nhập và mua lại [22]. Xu hướng đa năng được hiểu là một ngân hàng hoặc một tổ chức tài chính có thể thực hiện nhiều mảng dịch vụ khác nhau với mức độ phân chia ranh giới giữa các dịch vụ tài chính thể hiện rất mờ nhạt.

*Bối cảnh trong nước:* Trong những năm gần đây, Việt Nam được đánh giá là nước có nền kinh tế đang nổi với sự phát triển mạnh mẽ của thị trường tài chính cả về quy mô và số lượng. Cũng nằm trong xu hướng chung của sự phát triển thị trường tài chính, các ngân hàng Việt Nam không chỉ thực hiện các dịch vụ truyền thống mà còn mở rộng các dịch vụ mới như kinh doanh tài chính, chứng khoán, bảo hiểm.

Mặt khác, do áp lực của việc gia nhập WTO với những lộ trình và cam kết quốc tế, Chính phủ Việt Nam đã và đang thực hiện đổi mới hệ

thống tài chính, ngân hàng thông qua việc cổ phần hóa các ngân hàng thương mại Nhà nước. Đồng thời, do áp lực của hội nhập, để đáp ứng yêu cầu và tiêu chuẩn quốc tế cũng như cạnh tranh với ngân hàng nước ngoài, các ngân hàng Việt Nam không ngừng tăng vốn điều lệ, đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ, hiện đại hóa công nghệ...

Đồng thời, do nền kinh tế nước ta hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế khu vực và thế giới nên những tác động của thị trường tài chính thế giới sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến thị trường tài chính Việt Nam. Theo quy luật chung, sự phát triển “nóng” của thị trường tài chính sẽ luôn đi kèm với những rủi ro tiềm ẩn. Bên cạnh những rủi ro truyền thống sẽ xuất hiện nhiều rủi ro mới. Người gửi tiền không chỉ chịu những rủi ro trong nước mà còn chịu những rủi ro do tác động của thị trường tài chính nước ngoài.

Với vai trò là một công cụ tài chính của Chính phủ, hệ thống BHTG tại Việt Nam phải thực hiện được sứ mệnh là bảo vệ người gửi tiền và đảm bảo sự phát triển an toàn và lành mạnh trước những rủi ro đó. Việc bảo vệ người gửi tiền là một trong những mục tiêu quan trọng góp phần đảm bảo an ninh kinh tế và được Chính phủ đặc biệt quan tâm.

Sự phát triển mạnh mẽ của thị trường tài chính nói chung và thị trường tiền tệ nói riêng ở nước ta luôn gắn liền với nguy cơ rủi ro cao do kết quả của tiến trình hội nhập kinh tế, quốc tế. Đặc biệt, sau khi Việt Nam gia nhập tổ chức thương mại thế giới WTO, ngành dịch vụ nói chung và ngân hàng nói riêng phải thực hiện những lộ trình và cam kết quốc tế. Điều đó đặt ra áp lực đối với ngân hàng là nâng cao năng lực tài chính và tăng sức cạnh tranh thông qua sản phẩm dịch vụ, áp dụng công nghệ hiện đại.

Trong bối cảnh hệ thống tài chính vừa phát triển mạnh mẽ vừa đối mặt với nhiều rủi ro hơn, pháp luật là thượng tầng kiến trúc xã hội phản ánh nội tại của xã hội cần có sự điều chỉnh cho phù hợp với sự phát triển của các quan hệ xã hội thuộc lĩnh vực điều chỉnh trong đó có thị trường tài

chính. Các quan hệ pháp luật về BHTG cần có sự thay đổi cho phù hợp với tình hình mới. Trong thời gian qua, thực trạng của quy chế pháp lý hiện hành điều chỉnh lĩnh vực BHTG ở Việt Nam đã bộc lộ nhiều bất cập và không còn phù hợp với sự phát triển mạnh mẽ của thị trường tài chính. Nếu pháp luật điều chỉnh hoạt động BHTG ở nước ta không có sự thay đổi kịp thời sẽ ảnh hưởng đến việc bảo vệ người gửi tiền và đảm bảo sự phát triển an toàn lành mạnh của hệ thống tài chính ngân hàng.

Ngoài ra, nền kinh tế của nước ta nói chung và hệ thống ngân hàng nói riêng ngày càng hội nhập sâu rộng và toàn diện vào nền kinh tế thế giới. Việc sử dụng công cụ BHTG cũng là một trong những dấu hiệu thể hiện sự hội nhập. Trong điều kiện như vậy, hành lang pháp lý điều chỉnh lĩnh vực BHTG cần được xây dựng phù hợp với thông lệ quốc tế. Bởi trên thực tế, những quy định của pháp luật điều chỉnh lĩnh vực BHTG ở nước ta so với thế giới còn nhiều bất cập và không phù hợp.

Trước yêu cầu bảo vệ người gửi tiền thì sự hoàn thiện pháp luật về BHTG là hết sức cần thiết. Việc hoàn thiện này cần gắn kết với đề án phát triển ngành ngân hàng Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 cũng như quan điểm của Nhà nước về việc phát triển hệ thống BHTG tại Việt Nam.

Theo Đề án phát triển ngành ngân hàng thì cần cải cách căn bản, triệt để và toàn diện hệ thống tổ chức tín dụng theo hướng hiện đại, hoạt động đa năng để đạt trình độ phát triển trung bình, tiên tiến trong khu vực ASEAN với cấu trúc đa dạng về sở hữu, về loại hình TCTD, có quy mô hoạt động lớn hơn, tài chính lành mạnh, đồng thời tạo nền tảng đến sau năm 2010 xây dựng được hệ thống các TCTD hiện đại, đạt trình độ tiên tiến trong khu vực Châu Á, đáp ứng đầy đủ các chuẩn mực quốc tế về hoạt động ngân hàng. Đảm bảo các TCTD, kể cả TCTD Nhà nước hoạt động

kinh doanh theo nguyên tắc thị trường và vì mục tiêu chủ yếu là lợi nhuận [5].

Để đảm bảo an toàn hoạt động ngân hàng, Đề án đặt ra mục tiêu là phát triển hệ thống giám sát ngân hàng hoạt động có hiệu quả. Theo đó, hoàn thiện các khuôn khổ pháp luật về giám sát ngân hàng và hạ tầng cơ sở kỹ thuật phục vụ hoạt động giám sát ngân hàng. Đảm bảo cơ quan giám sát hoạt động ngân hàng có đủ quyền lực cần thiết trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giám sát an toàn hệ thống và việc chấp hành đúng các quy định pháp luật trong hoạt động TCTD.

Trong các nhóm giải pháp lớn để thực hiện đề án, nhóm giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về tiền tệ và hoạt động ngân hàng là nhóm giải pháp quan trọng. Trên cơ sở tiến hành rà soát, bổ sung, chỉnh sửa cơ chế, chính sách và các văn bản phù hợp với lộ trình thực hiện các cam kết quốc tế trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, đặc biệt là các cam kết gia nhập tổ chức thương mại thế giới. Xây dựng các văn bản Luật và văn bản hướng dẫn có liên quan để tạo tính đồng bộ, nhất quán và hoàn chỉnh của hệ thống pháp luật về tiền tệ và hoạt động ngân hàng của một số Luật như Luật NHNN, Luật các TCTD, Luật Bảo hiểm tiền gửi...

### **3.1.2. Những yêu cầu để người gửi tiền được bảo vệ tốt hơn**

Ở mỗi quốc gia có cách thức bảo vệ người tiêu dùng khác nhau nhưng đều hướng tới những mục tiêu nhằm đảm bảo các quyền của người tiêu dùng như quyền được thỏa mãn nhu cầu cơ bản, quyền được an toàn, quyền được cung cấp thông tin, quyền được bồi thường, quyền được giáo dục, quyền được sống trong môi trường trong sạch và bền vững... Đó cũng là những quyền chính đáng của công dân trong một xã hội dân sự.

Người gửi tiền cũng là người tiêu dùng vì vậy họ cần phải được Chính phủ bảo vệ. Ở mỗi quốc gia người gửi tiền được bảo vệ khác nhau nhưng tựu trung ở một số điểm như tiền gửi của họ phải được đảm bảo an

toàn, tiền gửi phải được bồi thường trong trường hợp tổ chức tín dụng bị đổ vỡ, họ phải được cung cấp thông tin về tài chính, được giáo dục về tài chính và các sản phẩm tài chính... Đảm bảo an toàn cho tiền gửi của người gửi tiền không chỉ là hành động chi trả tiền gửi khi tổ chức nhận tiền gửi bị đổ vỡ mà các Chính phủ thông thường đặt ra việc giám sát tiền gửi của họ một cách thường xuyên. Đồng thời, để bảo vệ tiền gửi cho người gửi tiền, các Chính phủ thường thiết lập cơ chế giám sát tài chính để đảm bảo an toàn cho hoạt động ngân hàng nhằm mục đích bảo vệ triệt để người gửi tiền. Sau đây là những cách thức cơ bản mà các Chính phủ thường áp dụng để đảm bảo an toàn tiền gửi nhằm bảo vệ người gửi tiền.

*Thứ nhất: Thiết kế mô hình giám sát tài chính phù hợp*

Sự ổn định của hệ thống tài chính ngân hàng là nền tảng để bảo vệ tốt người gửi tiền. Sự ổn định đó liên quan đến việc thiết kế mô hình giám sát phù hợp. Theo thông lệ quốc tế mô hình giám sát được thiết kế đảm bảo nguyên tắc tránh chồng chéo hoặc bỏ trống giữa các bộ phận giám sát để đảm bảo tính hiệu quả trong quá trình triển khai nhiệm vụ.

*Thứ hai: Xây dựng và phát triển hệ thống BHTG hiệu quả*

Tổ chức BHTG thay mặt Chính phủ trực tiếp bảo vệ người gửi tiền thông qua các hoạt động nghiệp vụ như kiểm tra, giám sát rủi ro, xử lý đổ vỡ. Vai trò của hệ thống bảo hiểm tiền gửi là bảo vệ người gửi tiền, ngăn chặn khủng hoảng hệ thống, góp phần tạo sự ổn định hoạt động tài chính, ngân hàng, đảm bảo góp phần ổn định về chính trị, xã hội. Mô hình của tổ chức BHTG cần được xây dựng để bảo vệ triệt để người gửi tiền. **Theo thông lệ quốc tế, mô hình được nhiều quốc gia ưu tiên lựa chọn là mô hình giảm thiểu rủi ro.** Qua kiểm nghiệm về mặt lý luận cũng như thực tiễn ở quốc gia nào mà hệ thống BHTG hoạt động hiệu quả thì người gửi tiền được bảo vệ tốt hơn thông qua đó nâng cao niềm tin của công chúng đối với hệ thống tài chính ngân hàng, thúc đẩy quá trình huy động vốn...

*Thứ ba: Người gửi tiền cần được biết thông tin đầy đủ về hoạt động tài chính, ngân hàng*

Các cơ quan chức năng có trách nhiệm cung cấp thông tin rõ ràng, minh bạch về hoạt động tài chính ngân hàng đến người gửi tiền trong đó bao gồm những thông tin về sản phẩm dịch vụ, thông tin về việc công khai bảo vệ người gửi tiền của Chính phủ thông qua tổ chức BHTG, thông tin về quản trị, điều hành của tổ chức tín dụng... Việc cung cấp thông tin này không chỉ là trách nhiệm của một cơ quan riêng lẻ mà là tất cả những cơ quan liên quan như tổ chức tín dụng, tổ chức BHTG, các cơ quan giám sát... Thông tin được cung cấp nhằm mục đích trang bị những hiểu biết cần thiết cho người gửi tiền để họ sự lựa chọn dịch vụ và biết được quyền lợi, nghĩa vụ của họ khi tham gia vào thị trường tài chính nhưng cũng đảm bảo nguyên tắc không ảnh hưởng đến các tổ chức tín dụng.

Ở mỗi quốc gia có cách thức bảo vệ người gửi tiền thông qua việc minh bạch thông tin khác nhau như Chính phủ Canada đã thành lập “Cơ quan bảo vệ người tiêu dùng trong lĩnh vực tài chính” với nhiệm vụ điều chỉnh hoạt động của tổ chức tín dụng và những hành động của họ đối với khách hàng vào tháng 10 năm 2001. Ở Mỹ tổ chức BHTG đã có nhiều hoạt động tích cực để thông tin tín dụng đến người gửi tiền như giới thiệu chương trình khéo dùng tiền đến công chúng là những đối tượng trưởng thành hoặc giới thiệu trong các trường học, sử dụng website trợ giúp miễn phí đối với người gửi tiền, công khai minh bạch hóa các thông tin liên quan đến hoạt động tín dụng trên website... Thông tin tín dụng có thể đến với người gửi tiền bằng nhiều hình thức khác nhau như thông qua các chương trình giới thiệu quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng hay chương trình giáo dục cộng đồng... Tất cả những hoạt động đó là quyền của người gửi tiền cần được hưởng.

Ở Việt Nam vấn đề bảo vệ người gửi tiền chưa được Chính phủ quan tâm đặc biệt. Mặc dù, Chính phủ đã công khai bảo vệ người gửi tiền thông qua chủ trương phát triển hệ thống bảo hiểm tiền gửi, nhưng hiệu quả chưa cao vì nhiều hạn chế trong đó đặc biệt là về quy định pháp lý, hiệu lực thi hành của các văn bản pháp luật liên quan tới BHTG. Bảo vệ người gửi tiền cũng chính là bảo vệ người tiêu dùng, góp phần đảm bảo an sinh xã hội - vấn đề đang được dư luận quan tâm. Người gửi tiền được bảo vệ dưới những góc độ khác nhau như thông qua việc Chính phủ đảm bảo sự phát triển an toàn lành mạnh của hệ thống tài chính ngân hàng bằng các cơ quan giám sát, thực hiện bồi thường thiệt hại cho người gửi tiền trong trường hợp tổ chức tín dụng bị đổ vỡ, cung cấp thông tin tín dụng đến người tiêu dùng...

### **3.1.3. Yêu cầu đặt ra đối với tổ chức bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.**

Là tổ chức duy nhất thực hiện bảo vệ người gửi tiền tại nước ta, tổ chức BHTGVN cần có sự hoàn thiện để thực hiện được chức năng và nhiệm vụ được Nhà nước giao phó.

Hiện nay, hệ thống tài chính ngân hàng của nước ta đang thực hiện cải cách mạnh mẽ theo lộ trình và các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết. Sự cải cách đó bao gồm cả về lượng và về chất trong đó đảm bảo hoạt động theo nguyên tắc thị trường. Một trong những dấu hiệu dễ nhận biết nhất của tiến trình cải cách là quá trình cổ phần hóa các ngân hàng thương mại đang được thực hiện mạnh mẽ. Sự cải cách hệ thống tài chính, ngân hàng gắn liền với việc phát triển quy mô, mở rộng loại hình dịch vụ, đa dạng hóa sản phẩm... Với chức năng là tổ chức bảo vệ người gửi tiền và góp phần đảm bảo an toàn hoạt động tài chính, ngân hàng, tổ chức BHTG cũng cần thực hiện đổi mới cả về quy mô và năng lực để đảm bảo đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ trong tình hình mới. Để tổ chức Bảo hiểm tiền

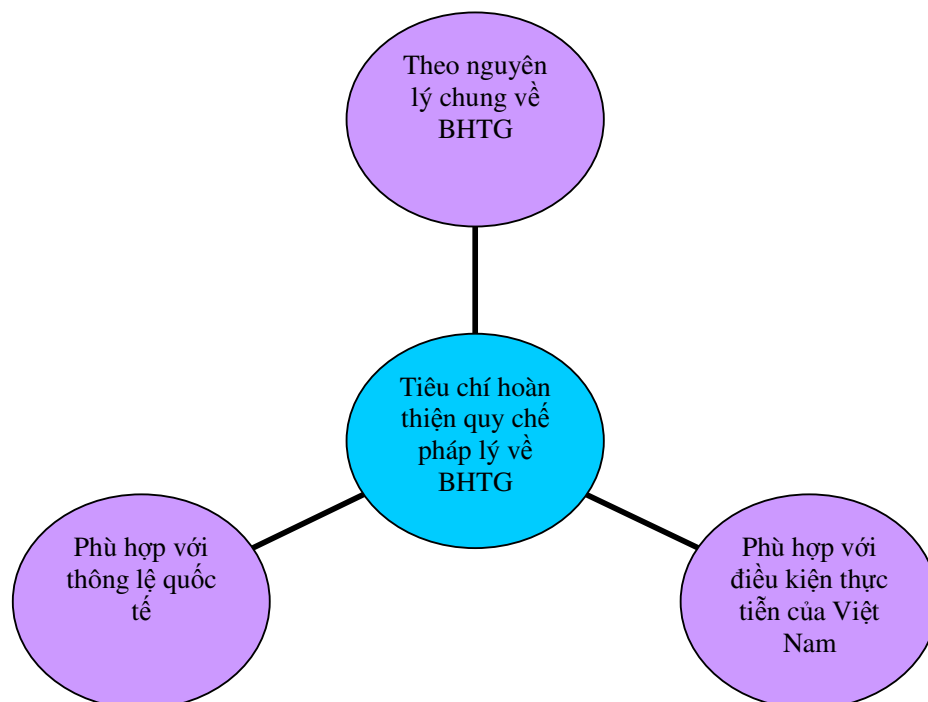
gửi Việt Nam thực hiện tốt hơn chức năng nhiệm vụ Nhà nước giao phó, cần phải có những cải cách từ những yêu tố bên trong và bên ngoài.

Về phía Chính phủ Việt Nam cần đặt ra vấn đề cải cách hệ thống BHTG tại Việt Nam đặc biệt là nâng cao năng lực pháp lý trong đó tập trung vào một số vấn đề: Xác định rõ mô hình; Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ; Nâng cao năng lực tài chính;

Về phía tổ chức BHTG, cần: Có chiến lược phát triển dài hạn; Nâng cao năng lực, trình độ cán bộ; Phát triển cơ sở hạ tầng thông tin.

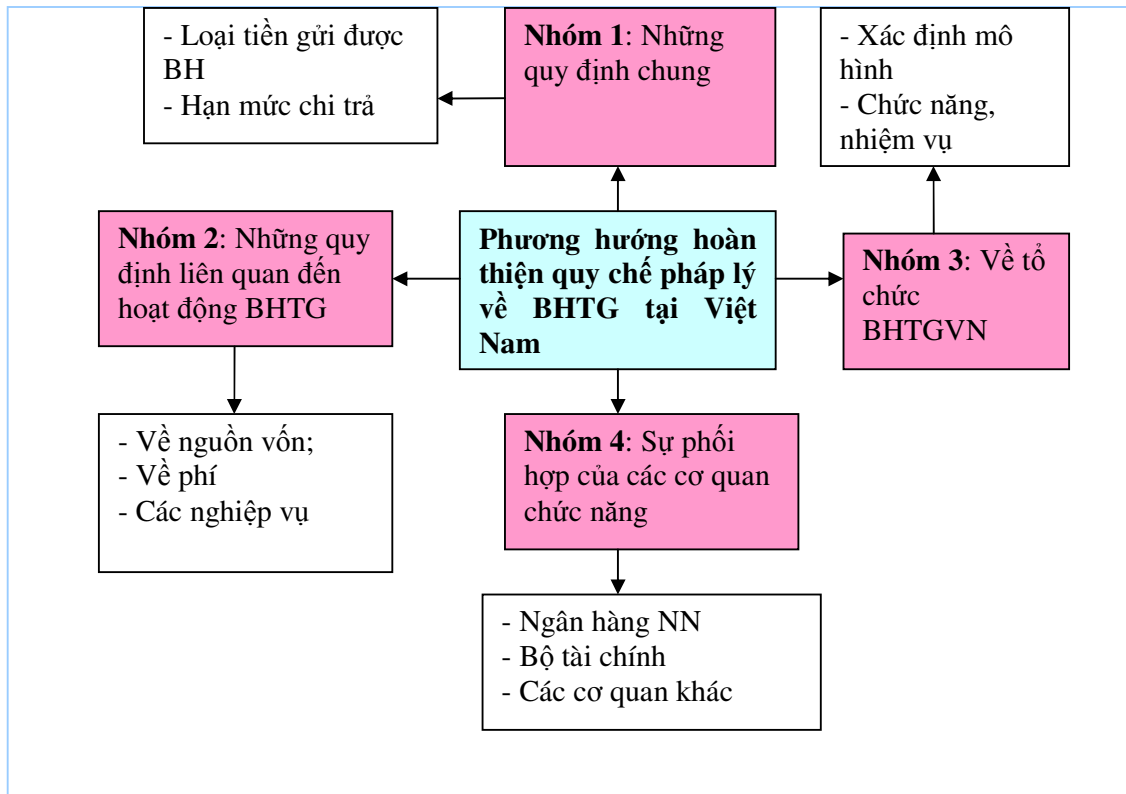
### **3.1.4. Yêu cầu về hoàn thiện hệ thống pháp luật về Bảo hiểm tiền gửi tại Việt Nam**

Hoàn thiện hệ thống pháp luật về BHTG là yếu tố cốt lõi quyết định thành công trong việc thực hiện chính sách BHTG. Trong thực tiễn hoạt động của tổ chức BHTG đã chứng minh tính bất cập của pháp luật về bảo hiểm tiền gửi và điều đó đặt ra vấn đề cần thay đổi. Việc thay đổi pháp luật về BHTG tiền gửi cần đảm bảo nguyên tắc sau:





Nội dung hoàn thiện tập trung vào một số vấn đề sau:



## 3.2. CÁC GIẢI PHÁP BẢO VỆ NGƯỜI GỬI TIỀN TẠI VIỆT NAM

### 3.2.1. Giải pháp hoàn thiện chính sách bảo vệ người gửi tiền

#### 3.2.1.1 Về đối tượng được bảo hiểm BHTG

Theo nghị định 89, đối tượng được bảo hiểm không chỉ là cá nhân mà còn là các hộ gia đình, tổ hợp tác, doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh. Tuy nhiên, Theo điều 130, khoản 2, Luật doanh nghiệp, công ty hợp danh là loại hình doanh nghiệp có tư cách pháp nhân. Do vậy, cũng đặt ra vấn đề là nên mở rộng đối tượng được bảo hiểm sang các doanh nghiệp có tư cách pháp nhân khác theo Luật doanh nghiệp [2].

### ***3.2.1.2 Về loại tiền gửi được bảo hiểm***

Hiện nay, loại tiền gửi được bảo hiểm là Việt Nam đồng, trong tương lai có thể xem xét đến yếu tố bảo hiểm ngoại tệ để thúc đẩy quá trình huy động vốn trong dân và đảm bảo công bằng giữa những người gửi tiền.

Cần định nghĩa rõ ràng về tiền gửi và tiền gửi được bảo hiểm.

### ***3.2.1.3 Về đối tượng tham gia BHTG bắt buộc***

Để bảo vệ người tiêu dùng nói chung và người gửi tiền nói riêng cần mở rộng đối tượng tham gia BHTG bắt buộc như các công ty bảo hiểm nhân thọ, công ty nhận ủy thác đầu tư chứng khoán.

### ***3.2.1.4 Về hạn mức chi trả tiền gửi được bảo hiểm***

Hạn mức chi trả tiền gửi được bảo hiểm tối đa là 50 triệu đồng bao gồm cả gốc và lãi như hiện nay là không phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội và là một trong những nguyên nhân làm giảm tính hiệu quả trong việc kích thích nguồn vốn huy động trong dân. Vì vậy, cần nâng hạn mức chi trả tiền gửi được bảo hiểm theo thông lệ quốc tế.

Việc quy định hạn mức chi trả tiền gửi được bảo hiểm, cần điều chỉnh theo hướng đưa ra hạn mức bảo hiểm toàn bộ đến một ngưỡng nhất định. Hạn mức chi trả toàn bộ được tính toán dựa trên việc bảo vệ số đông người gửi tiền. Số tiền lớn hơn hạn mức chi trả toàn bộ sẽ tính tỷ lệ lũy kế giảm dần. Cách giải quyết này đảm bảo được 3 yêu cầu là tránh được rủi ro đạo đức, khuyến khích được tiền gửi tiết kiệm và đảm bảo tính khả thi trong quá trình thực hiện. Việt Nam là nước có thị trường tài chính ở trong giai đoạn đầu của sự phát triển với nhiều biến động; vì vậy hạn mức chi trả tiền gửi được bảo hiểm nên để ở mức gấp 5 đến 6 lần GDP. Dựa theo tính toán thông lệ quốc tế hạn mức chi trả tiền gửi tối đa của BHTGVN hiện nay được tính theo tỷ lệ như:

**Công thức tính hạn mức chi trả tiền gửi được bảo hiểm  
của Việt Nam**

**GDP x 5,5 lần**

Với công thức như trên hạn mức chi trả tiền gửi của BHTGVN theo dự báo GDP năm 2008 sẽ được tính như sau: 906 USD x 5,5= 5280 USD (khoảng 85 triệu đồng). Như vậy, theo xu hướng phát triển của kinh tế - xã hội tại Việt Nam, Luật có thể quy định hạn mức chi trả khoảng 100 triệu đồng cho một cá nhân tại một tổ chức tín dụng.

Bên cạnh đó, về mặt lý luận, hạn mức chi trả phải đảm bảo yêu cầu là bảo vệ số đông người gửi tiền. Theo khảo sát của BHTGVN, số tiền gửi tại các ngân hàng có kết quả như sau:

*Về số dư tiền gửi được bảo hiểm*

- Tại thời điểm 30/6/2007, tổng số tiền được bảo hiểm của hệ thống là 336.571 tỷ đồng, tổng số khách hàng tham gia bảo hiểm là gần 9,6 triệu người:

TGBH theo đối tượng		Số KH (người)	Số tiền (tr.đ)
Cá nhân	Tuyệt đối	9.463.124	327.319.653
	% so với hệ thống	99%	97%
Đối tượng khác	Tuyệt đối	134.828	9.251.678
	% so với hệ thống	1%	3%
<b>Toàn hệ thống</b>		<b>9.597.952</b>	<b>336.571.331</b>

Như vậy, đối tượng được bảo hiểm lớn nhất tập trung vào khách hàng cá nhân, chiếm 99% tổng khách hàng được bảo hiểm, số tiền được bảo hiểm của cá nhân chiếm 97% tổng số tiền được bảo hiểm.

**• Xét cơ cấu tiền gửi bảo hiểm phân theo số tiền:**

**Cơ cấu tiền gửi thuộc đối tượng bảo hiểm phân theo số tiền**

Mức TG $\leq$ 50 tr.đ	19%
Mức TG $>$ 50 và $\leq$ 70tr.đ	5%
Mức TG $>$ 70 và $\leq$ 90tr.đ	4%
Mức TG $>$ 90 và $\leq$ 100tr.đ	5%
Mức TG $>$ 100 tr.đ	67%

Tiền gửi được bảo hiểm chiếm tỉ lệ cao nhất tại mức TG  $>$ 100 tr.đ, chiếm 67% tổng số tiền gửi được được bảo hiểm. Tổng số tiền gửi được bảo hiểm tại mức tiền gửi  $\leq$  50 tr.đ chiếm 19% tổng số tiền gửi bảo hiểm, đứng thứ 2. Với hạn mức chi trả  $\leq$  50 tr.đ hiện nay, 19% số tiền bảo hiểm được bảo hiểm toàn bộ. Vì thế, hạn mức chi trả tiền gửi được bảo hiểm hiện nay là thấp.

**Xét cơ cấu tiền gửi bảo hiểm phân theo khách hàng:**

Cơ cấu tiền gửi thuộc đối tượng bảo hiểm phân theo số khách hàng	
Mức TG $\leq$ 50 tr.đ	88%
Mức TG $>$ 50 và $\leq$ 70tr.đ	3%
Mức TG $>$ 70 và $\leq$ 90tr.đ	2%
Mức TG $>$ 90 và $\leq$ 100tr.đ	2%
Mức TG $>$ 100 tr.đ	6%

Khách hàng trong đối tượng bảo hiểm tập trung lớn nhất tại mức TG  $\leq 50$  tr.đ, chiếm 88% tổng số khách hàng. Tại các mức tiền gửi lớn hơn, số lượng khách hàng là rất nhỏ. Tại mức TG  $> 100$  tr.đ, số lượng khách hàng chiếm 6% tổng số khách hàng, trong khi đó số tiền bảo hiểm lại chiếm tới 67% tổng số tiền, cho thấy khoản tiền gửi/1 khách hàng là rất lớn. Với hạn mức chi trả  $\leq 50$  tr.đ hiện nay, 88% số khách hàng tham gia bảo hiểm được bảo hiểm toàn bộ.

Tại mức tiền gửi trên 100 tr số lượng khách hàng ít nhưng chiếm tới 67% tổng số tiền gửi. Do đó việc nâng cao hạn mức chi trả tiền gửi được bảo hiểm là vấn đề cần thiết phù hợp với tình hình thực tiễn của Việt Nam và thông lệ quốc tế.

Ngoài ra, khi tiềm lực tài chính của BHTGVN có khả năng, định chế pháp luật nên quy định hạn mức chi trả theo phương pháp lũy kế. Theo đó, quy định hạn mức chi trả 100% tiền gửi, sau đó giảm dần 90%, 80 % cho những khoản tiền gửi vượt quá hạn mức chi trả tối đa.

Bên cạnh đó, để đảm bảo tính ổn định của pháp luật trong điều kiện sự phát triển của thị trường tài chính là yếu tố động, cần quy định linh hoạt về hạn chi trả tiền gửi được bảo hiểm căn cứ vào tiêu chí xác định hạn mức. Theo đó, luật pháp nên quy định yêu cầu tổ chức BHTG cần đánh giá hạn mức bảo hiểm tiền gửi và đề xuất điều chỉnh cho phù hợp theo các tiêu chí nhất định. Ví dụ, pháp luật có thể quy định trong trường hợp hạn mức chi trả không đảm bảo tiêu chí bảo vệ được 90% số người gửi tiền thì tổ chức BHTG có thể đề xuất thay đổi hạn mức chi trả tiền gửi được bảo hiểm với sự phê chuẩn của Quốc hội.

### **3.2.2. Những quy định liên quan đến hoạt động Bảo hiểm tiền gửi**

#### ***3.2.2.1 Về năng lực tài chính***

Để đảm bảo năng lực tài chính của tổ chức BHTG tại Việt Nam nhằm thực hiện tốt việc bảo vệ người gửi tiền và đảm bảo an toàn hệ thống

trong bối cảnh các ngân hàng thương mại không ngừng tăng vốn điều lệ, nguồn vốn của tổ chức BHTG cần đảm bảo tỷ lệ an toàn theo thông lệ quốc tế. Theo đó, đến năm 2010 mức vốn điều lệ đạt khoảng 10 nghìn tỷ đồng. Hơn thế nữa, cần đa dạng hóa các danh mục đầu tư vốn tạm thời nhàn rỗi để tăng khả năng sinh lời cho Quỹ BHTG.

### ***3.2.2.2 Về phí bảo hiểm tiền gửi***

Việc áp dụng mức phí trên cơ sở rủi ro thay thế mức phí trên cơ sở đồng hạng như hiện nay để đảm bảo nguyên tắc thị trường trong hoạt động tài chính, ngân hàng. Theo thông lệ, khi xây dựng hệ thống phí bảo hiểm tiền gửi trên cơ sở rủi ro, tổ chức BHTG là cơ quan xây dựng và đề xuất. Điều này cũng cần được quy định trong luật BHTG để đảm bảo hiệu lực thi hành của các quy định pháp luật Việt Nam. Nguyên tắc đưa ra tỷ lệ phí dựa theo những tiêu chuẩn đánh giá tổ chức tín dụng tín dụng theo thông lệ quốc tế.

Song song với quy định về áp dụng mức phí trên cơ sở rủi ro, pháp luật cần có quy định chặt chẽ về chế độ bảo mật thông tin của những người có trách nhiệm của BHTGVN cũng như tổ chức tham gia BHTG. Hoạt động ngân hàng là hoạt động nhạy cảm, những thông tin liên quan đến việc đánh giá tổ chức tín dụng có thể ảnh hưởng mạnh mẽ đến hoạt động của tổ chức tín dụng. Quy định của pháp luật cần đảm bảo nguyên tắc tránh việc một tổ chức tín dụng được đánh giá hiệu quả hoạt động tốt thông qua mức phí thấp công khai với công chúng làm lợi thế cạnh tranh với các đối thủ có mức phí cao hơn. Những quy định đó phải đi kèm với những chế tài cụ thể.

### ***3.2.2.3 Về các hoạt động nghiệp vụ***

+ Nghiệp vụ giám sát rủi ro và kiểm tra khi cần thiết

Đây là một trong những nghiệp vụ quan trọng nhất của BHTGVN và đó là nghiệp vụ thể hiện rõ quan điểm của Chính sách vĩ mô về thiết kế mô hình BHTG. Hiện nay, có một số quan điểm cho rằng hoạt động kiểm tra

giám sát của BHTGVN chông chéo với hoạt động thanh tra của NHNN. Tuy nhiên, hoạt động giám sát của thanh tra NHNN đối với tổ chức tín dụng là hoạt động của một định chế Nhà nước, mang tính chất thực hiện quyền lực Nhà nước, còn hoạt động giám sát của tổ chức BHTG đối với hoạt động của tổ chức tham gia BHTG là hoạt động của một định chế kinh tế thị trường, chủ yếu không mang tính chất thực hiện quyền lực Nhà nước. Chính vì thế, tổ chức BHTG đại diện cho số đông người tiền, những người không có nhiều thông tin và phần lớn không giám sát thị trường; để giám sát rủi ro các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi nhằm 2 mục tiêu là bảo vệ người gửi tiền và góp phần ổn định tình hình hệ thống tài chính ngân hàng [12].

Để BHTGVN thực hiện tốt nghiệp vụ này, cơ chế pháp lý cần có sự quy định rõ ràng về một số vấn đề sau:

- Đối tượng giám sát rủi ro
  - Cách sử dụng kết quả giám sát rủi ro và kiểm tra
  - Sự phối kết hợp giữa các cơ quan chức năng trong việc thực hiện nghiệp vụ giám sát rủi ro (phối hợp với Ủy ban giám sát, Ngân hàng Nhà nước, Bộ tài chính, tổ chức tham gia BHTG...)
  - Quy định về quy chế cung cấp báo cáo, và trao đổi thông tin giám sát giữa các chủ thể liên quan (Ủy ban giám sát, Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính, tổ chức tham gia BHTG ...)
- Quy định chế tài đối với những tổ chức tham gia BHTG không chấp hành đúng những quy định về kiểm tra, giám sát của tổ chức tham gia BHTG.
- + Nghiệp vụ xử lý đổ vỡ ngân hàng.

Để tạo tính chuyên nghiệp, kỷ cương thị trường trong việc xử lý đồ vỡ tín dụng, các quy định về xử lý đồ vỡ tín dụng cần có sự điều chỉnh theo hướng:

Tạo thế chủ động và chịu trách nhiệm của tổ chức BHTGVN tham gia xử lý đồ vỡ tín dụng. Theo đó, những chức năng liên quan đến nghiệp vụ hỗ trợ tài chính, ngân hàng bắc cầu cần được quy định rõ ràng.

Để tạo tính chủ động để tổ chức BHTG thực hiện chức năng hỗ trợ tài chính, pháp luật cần có sự quy định cụ thể về thời gian, điều kiện, phương pháp, thời điểm hỗ trợ đối với tổ chức tham gia BHTG gặp khó khăn tạm thời về mặt tài chính. Đây là biện pháp cấp thiết và đòi hỏi sự khẩn cấp về mặt thời gian do đặc thù của hoạt động tài chính ngân hàng nên pháp luật cũng cần quy định tính chủ động của tổ chức BHTGVN trong việc quyết định hỗ trợ tài chính như tổ chức BHTG có thể tự quyết định hỗ trợ hoặc không hỗ trợ mà không phụ thuộc vào quyết định của cơ quan khác, quyết định mức kinh phí hỗ trợ...

Xây dựng cơ chế pháp lý rõ ràng để tổ chức BHTG có thể thực hiện chức năng tái cấu trúc hệ thống ngân hàng và can thiệp sâu vào việc xử lý tổ chức tín dụng bị đồ vỡ như chức năng mua bán nợ, ngân hàng bắc cầu...

Để tạo tính thống nhất và giải quyết những vướng mắc hiện tại, cần có quy định rõ việc giải thể, phá sản đối với lĩnh vực ngân hàng trong hệ thống pháp luật liên quan đến giải thể, phá sản vì đây là một lĩnh vực đặc thù.

+ Nghiệp vụ chi trả tiền gửi được bảo hiểm

Cần có sự quy định rõ ràng để thực hiện quy trình chi trả đảm bảo nguyên tắc bảo vệ nhanh nhất người gửi tiền;

Sau khi chi trả tiền gửi được bảo hiểm, BHTGVN đã trở thành chủ nợ đối với tổ chức tham gia BHTG bị giải thể hoặc phá sản. Để khắc phục



những tồn tại phục vụ cho công tác thu hồi tài sản của Nhà nước, vị trí chủ nợ của BHTG cần được ưu tiên.

### **3.2.3. Về mô hình của tổ chức Bảo hiểm tiền gửi tại Việt Nam**

#### ***3.2.3.1 Về hoàn thiện mô hình tổ chức***

Tiếp tục hoàn thiện mô hình của tổ chức BHTG tại Việt Nam theo hướng mô hình của tổ chức giảm thiểu rủi ro;

Mô hình của tổ chức BHTG cần được xây dựng theo mô hình Tổng công ty. Điều đó phù hợp với thông lệ quốc tế;

Xác định cơ quan chủ quản của tổ chức BHTG: Theo thông lệ quốc tế và để phù hợp với tình hình thực tiễn tại Việt Nam, pháp luật nên có quy định BHTGVN là cơ quan trực thuộc Chính phủ. NHNN, BTC sẽ thực hiện việc quản lý theo lĩnh vực chuyên môn;

#### ***3.2.3.2 Về hoàn thiện mô hình hoạt động***

##### ***- Về chức năng, nhiệm vụ***

Trên cơ sở xác định mô hình của tổ chức BHTG là mô hình giảm thiểu rủi ro, pháp luật hoàn thiện và mở rộng chức năng của tổ chức bảo hiểm tiền gửi, đặc biệt các chức năng liên quan đến xử lý đổ vỡ ngân hàng như hỗ trợ tài chính, mua lại nợ, ngân hàng bắc cầu...

##### ***- Về cơ quan quản lý tổ chức BHTG***

Để tạo sự chủ động cho tổ chức BHTG trong quá trình hoạt động và phù hợp với thông lệ quốc tế và phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam cơ quan quản lý tổ chức BHTG là Chính phủ. Còn các cơ quan nhà nước khác như NHNN hoặc Bộ Tài chính sẽ quản lý những lĩnh vực chuyên môn liên quan mà cơ quan đó phụ trách. Ví dụ Bộ Tài chính sẽ quản lý về cơ chế tài chính của tổ chức BHTG, NHNN quản lý những hoạt động liên quan tới lĩnh vực hoạt động ngân hàng.

### **3.2.4. Về sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng liên quan**

#### **3.2.4.1 Về sự phối hợp giữa BHTG với các cơ quan chức năng trong việc thực hiện giám sát hệ thống tài chính quốc gia**

*- Mối quan hệ giữa Ủy ban giám sát, Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính và Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam*

UBGS tài chính quốc gia là cơ quan đầu mối được Nhà nước trao quyền quản lý hoạt động giám sát thị trường tài chính, các cơ quan nhà nước quản lý các ngành lĩnh vực cụ thể có trách nhiệm báo cáo tình hình về ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý và giúp UBGS thực hiện hoạt động giám sát thị trường tài chính - ngân hàng - bảo hiểm quốc gia, qua đó phân tích, dự báo, cảnh báo mức độ an toàn hệ thống và nguy cơ rủi ro đối với thị trường tài chính quốc gia.

Trong bối cảnh thị trường tài chính có nhiều biến động hiện nay, cùng với đặc thù hoạt động tài chính ngân hàng mang tính chất nhạy cảm và tính lan truyền cao, đòi hỏi hệ thống các cơ quan: Ủy ban giám sát, Hội đồng tư vấn chính sách tiền tệ quốc gia, Bộ Tài chính, NHNN, BHTGVN phải có một cơ chế quy định rõ ràng các quy trình: phối hợp, trao đổi, xử lý thông tin nhanh chóng, kịp thời nhằm xử lý nhanh nhất các tình huống có thể xảy ra, giảm thiểu chi phí và đảm bảo tốt nhất quyền, lợi ích của người tiêu dùng dịch vụ tài chính.

Mặt khác, cần có sự phân công rõ ràng về khu vực giám sát của từng cấu phần để tạo tính chủ động, tránh nhiệm trong quá trình giám sát tránh tình trạng chồng chéo hoặc bỏ trống, ảnh hưởng đến hiệu quả giám sát như hiện nay.

Pháp luật cần có quy định rõ ràng về sự phối hợp giữa Bộ Tài chính và BHTGVN trong khuôn khổ giám sát hệ thống tài chính quốc gia đảm bảo nguyên tắc phối hợp và thống nhất.

### **3.2.4.2 Về sự phối hợp giữa BHTGVN với các cơ quan khác trong việc xử lý tổ chức tín dụng bị đổ vỡ**

Mối quan hệ giữa BHTGVN và tổ chức tham gia BHTG

Giữa Bảo hiểm tiền gửi VN và tổ chức tham gia BHTG có mối quan hệ trong việc thực hiện giám sát, nộp phí BHTG và bảo vệ người gửi tiền. Pháp luật cần có quy định rõ về trách nhiệm của tổ chức tham gia BHTG trong việc tuân thủ các quy định về giám sát. Đồng thời, phải có chế tài đối với những tổ chức tham gia BHTG không tuân thủ các quy định của pháp luật về BHTG.

Quyền lợi, trách nhiệm của tổ chức tham gia BHTG và người gửi tiền cũng cần có sự quy định cụ thể đảm bảo nguyên tắc quyền lợi của người gửi tiền được bảo vệ tối đa. Trong trường hợp tổ chức tín dụng bị đổ vỡ, họ có thể nhận được tiền gửi với thủ tục đơn giản và kịp thời để tránh ảnh hưởng đến hoạt động của các tổ chức tín dụng khác cũng như tình hình an ninh chính trị. Bên cạnh đó, pháp luật về BHTG chưa dự liệu cơ chế giải quyết những bất đồng, mâu thuẫn trong quá trình lập danh sách và chi trả cho người gửi tiền. Đây là thủ tục hành chính - giải quyết khiếu nại của người gửi tiền hay là thủ tục tư pháp - giải quyết tranh chấp tại tòa án. Vì vậy, khi xây dựng pháp luật cần dự liệu và quy định chi tiết trong Luật BHTG [2, tr.20];

*- Mối quan hệ giữa BHTGVN với Tòa án và chính quyền địa phương*

Việc xử lý đổ vỡ tín dụng liên quan đến nhiều cơ quan như BHTGVN, Tòa án, chính quyền địa phương, tổ chức tham gia BHTG, người gửi tiền. Pháp luật cần có sự phân định rõ ràng về nhiệm vụ quyền hạn của từng cơ quan trong quá trình xử lý tổ chức tín dụng bị đổ vỡ. Trong đó tập trung vào những nội dung cụ thể sau:

Chức năng, nhiệm vụ của tổ chức BHTG trong quá trình xử lý đổ vỡ. Theo đó cần có quy định rõ ràng và mở rộng chức năng để tổ chức BHTG

can thiệp sâu, chủ động và chịu trách nhiệm trong việc xử lý đồ vỡ như chức năng hỗ trợ tài chính, mua bán nợ, ngân hàng bắc cầu....

Chức năng nhiệm vụ của cơ quan cơ quan Tòa án, chính quyền địa phương cũng cần có sự quy định rõ ràng và cụ thể về thời điểm, nội dung can thiệp của các cơ quan trong quá trình xử lý đồ vỡ tín dụng [17];

Trên cơ sở chức năng, quyền hạn của từng chủ thể tham gia vào quá trình xử lý tổ chức tín dụng bị đổ bể, pháp luật cần quy định rõ về mối quan hệ giữa các chủ thể tham gia xử lý đồ vỡ tín dụng.

Hơn thế nữa, để đảm bảo nguyên tắc thị trường, gắn với yếu tố đặc thù của hoạt động tài chính ngân hàng, khắc phục tồn tại hạn chế và theo thông lệ quốc tế, cần có sự thống nhất và đồng bộ về định chế pháp luật điều chỉnh hoạt động BHTG tại Việt Nam; trong đó bao gồm sự thống nhất giữa Luật Ngân hàng Nhà nước, Luật Các tổ chức tín dụng, Luật BHTG và pháp luật về giải thể, phá sản. Đặc biệt, trong các quy định của pháp luật về giải thể, phá sản cần có quy định riêng đối với lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

## KẾT LUẬN

Việc nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về bảo hiểm tiền gửi và tổ chức Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam trong giai đoạn hiện nay là cần thiết vì thị trường tài chính của nước ta đang trong giai đoạn đầu của sự phát triển theo quy luật thị trường với nhiều biến động và thách thức trong đó nhu cầu về bảo vệ người gửi tiền và đảm bảo an sinh xã hội là mối quan tâm hàng đầu của Chính phủ. Đặc biệt trong bối cảnh Nhà nước đang có chủ trương hoàn thiện hệ thống pháp luật về tài chính, ngân hàng và BHTG phù hợp với điều kiện Việt Nam và thông lệ quốc tế sau khi gia nhập tổ chức thương mại thế giới WTO;

Việc nghiên cứu chính sách về BHTG và tổ chức BHTG tại Việt Nam gắn với việc nghiên cứu chung về vai trò của BHTG và pháp luật về BHTG trong đó bao gồm khái quát về quá trình hình thành và phát triển của bảo hiểm tiền gửi trên thế giới, BHTG và pháp luật về BHTG tại Việt Nam

Trên cơ sở đánh giá thực trạng chính sách bảo hiểm tiền gửi tại Việt Nam thông qua nghiên cứu pháp luật về BHTG tại Việt Nam thông qua hai tiêu chí cơ bản là quy chế pháp lý hiện hành điều chỉnh hoạt động BHTG tại Việt Nam và hiệu quả của quy chế pháp lý hiện hành. Đánh giá về hiệu quả của quy chế pháp lý hiện hành được thể hiện dưới 4 góc độ đó là: những quy định chung về BHTG, hoạt động BHTG, mô hình tổ chức BHTG và sự phối hợp của các cơ quan liên quan trong việc giám sát thị trường tài chính và xử lý đổ vỡ tại Việt Nam

Với sự đánh giá khách quan về hiệu quả pháp luật hiện hành và kinh nghiệm quốc tế, chuyên đề nghiên cứu cũng tập trung đưa ra phương hướng và các giải pháp hoàn thiện pháp luật về BHTG tại Việt Nam trên cơ sở giải quyết 4 vấn đề là: những quy định chung về BHTG, hoạt động BHTG, mô hình tổ chức BHTG và sự phối hợp của các cơ quan liên quan

trong quá trình thực hiện chính sách BHTG tại Việt Nam để hướng tới mục tiêu là bảo vệ tốt hơn người gửi tiền và đảm bảo an sinh xã hội.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tiếng Việt

1. Báo cáo công tác năm 2007 và triển khai nhiệm vụ năm 2008 của BHTGVN- BHTGVN
2. *Bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền theo pháp luật về BHTG tại Việt Nam- Thực trạng và phương hướng hoàn thiện* GS-TSKH Đào Trí Úc, Thông tin BHTG số 3 tháng 4 năm 2007
3. *Bảo hiểm tiền gửi- Nguyên lý, thực tiễn và định hướng*, TS Nguyễn Thị Kim Oanh- Nhà xuất bản Lao động xã hội, tháng 12 năm 2004
4. Điều lệ tổ chức và hoạt động của BHTGVN ban hành theo Quyết định số 75/2000/QĐ-TTg ngày 28/6/2000 của Thủ tướng Chính phủ
5. Quyết định số 112/2006/QĐ-TTg ngày 24 tháng 5 năm 2006 về việc phê duyệt đề án phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020
6. Nghị định 89/1999/NĐ-CP ngày 01/09/1999 của Thủ tướng Chính phủ về bảo hiểm Tiền gửi
7. Nghị định số 109/2005/NĐ-CP ngày 24/08/2005 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/1999/NĐ-CP ngày 01/09/1999 của Chính phủ về bảo hiểm tiền gửi
8. Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Các tổ chức Tín dụng ngày 15/06/2004
9. Thông tư số 03/2006/TT- NHNN ngày 25/4/2006 về việc hướng dẫn một số nội dung tại Nghị định số 89/1999/NĐ-CP ngày 01/09/1999 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/1999/NĐ-CP
10. *Trao đổi xung quanh vấn đề tiếp nhận, xử lý tổ chức tham gia BHTG*, Thông tin bảo hiểm tiền gửi số 6, 01/ 2008, TS Nguyễn Mạnh Dũng

11. *Xây dựng Luật BHTG- Yêu cầu tất yếu và cấp thiết khi Việt Nam gia nhập WTO*, TS Bùi Khắc Sơn, Thông tin Bảo hiểm tiền gửi số 5, 09/2007, tr.2-3

12. Về địa vị pháp lý của tổ chức BHTG ở Việt Nam, PGS TS Trần Đình Hảo, Thông tin Bảo hiểm tiền gửi số 6, 01/2008

13. *Khủng hoảng ngân hàng Northern Rock- Bài học không chỉ của “ xứ sở sương mù”*, Thúy Sen, Duy Cường Tạp chí Tài chính, thị trường tiền tệ số 9, 05/2008

14. Quyết định số 112/2006/QĐ-TTg ngày 24 tháng 5 năm 2006 về việc phê duyệt đề án phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020

15. [www.doisongphapluat.com](http://www.doisongphapluat.com) và [www.vnexpress.net](http://www.vnexpress.net)

16. Luật BHTG Liên bang Hoa kỳ

17. Luật BHTG Nhật Bản

18. Luật BHTG Hàn Quốc.

### **Tiếng Anh**

19. CDIC - 20 years in retrospect 1985-2005

20. Deposit Insurance and Consumer Protection - Governor, Bank Negara Malaysia

21. Deposit Insurance and Consumer Protection- Jean Pierre Sabourin, Chief executive Officer of Malaysia Deposit Insurance Corporation

22. Financial Institutions and Structure for Growth in East Asia- Jenny Corbett

23. Proposed Research plan for Developing General guidance for effective Deposit Insurance Mandate, IADI.

24. CDIC- 20 years in retrospect 1985-2005

25. The law of Republic of Indonesia

26. Proposed Research plan for Developing General guidance for effective Deposit Insurance Mandate, IADI.



27. Deposit Insurance in East Asia: Before and after The Asian financial crisis, David K.walker

28. [www.fdic.gov](http://www.fdic.gov)

29. [www.pidm.gov](http://www.pidm.gov)

30. [www.pdic.gov](http://www.pdic.gov)

31. [www.sbv.gov.vn](http://www.sbv.gov.vn)

Và một số tài liệu trong và ngoài nước khác.



